

Augustin George

**ĐỨC MARIA
TRONG TÂN ƯỚC**



ĐỊNH HƯƠNG TÙNG THƯ

Tái Bản 2004

**MARIA LÀ NỮ TÌ TUYỆT VỜI,
MẸ CHỈ BIẾT:**

**ĐÓN NHẬN CHÚA GIÊSU,
THỰC HIỆN CHÚA GIÊSU,
CHO CHÚNG TA CHÚA GIÊSU.**

**ĐÓ LÀ VAI TRÒ DUY NHẤT VÀ CAO CẢ
CỦA MẸ.**

Người dịch *Nguyễn Đăng Trúc*

**Centre de recherches religieuses
André de Phú Yên**

© **Định Hương Tùng Thư**
13 g rue de l'ILL, F. 67116 Reichstett, France
Tái Bản 2004

Augustin George

**ĐỨC MARIA
TRONG TÂM ƯỚC**

Người dịch *Nguyễn Đăng Trúc*

**Centre de recherches religieuses
André de Phú Yên**

© **Định Hướng Tùng Thư**

Tái Bản

13 g rue de l'ILL

67116 Reichstett, France

2004

Giám mục Giuse Vũ Duy Thống

Chủ tịch Ủy Ban Văn Hóa

Hội Đồng Giám Mục Việt Nam

Lời giới thiệu

Công đồng Vaticanô II đã dành chương VIII cũng là chương cuối của Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân về Mẫu Nhiệm Giáo Hội để nói đến Đức Trinh Nữ Maria Mẹ Thiên Chúa trong mẫu nhiệm Chúa Kitô và Giáo Hội. Bản văn này dựa vào nguồn Kinh Thánh, được bổ sung bởi một tài liệu quan trọng khác do giáo hoàng Phaolô VI công bố, mang tựa đề Marialis Cultus.

Cuốn ĐỨC MARIA TRONG TÂN ƯỚC mà độc giả cầm trong tay là một tài liệu nghiên cứu cô đọng liên quan đến nội dung đó, do linh mục Augustin George, một thần học gia công giáo về Thánh Kinh và Thánh Mẫu Học biên soạn.

Người công giáo Việt-Nam tha thiết kính mến và tôn sùng Đức Mẹ, nhưng lòng sùng kính của chúng ta cần được soi dẫn bởi mạc khải tìm thấy nơi Thánh Kinh và Giáo Huấn của Giáo hội. Chúng ta cần biết nhiều hơn, biết trong sự thật mạc khải về Mẹ Maria để, qua lời nhắn nhủ “anh

chị hãy làm đều Chúa Kitô dạy làm”, Mẹ sinh Chúa Kitô và làm cho Ngài lớn lên nơi cuộc sống Đạo hằng ngày của chúng ta.

Ước mong tài liệu về đào tạo Kitô giáo này, do Trung Tâm Nghiên Cứu Tôn Giáo Chân Phước Anrê Phú-Yên dịch và xuất bản, mang lại nhiều kiến thức thần học căn bản cho người tín hữu công giáo Việt-Nam chúng ta về Thánh Mẫu Học.

*Lễ Đức Mẹ dâng mình vào Đền Thánh
Ngày 21 tháng 11 năm 2003
+ **Gisuse Vũ Duy Thống***

Quyển 1

TIN MỪNG THỜI THƠ ẤU CHÚA THEO *LUCA I-2*

1. Phần nhất

Những khó khăn nơi các bản Tin Mừng

2. Phần hai

Truyền tin

3. Phần ba

Viếng thăm và bài ca ngợi Magnificat

DẪN NHẬP

Đặt vấn đề

Ngày nay có người nêu lên vấn đề về các bản Tin Mừng thời thơ ấu Chúa. Tôi nghĩ rằng trước hết cần bàn đến vấn đề đó một cách thẳng thắn.

Chúng ta biết những bản văn Tin Mừng về thời thơ ấu Chúa thường dấy lên một nỗi lo ngại, hoang mang nào đó trong cộng đồng Kytô hữu ngày nay. Người ta đặt lại vấn đề phải minh giải các huyền thoại. Nào là việc ngôi sao soi dẫn các nhà thông thái, nào là các lần xuất hiện của các thiên thần... Vậy, cần giữ lại những gì trong các sự kiện đó? Nhiều người còn đặt lại ngay cả vấn đề về sự trinh thai của Đức Maria. Những ai nghiên cứu về vấn đề ấy, thật khó tránh khỏi một cảm thức choáng váng. Năm nay, tôi từng tham dự tám cuộc thảo luận học hỏi của các linh mục: mỗi lần như thế, tôi đều được yêu cầu để trình bày suốt một ngày liền về các bản Tin Mừng thời thơ ấu Chúa, và đâu đâu người ta cũng nêu lên những khó khăn tương tự. Trước sự việc này tôi luôn lưu ý rằng đó không phải là vấn đề trọng yếu của các

bản Tin Mừng so với những nội dung có tầm vóc then chốt như Chúa Giêsu Phục Sinh, thần tính của Ngài. Những thắc mắc liên quan đến thời thơ ấu Chúa có thật, nhưng vẫn thứ yếu và phụ thuộc. Do đó việc đầu tiên cần phải làm là xếp các vấn đề này theo đúng tầm mức thật sự của chúng.

Tiếp đó, chúng ta sẽ bắt đầu xét đến hai chương đầu của Tin Mừng theo Luca để có thể am tường hơn hình ảnh của Đức Maria, ơn gọi và vai trò của Ngài. Chúng ta cố nghiên cứu một cách nghiêm túc, vì có như thế chúng ta mới tìm được sự an bình cần thiết: không gì tệ hại hơn là cứ mãi hoài nghi. Chúng ta cố xét xem một cách rõ rệt và quảng bỏ đi những lo sợ vu vơ. Như Giáo hoàng Lêô XIII từng nói như thế khi bàn đến lịch sử: *"Đức tin của chúng ta không có gì phải sợ sự thật."*

Phần nhất

NHỮNG KHÓ KHĂN NƠI CÁC BẢN TIN MỪNG

Trước khi đi sâu vào nội dung, ta cần đặt câu hỏi tại sao vấn đề được nêu lên. Khi gặp phải khó khăn, trước hết phải phân tích chính khó khăn đó. Tại sao ngày nay có nỗi hoang mang, choáng váng về các bản Tin Mừng thời thơ ấu Chúa nơi người tín hữu? Người ta thường cho rằng vì có nhiều việc kỳ diệu... Đúng và cũng không đúng. Thật ra có ít phép lạ trong bản văn Tin Mừng thời thơ ấu Chúa so với phần còn lại của toàn bộ. Trong phần này chỉ có một phép lạ: đó là sự trinh thai mà chúng ta sẽ phải bàn đến kỹ càng. Như thế, vấn đề của các bản văn Tin Mừng thời thơ ấu Chúa không phải vì phần ấy có nhiều phép lạ. Hẳn nhiên, có bầu khí kỳ diệu, có nhiều thiên thần, và vào thời buổi chúng ta đang sống dường như các thiên thần không còn được xem là đúng mốt nữa. Các

lý do thật sự của vấn nạn thật ra thiên về kỹ thuật của các bản văn.

I. NIÊN KỶ CỦA CÁC BẢN VĂN

Trước tiên, Tin Mừng thời thơ ấu Chúa được viết vào đợt cuối cùng của Tân Ước. Nếu nghiên cứu khá thấu đáo về Tân Ước, nếu cố xếp theo niên kỷ của các bản văn được viết ra, thì ta sẽ thấy bản văn nào được viết trước tiên? Đó là các thư của thánh Phaolô. Thư gửi cho các tín hữu Thessalônica được viết vào khoảng năm 51, những bức thư cuối gửi cho các tín hữu Colôssê và Ephêsô vào khoảng các năm 60 - 62. Vào thời đó chưa một bản Tin Mừng nào xuất hiện. Chắc chắn rằng có một truyền thống Tin Mừng được người ta lặp lại, rao giảng, đang thành hình, được cô đọng bằng lời nói, cũng có thể đã thành văn; nhưng chưa có bản Tin Mừng nào ta có ngày nay đã được viết ra lúc ấy. Tin Mừng của Marcô xuất hiện vào khoảng năm 67, nghĩa là bản văn của Marcô, thường được xem là bản văn tiên khởi thực sự được viết ra 5 đến 7 năm sau các bức thư do Phaolô viết khi bị bắt tù. Và sau đó, vào khoảng năm 80, các Tin Mừng của Luca và Mathêu mới xuất hiện, nghĩa là 30 năm sau các thư của Phaolô. Và chính vào thời này mới có Tin Mừng thời thơ ấu Chúa.

Tại sao có sự kiện đó? Cũng thật đơn giản. Hãy đọc Tông Đồ Công Vụ ở câu 1, 21: Khi người ta tìm kẻ thay thế cho Giuđa, Phêrô đã nói gì? "*Phải tìm nơi những kẻ đang sống với chúng ta từ ngày Gioan*

làm phép rửa cho đến khi Chúa Giêsu lên trời, một người có thể cùng chúng ta làm chứng sự sống lại của Chúa". Các Tông Đồ đã rao giảng điều gì? Các ngài đã rao giảng những gì họ đã từng chứng kiến: cuộc đời công khai của Chúa Giêsu, phép rửa của Gioan đến ngày Chúa lên trời. Và đó là điều chúng ta thấy trong Tin Mừng của Marcô và Gioan: Họ khởi đầu từ phép rửa của Chúa Giêsu, vì đó là sự kiện những kẻ làm chứng viết lại Tin Mừng thực sự hiện diện. Họ đã không hiện diện thực sự với Chúa trong thời thơ ấu của Ngài.

Khi truy cứu văn bản các Tin Mừng, ba bản văn gọi là nhất lãm, và ngay cả bản văn của Gioan, đều theo một khung hầu như giống nhau, bắt đầu từ việc Gioan Tẩy Giả giảng dạy, Chúa chịu phép rửa, chịu cám dỗ, rồi tiếp dẫn đến việc Chúa sống lại. Đó là truyền thống lúc ban đầu, còn gọi là việc rao giảng Kitô giáo thời khởi thủy. Người ta không rao giảng thời thơ ấu Chúa, vì người ta đã không thực sự hiện diện. Mãi đến năm 80 (*niên kỷ xác xuất của việc hình thành các Tin Mừng Luca và Mathêu*) mới thấy xuất hiện các Tin Mừng thời thơ ấu Chúa, 80 năm sau các sự kiện, 50 năm sau ngày Phục sinh, một thời gian khá lâu sau các thư thánh Phaolô, sau Tin Mừng của Marcô, và sau sự xuất hiện lần đầu tiên của các bản Tin Mừng nhất lãm. Và việc đó cũng là việc thường tình xảy ra theo luật chung của lịch sử. Người ta chỉ viết lịch sử một nhân vật, và nhất là về tuổi ấu thơ của vị này, một thời gian lâu sau khi đã chân nhận tầm quan trọng của đương sự. Ngày nay người ta viết

về đời sống của De Gaulle, nhưng về thời thơ ấu của ông hẳn phải đợi 20, 30, 40 năm sau, và theo một lối văn rất đặc biệt, rất tự do, vì người ta luôn phóng chiếu vào thời thơ ấu những tiền ảnh ăn khớp với sự việc xảy ra sau này. Khi viết về cuộc đời của một nhân vật, người ta không bắt đầu bằng tuổi thơ đến cuộc sống trưởng thành, người ta thường đi ngược từ thời trưởng thành đến tuổi thơ người ấy. Và người ta cũng chỉ viết về cuộc sống thơ ấu của các nhân vật nổi tiếng thôi, bởi vì các vị này đã làm một cái gì đó trong cuộc sống trưởng thành của họ. Trong truyền thống Tin Mừng cũng thế, trước hết người ta không chú tâm về thời thơ ấu Chúa Giêsu, nhưng là về mặc khải của Ngài.

Như vậy ở đây thật sự có vấn đề đặt ra: điều tiên khởi mà người ta ghi lại không phải là tuổi thơ của Chúa Giêsu, và do đó, khi viết về thời này, người ta đã sống thật lâu sau các sự kiện. Khi nói về việc Chúa Giêsu sống lại cho đến ngày Thánh Thần hiện xuống, thì đó là một biến cố chỉ có bảy tuần trước đó. Nhưng khi nói đến tuổi thơ Chúa Giêsu, thì các sự kiện đã qua đi đến 80 năm. Và việc đó đã dẫn đến vấn đề của các loại văn thể mà chúng ta sẽ bàn đến.

II. NHỮNG ĐI BIỆT CỦA LUCA VÀ MATHÊU

Rất khó lòng vào một khung chung nơi các bản văn Tin Mừng thời thơ ấu Chúa khi đối chiếu các bài tường thuật của Mathêu và Luca. Trong Luca, việc mô tả bắt đầu từ Nazareth nơi Maria lập gia đình,

nhưng vẫn trinh khiết¹. Thiên Thần báo cho Ngài là Ngài sẽ làm mẹ. Sau đó, Ngài lên Bethlêem vì lệnh kiểm tra dân số. Và Chúa sinh ra. Bốn mươi ngày sau, hài nhi được dâng trình tại Đền thánh và toàn gia trở lại làng cũ Nazareth.

Nếu đọc Mathêu, thì ta thấy mọi việc khởi đầu ở Bethlêem. Thánh sử này không nói việc Truyền Tin đã xảy ra ở đâu. Chúa Giêsu sinh ở Bethlêem; sau đó là cuộc hành trình tìm Chúa của các nhà thông thái, việc tàn sát các hài nhi vô tội. Phải trốn lánh qua Ai Cập một cách vội vã. Khi Herodê mất, toàn gia trở về; nhưng vì sợ trở về miền Giuđêa nên Giuse đi đến Galilêa, ở làng Nazareth. Ta có cảm tưởng là theo Mathêu, gia đình Chúa Giêsu đã cư ngụ ở Bethlêem, và nếu đến Nazareth ở, thì đó cũng vì tránh trở về Giuđêa.

Ngoài ra, theo sự xếp đặt các sự việc trong Luca (Sinh nhật - 40 ngày - dâng Chúa tại Đền Thánh - trở lại Nazareth), ta không biết phải định việc tàn

¹ Vào thời bấy giờ, tại các xứ Sêmit này, người ta gả chồng cho các cô rất sớm, các cô không sống thành vợ chồng thật sự ngay liền, nhưng vẫn được bán gả (có thể ly hôn). Các bản văn dịch ra pháp ngữ thông thường, thường dùng chữ "đính hôn = fiancée", nhưng tại Palestine không có một cái gì ăn khớp với lối đính hôn trong thời buổi tân kỳ của chúng ta. Maria đã lấy chồng (mariée) nhưng chưa làm lễ đưa dâu về nhà chồng, một nghi lễ khởi đầu cho cuộc sống vợ chồng thật sự. Chữ đầu tiên của Tin Mừng nói đến Ngài là muốn nói lên rằng ngài còn trinh khiết, được gả cho (mariée à) một người gọi là Giuse. Việc đó muốn nhấn mạnh rằng Maria còn cư ngụ nơi nhà của cha mẹ mình ở Nazareth.

sát các hài nhi vô tội và cuộc trốn lánh đến Ai cập vào lúc nào.

Vào thời kỳ từ lúc sinh ra đến 40 ngày sau hay sao? Nhưng như thế thì không đủ thì giờ để đi đến Ai cập rồi trở về, nhất là đối với một bà mẹ trẻ mới sinh con! Nếu vào một thời điểm sau đó? Cũng khó lòng vì Luca cho chúng ta hay sau khi dâng Chúa Giêsu tại Đền Thánh, toàn gia lại trở về Nazareth. Không phải hoàn toàn mâu thuẫn, nhưng sự việc đã không được mô tả đồng bộ vào một khung chung. Như thế điều gì thật sự xảy ra? Phải theo vị nào trong hai vị thánh sử? Vấn đề thật sự cần được nêu lên. Sau này, chúng ta sẽ thấy vấn đề ấy đáng lưu ý và là một cống hiến quý giá, vì nó chứng tỏ có sự độc lập trong các truyền thống này. Khi các truyền thống ấy gặp gỡ nhau, sự kiện đó chứng tỏ có một truyền thống xa xưa hơn Mathêu và Luca. Ở đây, tôi chỉ nêu lên rằng một trong những vấn nạn thường được nêu lên trong Tin Mừng thời thơ ấu Chúa Giêsu, thì đó chính là vấn nạn này.

III. VẤN THỂ

Khó khăn cuối cùng thuộc lãnh vực hành văn, tức là những lối diễn tả mà người viết sử dụng. Đầu đầu cũng có những lần các thiên thần xuất hiện... Những xuất hiện của các thiên thần không phải là những sự kiện bên ngoài theo kinh nghiệm thông thường. Một sự xuất hiện như thế là một sự kiện thuộc lãnh vực siêu nhiên, nội tâm. Nó không thuộc thế giới

vật chất, thấy bằng mắt trần: người ta không miêu tả thiên thần. Đây là một sứ điệp, một lời của Thiên Chúa được Mathêu cũng như Luca diễn đạt theo những hình thức văn chương rất cổ điển thường được dùng trong Kinh Thánh qua tất cả các lần xuất hiện có tính cách thần thánh trong Cựu Ước. Có rất nhiều cuộc loan báo của các thiên thần về các cuộc sinh ra "*Người sẽ thụ thai, người sẽ sinh một người con trai, và gọi tên là Emmanuel, là Samson...*", những lối nói như "*Người đừng sợ*", những cảnh dân chúng giao động trước thiên thần và trước những dấu chứng gửi đến! Ta thấy rằng Phúc Âm về thời thơ ấu cũng dùng những hình thức văn chương truyền thống này khi kể lại các lần xuất hiện.

Kỳ thực sự việc đó cũng dễ giải thích: *một sự xuất hiện của thiên thần thường được gọi lên để diễn đạt một sự kiện phi thường*. Nếu tôi phải kể lại một biến cố như thế, một khi mình chưa bao giờ chứng thực, thì tôi cũng phải mô tả theo những hình thức văn chương cổ điển của Thánh Kinh. Các vị viết Phúc Âm cũng đã làm như thế. Do đó, có một lối hành văn, một hình thức văn chương đã được sử dụng. Đó không phải là dụng ý nói sai sự thật, nhưng là nỗ lực diễn tả một sự kiện kỳ diệu mà Maria đã cảm nhận khi xác tín tuyệt đối về ơn gọi của mình và sứ mạng của con mình. (*Cũng như Zacharia và Simêon đã cảm nhận kinh nghiệm siêu nhiên đó*). Để trình bày sự kiện này, người ta đã dùng phương thức mô tả của những kẻ đã có những kinh nghiệm tương tự. Do đó, kể lại một sự

xuất hiện theo lối viết của Cựu Ước, là một việc làm bình thường.

Nhưng có một vấn đề liên quan giữa các kỹ thuật viết văn và biến cố được mô tả. Đó là vấn đề văn thể, tức là kỹ thuật dùng để diễn đạt, mô tả một sự kiện từ những câu truyện kỳ diệu đã xảy ra. Chỉ một sự kiện có tính cách siêu nhiên nhưng lại được ghi lại theo lối hành văn riêng của mỗi tác giả, thì hẳn nhiên sẽ cố gắng hiện những hình thức diễn tả với những hình ảnh đậm nhạt khác nhau. Và sự kiện này dấy lên vấn đề các loại văn thể của các bản văn Phúc Âm thời thơ ấu Chúa.

Tôi đề nghị ba điểm truy cứu:

- Trước hết, tôi sẽ trình bày cho thấy Luca muốn đưa ra những sự kiện thực tế đã xảy ra (công việc trình bày như thế thoạt tiên có tính cách ngây ngô, nhưng nó rất quan trọng, và tôi muốn chứng minh cái gì cho phép ta xác quyết đặc tính này).
- Thứ hai là việc Luca trình bày cái sự kiện này theo một số những kỹ thuật hành văn với cách trình bày đặc loại của chúng. Các kỹ thuật hành văn này một phần là tài năng riêng của tác giả, và một phần khác theo hình thức văn chương truyền thống (kỹ thuật đối chiếu song hành và kỹ thuật sử dụng Thánh Kinh).
- Sau đó, chúng ta có thể đề cập đến điều thứ ba: trong Phúc Âm thời thơ ấu, Luca muốn trình bày đầy đủ mâu nhiệm Chúa Giêsu.

A) Luca muốn kể lại các sự kiện

Ngày nay, khi đặt đến vấn đề về Tin Mừng thời thơ ấu Chúa, người ta thường hay nói rằng: Các tác giả đã làm công việc giảng giải thần học, dùng lối văn xác xuất, tô điểm thêm thắt, đưa vào những vị thiên thần, ánh sáng huy hoàng của cảnh vinh quang. Kỳ thực người ta quên rằng các vị viết Tin Mừng không phải là các nhà văn theo một tân thời ngày nay, và hơn nữa các ngài có một mục tiêu thật rõ rệt. Ngay khi bắt đầu viết Tin Mừng về thời thơ ấu, Luca cho chúng ta hay rằng:

"Vì nhiều vị đã làm công việc viết một câu chuyện chép lại những biến cố đã xảy ra giữa chúng ta, cũng như những kẻ ngay từ đầu từng là chứng nhân tận mắt đã kể lại những sự kiện đó cho chúng ta nghe, và họ đã trở thành những kẻ phục vụ lời Chúa, nên phần tôi hỏi Thêôphilê đáng kính, sau khi đã học hỏi tất cả một cách kỹ lưỡng ngay từ đầu, tôi thấy cần phải viết các việc đó cho anh theo thứ tự lớp lang để anh có thể biết được tính cách chắc chắn của các biến cố mà anh đã được giảng dạy" (I, 1-4)

Ý muốn của Luca - và đó là việc chính yếu khi khởi đầu viết Tin Mừng - là kể lại các sự kiện; điều mà Luca muốn đạt đến là sự chắc chắn của các sự kiện. Vì trong thời Kitô giáo sơ khai, khi người ta kể lại Tin Mừng, người ta nghĩ rằng biến cố Giêsu Kitô

luôn đẹp hơn tất cả những gì mà người ta có thể bày vẽ ra. Các vị viết Tin Mừng không phải là những người suy tư xây dựng những hệ thống thần học đẹp đẽ: họ là những chứng nhân. Mục tiêu tối hậu của Luca trước hết là nói cho chúng ta hay về biến cố Đức Kitô.

Khi muốn điều tra về các phép lạ của Chúa Giêsu hoặc về sự sống lại của Ngài, Luca dễ gặp được những chứng nhân về các sự kiện đó. Luca đã sống hai năm ở Palestine trong thời kỳ Phaolô bị cầm tù, và đã gặp nhiều vị có thể kể lại những sự việc họ thấy tận mắt. Ngược lại, khi viết Tin Mừng thời thơ ấu Chúa (*nghĩa là 80 năm sau thời Chúa Giêsu còn bé*), những người có thể làm nhân chứng thì bấy giờ đã phải trên 100 tuổi. Đối với một người luôn tìm cách sâu sát cụ thể các dữ kiện như Luca hẳn sẽ dễ dàng để biết được những gì xảy ra khi Chúa Giêsu xuất hiện công khai hơn là những gì thuộc thời thơ ấu của Ngài. Thế mà, Luca vẫn muốn trình bày các sự kiện thời ấu thơ này.

Vậy chúng ta có những phương cách nào để kiểm chứng những gì Luca kể lại? Chúng ta có những phương tiện kỹ thuật, khoa học, kiểm thảo nào để tìm xem nơi Tin Mừng của Luca những gì ông nghe được trước đó? Chúng ta có hai phương cách: Đối chiếu với Mathêu (những điểm gặp gỡ với Tin Mừng Mathêu), và kiểm thảo ngay nơi bản văn của Luca.

- Những điểm gặp gỡ với Tin Mừng Mathêu

Tôi vừa trình bày về một trong những khó khăn của những bản văn về thời thơ ấu Chúa là việc đối chiếu Luca với Mathêu.

Cần phải xếp cuộc trốn lánh qua Ai Cập ở đâu?

Luca nói rằng họ đã khởi hành từ Nazareth và trở về lại Nazareth; Mathêu nói rằng họ ra khi khởi Bethlêem và trở về Nazareth vì không thể nào đi đến vùng Giuđêa... Như thế hai vị viết Tin Mừng chắc chắn độc lập không ảnh hưởng lên nhau: Luca chắc chắn đã không đọc Tin Mừng của Mathêu, cũng như Mathêu đã không đọc của Luca. Và họ chắc chắn không có cùng một nguồn tài liệu. Nhưng chính khi hai vị viết Tin Mừng độc lập như thế mà gặp nhau ở một số điểm, thì những truyền thống dị biệt này phải lệ thuộc vào một truyền thống chung như cha Lagrange đã phát biểu khi lấy lại lời nói của Héraclite: "*Khi có được sự đồng ý của những người chứng khác biệt nhau thì đó là điểm xác thực*".

Thế thì những sự kiện mà Mathêu và Luca gặp nhau là những sự kiện nào? Đó là :

- về tên gọi của cha mẹ Chúa Giêsu: Giuse và Maria,
- về việc Giuse là hậu duệ của Đa-vit, một sự kiện rất quan trọng trong xứ Palestine,
- về sự kiện quan trọng bậc nhất là trong Luca cũng như trong Mathêu, Đức Giêsu được thụ thai do một trinh nữ bởi việc làm của Chúa Thánh

Thần. Và họ kể lại sự kiện đó một cách rất khác biệt nhau.

Mathêu là một tác giả viết Tin Mừng người Do Thái, nên chỉ nói về thánh Giuse, và vì thế có điểm đặc biệt : - có một thiên thần đến nói với Giuse: "*Vợ của anh đã thụ thai do Thánh Thần*", - và Maria lại không xuất hiện ở đây. Chúng ta đang ở trong thế giới của đông phương nơi mà phụ nữ không được lưu ý đến.

Luca là một người Hy Lạp nên để ý nhiều hơn đến phụ nữ và kể rằng thiên thần đến gặp Maria.

Lối trình bày rất khác nhau. Chúng ta có một bản văn viết cho người Do Thái trong Tin Mừng Mathêu và một bản văn viết cho người Hy Lạp trong Tin Mừng Luca. Nhưng trong cả hai bản văn, Chúa Giêsu được thụ thai do người trinh nữ bởi việc làm của Chúa Thánh Thần. Như vậy, Luca đã không đặt bày ra việc này theo một nền thần học Hy Lạp; và Mathêu cũng không đặt bày việc đó theo một nền thần học Do Thái. Hai vị hẳn phải lệ thuộc một truyền thống trước đó. Vì Luca và Mathêu viết Tin Mừng vào khoảng năm 80, nên chắc chắn đã có một nguồn tài liệu có sẵn trước ở Palestine. Tôi có thể kết luận đây là một sự việc đã từng được nói đến trong giáo hội ở Palestine vào khoảng các năm 50 - 60, nghĩa là 20 đến 30 năm trước khi có các Tin Mừng Mathêu và Luca.

Trong hai bản Tin Mừng, Chúa Giêsu sinh ra ở Bethlêem. Và họ đã không sao lại nhau. Một vài nhà phê bình từng nói rằng người ta cố xếp cho Chúa

Giêsu sinh ra ở Bethlêem để ứng nghiệm lời tiên tri Michée: "*Và người, hỡi Bethlêem...*"; nhưng giả thiết đó không đứng vững. Khi đọc các bản văn Do Thái đương thời, ta thấy người ta chẳng quan tâm chút gì về nơi chốn mà Đấng Thiên Sai phải sinh ra. Ngược lại, người ta lại nói rằng: "*Đấng Thiên Sai, khi Ngài đến, thì người ta không biết từ đâu mà đến*". Tâm thức đó được thánh Gioan viết lại trong câu 7, 27.

Việc kiểm thảo văn chương về Tin Mừng của Gioan không phải việc dễ dàng gì, nhưng ở đây chắc chắn nó có giá trị của một quan niệm thật cổ xưa được nhiều nhà văn Do Thái chứng thực. Thật thế, trong thế giới người Do Thái, Đấng Thiên Sai họ đợi chờ là một kẻ đã trưởng thành, một vị chỉ huy trận mạc. Về tuổi thơ của vị này, nơi sinh ra, tất cả các việc đó không quan trọng chi. Như thế phải nói rằng không phải có lời sấm ngôn của tiên tri Michée mà người ta sắp xếp Chúa sinh ra ở Bethlêem, nhưng vì Đức Giêsu đã sinh ra ở Bethlêem nên người ta đã truy tìm lại sấm ngôn này của Michée. Khi những người Do Thái vào thời này đọc tiên tri Michée: "*Và người, hỡi Bethlêem, đất Giuđa, người không phải là một thành phố bé nhỏ... chính từ nơi người sẽ sinh ra Đấng Thiên Sai*", họ hiểu rằng: Đấng Thiên Sai là con Đa-vit. Ngài có thể sinh ra ở Roma, Babylone hoặc Alexandria, không quan hệ gì; Ngài sinh ra ở Bethlêem theo nghĩa là Ngài là một hậu duệ của Đa-vit. Nhưng họ không đọc sấm ngôn của Michée để hiểu đó là một sự loan báo về nơi chốn rõ rệt mà Đấng Thiên Sai phải sinh ra.

Một điểm gặp gỡ khác nữa trong hai bản Tin Mừng đó là Chúa Giêsu sống thời thơ ấu của mình tại Nazareth. Trong Tin Mừng Luca, vì đó là nơi cư ngụ của cha mẹ Ngài; trong Tin Mừng Mathêu, vì đó là nơi họ tị nạn để khỏi phải đến ở Giuđêa. Nhưng cả hai đồng ý với nhau ở điểm này: Đức Giêsu đã sống thời thơ ấu ở Nazareth, và trong tất cả các bản Tin Mừng, Đức Giêsu được gọi là Giêsu người Nazareth. Đó là những việc được truyền bá trước các bản Tin Mừng của Mathêu và Luca, và hai vị phải lấy lại từ một truyền thống ở xứ Palestine.

Đó là chỉ dẫn đầu tiên để khám phá cho thấy có những tài liệu trước bản văn của Luca hoặc Mathêu.

- **Kiểm thảo ngay nơi chính bản văn**

Đây là chỉ dẫn thứ hai, tinh tế hơn, nhưng vẫn có giá trị. Khi đọc các bản văn này, ta thử hỏi có thể khám phá được rằng một số không phải do Luca viết ra, và như thế phải chăng là do các truyền thống xa xưa hơn? Tôi không truy cứu từng chi tiết một, nhưng sẽ đưa ra một vài thí dụ:

Thí dụ trước hết là kỹ thuật mô tả sự kiện được lập lại giống nhau, từ bản văn Tin Mừng thời thơ ấu Chúa. Trong bài tường thuật về cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu, có lẽ là truyền thống cổ xưa nhất của các bản Tin Mừng, các tác giả Tin Mừng theo sát nhau từng bước trong hai chương liền: tiệc ly, cơn thống khổ, cuộc chặn bắt, đưa ra trước các vị thẩm phán Do

Thái, đưa ra trước Philatô, đánh đòn, đường thánh giá, bị xử đóng đinh, an táng vào mồ. Đó là đoạn văn duy nhất mà các vị viết Tin Mừng chép như nhau trong hơn 100 câu. Người ta có cảm tưởng có một truyền thống đã được cô đọng thật vững vàng đến độ không thể có những biến thái, trong lúc đó ở các nơi khác lại thấy có những uốn chuyển: chẳng hạn việc trình bày về bài giảng trên núi, các phép lạ v.v... Nhiều nhà phê bình thường nghĩ rằng điểm đầu tiên này được cô đọng, có lẽ là do một việc làm tế tự: trong phụng vụ người ta bấy giờ nhắc lại khổ nạn Chúa Giêsu: "*Này những người Galata điên rồ, trước mắt các người Đức Giêsu đã được đưa ra cho các người thấy, Đức Giêsu Đấng đã bị đóng đinh trên thập giá...*"; "*Hỡi anh em Côrintô, khi tôi đến với anh em, tôi chỉ muốn biết Đức Giêsu chịu đóng đinh trên thập giá...*". Trong truyền thống văn chương của các bản Tin Mừng thì khổ nạn Chúa Giêsu là sự kiện được kể lại kỹ càng hơn cả.

Cuộc khổ nạn đó của Chúa Giêsu đã được kể lại như thế nào? Hãy lấy sự kiện chịu đóng đinh trên thập giá. Đây là những gì được viết về Chúa Giêsu: Người ta lột áo Ngài, người ta bắt thăm áo đó, người ta cho Ngài uống dấm, những người thân chứng kiến từ đằng xa, dân chúng đi qua lắc đầu và chế nhạo. Nhưng tất cả những điều đó được kể lại theo các câu văn mẫu của các Thánh Vịnh, nhất là Thánh Vịnh 22 và Thánh Vịnh 69.

Nếu đọc các bản Tin Mừng và lưu ý đến các dẫn chiếu theo Cựu Ước được chú bằng chữ viết xiên,

các bạn sẽ thấy toàn bộ bài khổ nạn được viết với những đoạn văn của các Thánh Vịnh.

Tại sao? Bởi vì, vào thời khởi thủy Kitô giáo, cái chết của Chúa Giêsu là một *xì-căng-dan* tột bậc. Và nếu chúng ta lấy lại lời giảng giải của các Tông Đồ trong cuốn Công-vụ, chúng ta thấy Đức Giêsu đã chết thể theo các bản Kinh Thánh. Ngài chết, đó là điều không thể chấp nhận được, nhưng việc ấy xảy ra đúng với các bản Kinh Thánh. Người ta đã không bày đặt việc Ngài bị lột áo ra: sự kiện này xảy ra đối với tất cả những kẻ bị kết án. Người ta không tưởng tượng ra việc áo Ngài bị bắt thăm: lính tráng phải chia nhau áo đó. Những lời sỉ nhục, dấm chua, đó là những sự kiện rất đáng tin, những sự kiện rõ ràng công khai, có thể kiểm chứng và rất phổ biến. Như thế, ta thấy khi bắt đầu kể lại Tin Mừng, người ta đã tường thuật theo tiền cảm của Cựu Ước.

Người ta cũng có thể chứng minh rằng chính phép rửa của Chúa Giêsu cũng được viết theo các đề mục đã ghi trong Cựu Ước: Israel ra khỏi nước và nhận lãnh Thánh Linh, đó là đoạn 44 Isaia - Phép lạ hóa bánh thành nhiều trong bốn bản Tin Mừng được kết thúc bằng câu "*Họ đã ăn và đã được no thỏa*": đó là Thánh Vịnh 78 về bánh Man-na.

Đâu đâu trong tất cả các hồi quan trọng của Tin Mừng, các tác giả đều dùng các lối văn của Cựu Ước. Trong miền Palestine của Đức Kitô, khi kể lại lịch sử thánh, luôn luôn có những thành ngữ Kinh Thánh với ngữ vựng Kinh Thánh như vậy. Đó là minh

chứng về sự liên tục và nhất thống của việc làm của Thiên Chúa. Sự kiện đó được gọi là Midrash.

Vậy, khi Luca và Mathêu gặp gỡ nhau về sự kiện Đức Kitô được thụ thai do một trinh nữ, họ đã trình bày sự kiện đó như thế nào? Hai vị đều dẫn chiếu Isaia 7,14: "*Nầy một người trinh nữ (theo tiếng Do Thái) thụ thai và cô sẽ sinh một con trai và đặt tên cho trẻ đó là Emmanuel*". Hai vị viết Tin Mừng trình bày cho chúng ta sự kiện trinh thai theo các thành ngữ của bài tiên tri về Emmanuel. Mathêu viết ra thành văn, còn Luca hàm ngụ sự kiện đó. Nhưng chắc chắn họ gặp nhau ở điểm này! Không phải tự họ đặt bày ra nội dung ấy. Đằng sau Mathêu và Luca, chúng ta có một "Midrash" về sự trinh thai, đưa sự kiện đó tương quan với đoạn văn Isaia 7, 14 là bản văn được thời bấy giờ chân nhận có nội dung loan báo Đấng Thiên Sai. Lịch sử về việc minh giải bản văn này là một số vấn đề khó khăn và rối rắm, nhưng điều quan hệ đối với chúng ta là phương cách mà người ta đọc nó vào thời bấy giờ. Mathêu và Luca trình bày cho chúng ta hay rằng bản văn kia giải thích sự sinh ra của Đức Giêsu, Đấng Thiên Sai. Như thế, chúng ta có thể nhìn vào bản văn để thấy rằng chắc chắn nó đã hiện hữu trong truyền thống ở Palestine và theo hình thức một Midrash.

Điều này là một nét đặc biệt của Palestine và không thể đã xuất phát trong thế giới Hy Lạp. Bultmann cho rằng trinh thai là một sáng kiến từ những người nói tiếng Hy Lạp, và Dibelius cũng nghĩ thế. Nhưng đưa ra lối văn "Midrash" nơi đoạn Tin

Mừng này của Luca là bác khước được giả thiết đó của họ. Đức Giêsu được thụ thai do một trinh nữ bởi Chúa Thánh Thần đã có tương quan với đoạn 7, 14 Isaia, phải nói đó là một xác quyết của cộng đoàn ở Palestine thời bấy giờ, và như thế là trước những năm 60.

Với một lối chứng minh tương tự, ta có thể trình bày về lời sấm của Simêon trong ngày dâng Chúa vào Đền Thánh: *"Đứa trẻ này làm cho nhiều kẻ trong Israel phải vấp ngã nhưng cũng làm cho nhiều kẻ được chỗi dậy, là dấu chỉ mà người ta sẽ từ khước"*. Đây là một bản văn gút mắt đối với một Luca người Hy Lạp; một đoạn văn không phải Hy Lạp và hiển nhiên là Palestine, đã được đọc bằng tiếng Aram hoặc tiếng Do Thái. Nó cô đọng các thành ngữ Thánh Kinh. *Đứa trẻ này làm cố cho người ta vấp ngã và chỗi dậy, là viên đá, viên đá làm nền và cũng là viên đá làm vấp ngã, trên đó người ta tự kiểm điểm về mình thể theo việc người ta tin hay không tin. Dấu chỉ này bị khước từ nhắc lại bản văn của Isaia. Lưỡi gươm sẽ đâm qua lòng người trinh nữ, đã từng có trong Ezéchiel.* Toàn bộ lời sấm của Simêon về lưỡi gươm và đứa trẻ, là một lối nói phát sinh nơi Palestine không thể chối cãi được. Người ta có thể tranh luận về đoạn *"Nunc dimittis"*, được viết ra từ Isaia thứ hai và từ bản văn Hy Lạp; nhưng người ta không thể tranh luận về nguồn gốc bài sấm về lưỡi gươm.

Nếu nghiên cứu kỹ lưỡng và khoa học, người ta sẽ thấy trong mỗi đoạn văn này có nhiều yếu tố giải thích nguồn gốc của chính bản văn. Đây là một

thí dụ. Khi thiên thần nói với Zacharia: "*Lời cầu xin của người đã được thực hiện, nay vợ người sẽ sinh một con trai; người gọi tên là Gioan*", nếu đọc bằng tiếng Hy Lạp, ta không thấy có gì đặc biệt. Nhưng nếu chuyển dịch lại tiếng Do Thái, thì thấy có một lối trùng âm giữa "lời cầu xin" và "Gioan". Đó là một câu có lẽ đã được viết và lưu truyền bằng tiếng Do Thái hay Aram (*thời bấy giờ người ta nói tiếng Aram, nhưng tiếng Do Thái lại được dùng trong ngôn ngữ tôn giáo*). Thật thế, đây có lẽ là một lối giải thích về tên gọi của Gioan, cũng như trong Tin Mừng Mathêu có một cách giải thích về tên của Chúa Giêsu: Người gọi đứa trẻ là Giêsu, vì người đó sẽ cứu dân mình ("*Giêsu*" có nghĩa là "*Đấng Cứu Độ*").

Ta thấy được rằng đằng sau các bản văn Tin Mừng có những yếu tố đã được biết đến tại xứ Palestine vào những năm 50 trước khi các bản văn ấy được viết ra. Tôi nghĩ rằng sự kiện này minh chứng Luca đã muốn kể lại các sự kiện. Khi ông kể về thời thơ ấu Chúa, Luca không tự bày vẽ ra, nhưng dùng một số yếu tố có trước mà bấy giờ có thể kiểm chứng. Hẳn nhiên, việc này không đủ để giải quyết hết mọi vấn đề, nhưng giúp ta tiến gần đến các sự kiện.

Cuối cùng, sử gia có thể thắc mắc là các yếu tố đó do đâu mà có. Hẳn chúng không phải do các tông đồ kể lại: họ không sống với Chúa vào thửa Ngài còn ấu thơ. Nhưng, trong Giáo Hội vào những năm 50, chúng ta được biết rằng có những kẻ mà người ta gọi là "*các anh em của Chúa Giêsu*"; Chúa hẳn phải có gia đình bà con. Bấy giờ có Giacôbê, anh

em Chúa, người đã từng được Đức Kitô sống lại hiện ra, đã tiếp đón Phaolô ở Giêrusalem năm 57, và đã chịu tử đạo ở Giêrusalem năm 62. Nếu có một truyền thống về thời thơ ấu Chúa Giêsu, thì phải tìm trong giới "*các anh em của Chúa Giêsu*". Hẳn quý vị đó phải hãnh diện được làm người thân thích của Chúa Giêsu và phải kể lại các việc này. Và hẳn họ cũng biết được nhiều chuyện để kể lại.

Như vậy, trước hết, Luca muốn kể lại những sự kiện. Và chúng ta thấy rằng, nếu muốn kể lại, thì Luca dùng các yếu tố đã có sẵn trước đó.

B) Luca dùng các kỹ thuật viết văn riêng

Luca kể lại các sự kiện này theo một lối viết thích hợp với một mẫu sắp xếp nào đó: *Kỹ thuật đối chiếu song hành và sử dụng Kinh Thánh*.

- Kỹ thuật đối chiếu song hành

Người ta đã thấy rõ phương cách xây dựng bản văn Tin Mừng của thời thơ ấu Chúa. Có việc loan báo về Gioan và truyền tin về Chúa Giêsu; một cuộc gặp gỡ giữa hai bà mẹ, gọi là thăm viếng. Kỳ thực đây là sự gặp gỡ giữa hai người con, và Chúa Giêsu đã thánh hóa cho kẻ dọn đường của mình. Cuộc gặp gỡ được đánh dấu bằng bài ca ngợi: Magnificat. Tiếp đó, việc sinh nở, cắt bì của Gioan, sứ mạng tiên tri của ông được loan báo qua một bài sấm ngôn trong *Benedictus*: "*Và người, hồi trẻ nhỏ, người sẽ được gọi*

là tiên tri của Đấng Tối Cao". Cuối cùng, là sự lớn lên của Gioan "đứa trẻ lớn lên, mạnh khoẻ ra; sống nơi sa mạc". Và ta có một diễn tiến các sự kiện y như thế đối với Chúa Giêsu: sinh ra, cắt bì, sấm ngôn tiên đoán sứ mạng của Chúa Giêsu do Simêon: "Ánh sáng để mặc khải cho muôn dân, là sự vấp ngã và chỗi dậy của nhiều người trong Israel."; và cuối cùng: "Đứa trẻ lớn lên và khoẻ mạnh, và sống vâng phục cha mẹ mình".

Như thế trong toàn khối có sự đối chiếu song song: trong Tin Mừng Luca, tuổi thơ của Gioan và của Chúa Giêsu đối chiếu với nhau từng màn một.

Có một bài ca *Magnificat* để kết luận buổi gặp gỡ cũng như có một bài ca *Benedictus* để ca tụng sứ mạng của Gioan, và một bài *Nunc demittis* để loan báo sứ mạng của Chúa Giêsu. Các Thánh Vịnh cũng đối đáp nhau như thế.

Người ta thấy liên sự đối chiếu song song của toàn khối này. Nhưng kỳ thực, việc đối chiếu đó còn chính xác hơn thế nữa. Trong mỗi màn, chúng ta thấy cùng một thứ tự cho các chữ dùng giống nhau. Thiên thần hiện ra cho Zacharia, ông này sững sốt - thiên thần hiện ra với Maria và bà sững sốt, bà tự hỏi lời chào này là gì đây. Thiên thần nói với cả hai người: "Đừng sợ". Thiên thần loan báo một sự sinh ra cho cả hai người: báo cho Zacharia rằng vợ ông sẽ sinh con; báo cho Maria rằng chính bà sẽ sinh con. Và thiên thần cũng nói với hai người: "Và người đặt tên cho đứa trẻ...". Cả hai đều nêu lên một câu thắc mắc: "làm sao sự việc có thể xảy ra như thế được?". Câu hỏi

của Zacharia là một câu hỏi không tin, như thiên thần sau đó cho ta hay. Zacharia đòi có một dấu chứng, và thiên thần cho ông ta một dấu chỉ, đồng thời cũng là một hình phạt. Maria hỏi: *"làm sao sự việc xảy ra cho được khi tôi không có những liên hệ với chồng tôi."* Và thiên thần giải thích sự trinh thai và cho cô một dấu chỉ. Thiên thần nói với Zacharia: *"Người sẽ câm vì người đã không tin"*. Như Elizabeth sẽ nói với Maria: *"Phúc thay cho em, vì em đã tin điều Chúa loan báo cho em sẽ thực hiện"*. Hai màn này đối đãi nhau từng chữ. Khi ta viết lại thành cột để khảo sát, ta thấy có những câu giống nhau được xếp vào cùng một chỗ như nhau.

Bây giờ nếu ta khảo sát về các màn nói đến sự sinh ra, chúng ta sẽ thấy chúng lại khác biệt nhau. Dấu vậy Luca vẫn nói: *"khi thời kỳ sinh đẻ đối với Elizabeth đã chu tất, bà sinh hạ một người con trai"* (1, 57). Lối viết - chu tất thời sinh đẻ - không phải là cách nói của người Hy Lạp đương thời, nhưng đó thật sự là lối văn Hy Lạp của các bản Bảy Mươi. Và người ta có nguyên văn thành ngữ đó về Maria: *"và khi bà đến Bethlêem, xảy ra việc những ngày để phai sinh đẻ đã chu tất, và bà đã sinh hạ con đầu lòng của mình"* (2,6). Cuối đoạn viết về sinh nhật của Gioan: *"Mọi người khi nghe tin đó suy nghĩ và tự hỏi: đứa trẻ này sẽ làm gì?"* (1,66). Và đối với Chúa Giêsu thì: *"Maria giữ lại những lời đó và suy niệm trong lòng mình"* (2,19). Dân chúng trong miền Giuđa ghi lại sự kiện trong lòng họ, trong ký ức họ, nhưng họ không suy nghĩ. Phần Maria, bà ghi lại trong tâm hồn và suy niệm.

Việc đối chiếu song song luôn cho thấy có một sự khác biệt nổi bật lên. Câu thắc mắc của Zacharia do lòng nghi ngờ, không tin làm nổi bật câu hỏi của Maria, một câu hỏi của đức tin.

Kỹ thuật đối chiếu được sử dụng tối đa không phải chỉ trong cấu trúc về lời nói, mà còn trong lối sắp đặt các bối cảnh của sự kiện.

Kỹ thuật đối chiếu song hành đó lấy từ đâu? Kỹ thuật đó không có trong Cựu Ước. Có các nhân vật đối ứng nhau, như Giôđua và Môisen, Môisen và Elia, Elia và Elisée.... Nhưng những hình ảnh song song này không bao giờ được kết hợp trong một bản văn được dùng để so sánh. Ngược lại, đây là một lối hành văn cổ điển trong văn chương Hy Lạp, đặc biệt trong hài kịch, trong văn chương hùng biện, phê bình văn học và nhất là trong văn chương sử học. Khi trình bày một nhân vật, thường người ta đối chiếu người này với người khác.

Chỉ có một cuốn sách trong Kinh Thánh đã dùng lối văn này: đó là sách Khôn Ngoan, và đó là một cuốn viết bằng tiếng Hy Lạp. Ở các chương 11 đến 17, sách đối chiếu những tai ương Chúa gửi đến cho Ai Cập và những phép lạ Chúa ban cho Israel ở sa mạc. Dân Ai Cập thấy nước đổi thành máu và chúng ta đã có nước nhiệm mầu; dân Ai Cập đã ở trong bóng tối còn chúng ta có cột lửa; dân Ai Cập đã chết còn tất cả trẻ con đầu lòng của dân chúng ta đã được cứu thoát...

Trong Tân Ước, có một vài mẫu đối ứng song hành nhỏ nơi các tác giả Hy Lạp, như Phaolô: Giao

ước cũ và mới, Aga và Sara, hy tế cũ và hy tế mới... Nhưng có một sự đối chiếu rõ rệt, chi tiết: đó là sự đối chiếu song song giữa Phêrô và Phaolô trong sách Tông Đồ Công Vụ, một tác phẩm của Luca.

Luca đã muốn trình bày cuốn Tin Mừng về thời thơ ấu Chúa theo kỹ thuật đối chiếu song hành, tại sao? Để minh chứng rằng không có sự đối kháng giữa Chúa Giêsu và Gioan, cả hai đều thực hiện ý định của Chúa, Chúa hành động bằng một phương cách trên hai người: báo tin, sinh ra (với một dấu chỉ), thời trẻ thơ. Luca tìm cách quẳng bỏ những đối nghịch. Nhưng sự đối chiếu giữa Chúa Giêsu và Gioan cũng không ngừng làm nổi bật sự siêu vượt:

- Gioan sẽ được cao cả trước Thiên Chúa (ông là đại tiên tri như Elia đã nói)
- Chính Chúa Giêsu sẽ là vị cao cả.

Luca 1, 17 đã nói về Gioan "*Người đó sẽ đi trước mặt Chúa, đầy thần trí và uy dũng của Elia để đem tâm hồn con người trở về*". Trong ngày Chúa Giêsu sinh ra: "*Thánh Thần ngự xuống trên Người, quyền uy của Chúa Tối Cao phủ lấy Người*". Đây là sự cách biệt và siêu vượt vô tận!

- Gioan được Thánh Thần ứng nhập như bao tiên tri khác;
- Chúa Giêsu sinh ra từ Thánh Thần.

Như thế sự đối chiếu làm nổi bật mâu nhiệm Chúa Giêsu Kitô. Gioan được sinh ra trong một gia đình thầy cả, ở giữa bạn bè thân thích. Chúa Giêsu sinh ra trong một cuộc hành trình bất ngờ, trong một hang đá, trong cô đơn; được chính mẹ Ngài vấn tã.

Không có ai cả. Cảnh nghèo khổ khốn cùng của Chúa Giêsu khi sinh ra thật khác lạ với sự đầy đủ của sinh nhật Gioan! Đối với Gioan, có một dấu chứng về sự thỏa thuận giữa cha và mẹ người về tên gọi đứa trẻ. Đối với Chúa Giêsu, thì cả đạo binh thiên quốc: "*Ta loan một tin mừng lớn cho các người, hôm nay một đấng cứu thế, Chúa Kitô sinh ra cho các người...*". Một mặt là nghèo khổ, khốn cùng, mặt khác là vinh quang Thiên Chúa tràn đầy. Luca muốn làm nổi bật sự siêu vượt của Chúa Giêsu từ ngay trong cảnh khốn cùng cũng như nơi vinh quang cao cả của Ngài: hai bản văn sắp xếp bên nhau làm nổi bật những nội dung nhắm đến.

Như thế lối sắp xếp đối đãi song song này có một tác dụng trong Tin Mừng Luca: đó là làm nổi bật những đặc tính siêu nhiên, phi thường, Gioan sẽ loan báo sự cứu độ, nhưng sự cứu độ là Chúa Giêsu.

Ta có thể so sánh 1,80 và 2,40.

- Viết về Gioan: "*Đứa trẻ lớn lên và vững mạnh trong tinh thần, và sống trong sa mạc cho đến ngày xuất hiện công khai ở Israel*" (1,80).
- Còn về Chúa Giêsu: "*Đứa trẻ lớn lên và vững mạnh, đầy khôn ngoan, và ơn phúc Thiên Chúa ở nơi Ngài*" (2,40).

Có lẽ đây là đoạn rõ nhất ta thấy được diệu dụng của kỹ thuật đối đãi song song. Gioan luôn cần lãnh nhận Thánh Thần: người bước đi trong Thánh Thần và quyền năng của Elia. Chúa Giêsu không lớn

lên trong Thánh Thần. Ngài được thụ thai bởi Thánh Thần.

Phải nói rằng Luca đã có thể kể lại nhiều chuyện khác về Gioan và Chúa Giêsu, nhưng ông đã chọn phương cách trình bày một vài khía cạnh song song để minh chứng sự nhất quán của ý định Thiên Chúa và tính cách siêu việt của mầu nhiệm Chúa Giêsu.

Kỹ thuật dụng văn này đã gây nhiều thắc mắc cho sử gia: Khi muốn sắp xếp song song hai nhân vật, người ta dễ bị cám dỗ phải bỏ bớt phần nào những gì không giống nhau, và chọn những gì có thể xếp song song với nhau. Luca đã chống lại cơn cám dỗ này: đối với Gioan, Luca đã viết một câu về sinh nhật của vị này và tất cả phần còn lại nói về cắt bì, trong đó vấn đề dấu chỉ về tên gọi được đặt ra. Còn về Chúa Giêsu, có 20 câu mô tả sinh nhật của Ngài và một câu nói đến cắt bì. Như thế ta thấy không nhất thiết phải bị gò bó bởi kỹ thuật dụng văn. Nhưng kỹ thuật dụng văn của Luca tự nó là một lối giải thích, và ta cần phải lưu ý đến chủ định của tác giả: có nhiều việc mà Luca có thể đã không nói đến vì chúng nằm ngoài chủ định đặt nơi hai nhân vật này một cách song song với nhau.

- **Sử dụng Kinh Thánh**

Luca sử dụng Kinh Thánh để kể lại thời thơ ấu Chúa, và ông sử dụng Kinh Thánh một cách có hệ thống. Tác giả không sử dụng theo lối của cộng đồng

khởi thủy sống tại Palestine, y như người Do Thái sử dụng lối "Midrash", chẳng hạn như Thánh Vịnh 22 đã kể lại việc Chúa chịu đóng đinh trên thập giá, nhưng:

1. Tác giả đã tìm những sấm ký tiên tri được thực hiện trong biến cố mà ông tường thuật. Khi thiên sứ Gabriel loan báo sứ mạng của Chúa Giêsu. "*Chúa là Thiên Chúa sẽ cho người ngôi Đa-vít, tổ phụ người, người sẽ trị vì trên nhà Gia-cop đến muôn đời và quyền cai trị của người sẽ không bao giờ cùng.*" Đó là đoạn văn y bản của Isaia 9,6.

Bài "*Nunc dimittis*" của Simêon là một đoạn Luca lấy từ Isaia hai trong bản gốc Hy Lạp: "*Mắt tôi đã thấy được sự cứu độ của Chúa*" Is 40, 5; "*mà Chúa đã sắp đặt trước mắt mọi dân tộc*" Isaia 52, 10; "*ánh sáng để mặc khải cho các nước*" Isaia 42, 6; "*vinh quang cho dân Israel của Chúa*" Is. 46, 13; 45,25. Toàn bộ bài *Nunc dimittis* được kết dệt theo các bản văn Isaia, là tiên tri phổ quát duy nhất của Cựu Ước.

Khi mô tả sứ mạng của Gioan (trong *Benedictus* 1,76); tác giả cũng làm như thế: "*Người sẽ bước đi trước mặt Chúa để dọn đường của Người*" Is. 40,3.

Như thế, Thánh Kinh được dùng như lời tiên tri để viết về Gioan và Chúa Giêsu. Luca tìm trong Cựu Ước những bản văn liên quan đến sự việc.

2. Tác giả tìm nơi Thánh Kinh những nét đặc trưng, tức là những yếu tố lịch sử giúp ta hiểu được hoàn cảnh mới.

Khi nói về Gioan, tác giả viết: "*Người sẽ không uống rượu và đồ uống đã lên men*". Nội dung đó có trong việc loan báo về Samson (Thẩm phán 13,14) và trong việc loan báo về Samuel (I S. 1,13: bản Hy Lạp). Luca am hiểu về truyền thống nói về Gioan: ngài là một nhà khổ hạnh. Tác giả đi tìm trong Cựu Ước những gì giống với đời sống khổ hạnh đó, và đã thấy những vị Nazinh, tức là những con người hiến dâng cho Chúa để làm những cuộc thánh chiến; các vị này cấm không được dùng các loại thức uống dậy men.

Về Gioan, Luca viết: "*Người này sẽ đưa nhiều con cái Israel trở về với Chúa là Thiên Chúa của họ*" (1,16). Nội dung này đã được Cựu Ước, trong Malachia 2, 6 dùng để định nghĩa Lêvi, vị thầy cả. Gioan là con vị thầy cả, và chính ngài là thầy cả. Ngài được mô tả qua hình ảnh một thầy cả lý tưởng đó là Lêvi.

Gioan vững mạnh nơi thần trí: xem sách các Thẩm phán 13, 24, 25 viết về Samson...

Tất cả những yếu tố được Luca dùng lại từ Cựu Ước là những yếu tố minh chứng rằng Gioan là một nhà khổ hạnh, một thầy cả, một vị thẩm phán, một kẻ được Chúa sai đến để loan báo sự phán xét của Người.

Về Elizabeth, Luca cũng dùng phương pháp tương tự. Bà son sẻ, tuổi đã già: đó cũng là những gì đã viết về Sara (Sáng thế 11, 30). Bà hân hoan: "*Đó là việc Chúa đã làm cho tôi*". Bà thật sự dùng lại những lời nói của Sara khi cứu mang Isaac (Sáng thế

21, 6). "*Chúa đã cất khỏi sự sỉ nhục của tôi*": xem những lời của bà Rachel từng son sẻ (Sáng thế 30, 23).

Khi thiên thần nói với Maria: "*...vì không có gì mà Chúa không làm được*", đó cũng là lời Chúa nói với Sara (Sáng thế 18, 14).

Tất cả những chất liệu văn chương về câu truyện được Luca kể lại đều tìm thấy trong các màn tương tự ở Cựu Ước. Những người thuộc lòng Cựu Ước sẽ thấy sự kiện đó xuất hiện mọi chỗ mỗi khi Luca mô tả về Gioan (Samson, Nazir...), về Elizabeth (Sara...) v.v... Câu thiên thần chào Maria "*người hãy vui lên*" lấy lại Sophonia 3,14: "*Hỡi người con gái Sion, hãy vui lên*". Người ta cũng thấy câu nói đó khi thiên thần loan tin cho Zacharia: "*...nhiều người sẽ vui lên...*". Đó không phải là một cách chào thông thường, nhưng là dấu hiệu đầu tiên cho thấy sự cứu độ đến, sự cứu độ đến từ Đấng Thiên Sai.

Câu "*Chúa ở cùng người*" là câu thiên thần nói với Maria (*được dùng trong thánh lễ*). Trong Cựu Ước, câu này luôn được dùng trong các bản văn nói về việc Chúa kêu gọi (xem Xuất hành 3,12; Môisen; Gioduê 1,5-9; Thẩm phán 6, 12; Ghidêon; Giêrêmia 1,8; 15,20; Giêrêmia). Chúa ở với người nào đó là để hành động: Ta trao cho người một sứ mạng và Ta sẽ ở với người để chu toàn sứ mạng đó; thành ngữ này muốn nói rằng: Chúa cho người một vai trò để phục vụ Ngài, làm điều mà Ngài muốn làm với người.

Thiên Thần nói với Maria: "*Quyền uy của Đấng Tối Cao bao phủ người bằng bóng rợp của*

Ngài". Câu này được Cựu Ước nhắc lại bốn lần, rõ rệt hơn cả là trong thời Xuất hành, khi Chúa đến bao phủ Nhà Tạm (Xuất hành 40, 34; Dân số 9, 18, 22; 10,34). Ấng mây bao phủ Nhà Tạm. Đó là thành ngữ nói lên sự hiện diện của Thiên Chúa. Trong đoạn văn Truyền Tin, thành ngữ muốn nói rõ sự can thiệp trực tiếp của Thiên Chúa trong việc cứu mang Chúa Giêsu. Maria là Nhà Tạm mới, là bia đá giao ước: một sự hiện diện của Chúa sẽ xảy đến trong Ngài. Những ai biết Thánh Kinh, khi đọc Luca phải hiểu như thế, và nhận rõ thành ngữ mô tả sự hiện diện của Thiên Chúa. Luca lấy hình ảnh cổ điển về việc Chúa đến; tác giả không chọn những thành ngữ có tính cách lý thuyết, nhưng là những nhân vật, những hoàn cảnh so sánh sự cứu độ trong Tân Ước với lịch sử của sự cứu độ trong Cựu Ước.

3. Tác giả tìm nơi Thánh Kinh những thành ngữ để diễn tả. Chẳng hạn khi Luca mô tả việc thiên thần xuất hiện. Ở hai nơi, đều có sự sợ hãi, kinh hoàng... Sự xuất hiện của thiên thần thiết yếu là một sự điệp. Đây không phải là lối văn miêu tả. Tân Ước không vẽ ra các thiên thần có cánh, đó là cách trình bày có tính cách ngoại giáo. Để kể lại một kinh nghiệm có tính cách siêu nhiên, một sự điệp của Chúa, người ta chỉ có thể dùng hai kinh nghiệm tương tự tiêu biểu: các cuộc xuất hiện của Chúa và các lần xuất hiện của các thiên thần. Ở đây Luca dùng sự xuất hiện của thiên thần, như trong trường hợp của

Agar xưa (Sáng Thế 16), của cha mẹ Samson (Thẩm Phán 13), của Daniel (Da.9, 10, 11...).

Trong biến cố siêu nhiên không thể mô tả mà Zacharia và Maria đã kinh nghiệm, Luca dùng các hình thức diễn tả cổ điển thường thấy trong Cựu Ước.

Hơn thế nữa, khi muốn viết lời tiên báo về Gioan và Chúa Giêsu, Luca lấy lại chính những thành ngữ đã được dùng để báo trước sự sinh ra lạ lùng trong sách Sáng thế 17 (Isaac), Thẩm phán 13 (Samson), Isaia 7, 14 (Emmanuel): cha mẹ son sẻ, thiên thần hiện đến. "*Này người sẽ thụ thai, người sẽ sinh con, người sẽ đặt tên cho nó...*". Đây là những lối viết được lập lại y hệt. Những gì Luca muốn diễn tả chỉ có thể hiểu được từ những sự kiện so sánh được ở Cựu Ước.

Như thế ngay ở đây ta có thể nhấn mạnh đến phương cách Luca đã vận dụng để diễn tả nỗi vui của Maria và lời tiên tri của Zacharia theo lối văn Thánh Vịnh.

Không những đã dùng các loại văn thể, Luca còn lập lại chính lời nói của Cựu Ước: trong bản văn của các tác giả, ít có chữ nào thoát khỏi ngôn ngữ của Kinh Thánh.

C) Luca muốn trình bày một nền Kytô học

Khi đọc kỹ toàn bộ Tin Mừng Luca, ta nhận thấy việc diễn tả về mầu nhiệm Chúa Giêsu lại rõ rệt nơi Tin Mừng thời thơ ấu hơn là phần còn lại của bản văn. Ngoài Tin Mừng thời thơ ấu, thần tính của Chúa

Giêsu chỉ xuất hiện trong mặc khải phục sinh và thái độ của Chúa Giêsu trước tội lỗi, lề luật, con người... Bản tính thần thánh của Ngài xuất hiện trong hành vi hơn là trong lời nói của Ngài.

Luca cho thấy mẫu nhiệm Chúa Giêsu. Tác giả gọi Ngài là "*Thầy*", "*Đức Kitô*", "*Con của con người*"... Cần phải đi sâu thật sâu vào mẫu nhiệm của người. Trong Tin Mừng thời thơ ấu, mẫu nhiệm Chúa Giêsu được mô tả rõ ràng hơn: "*Thánh Thần sẽ xuống trên ngươi, quyền năng của Đấng Tối Cao sẽ bao phủ ngươi, vì thế đấng thánh được sinh ra sẽ được gọi là Con Thiên Chúa*" (1,35). Rõ rệt hơn cả lối nói "*Con Thiên Chúa*", thiên tính của Chúa Giêsu được quả quyết trong lối nói truyền thống xưa: "*Thánh Thần sẽ đến trên ngươi*".

Hoặc hơn nữa ở câu 2, 11. "*Hôm nay, một Đấng Cứu Độ, là Chúa Kitô sinh ra cho các ngươi*". Một Đấng Cứu Độ, theo nghĩa mạnh của Thánh Kinh, là chính Thiên Chúa. Chỉ có Luca gọi Chúa Giêsu là "*Chúa*" là "*Chúa Kitô*"; đó là tước vị dành cho Thiên Chúa. Hoặc trong câu 2, 40: Luca tránh việc nói rằng Chúa Giêsu lớn lên trong thần trí. Hoặc trong câu 2, 49: "*Tại sao cha mẹ tìm con? Cha mẹ không biết con phải ở với Cha con sao*". Lời nói đầu tiên của Chúa Giêsu muốn nói với cha mẹ trần thế của Ngài là Ngài có một Cha trên Trời. Đó là để xác minh về lời đã truyền tin: "*Người ta gọi Ngài là Con Thiên Chúa*". Lời nói cuối cùng của Chúa Giêsu, trong Tin Mừng Luca, sẽ là câu: "*Cha*", "*Lạy Cha, con xin phó tính thần con trong tay Cha*". Những câu nói này, câu đầu

và câu cuối, cho thấy sự tương quan Con và Cha trọn đầy một cách lạ lùng.

Tin Mừng thời thơ ấu muốn cho chúng ta biết Chúa Giêsu Kitô là ai. Và để bảo chứng mặc khải đó, luôn có những định nghĩa thần khải; đó là những lời nói của các thiên thần, những nhân vật thần khải như Simêon... như thế, cần phải thấy rõ sự tương phản giữa mặc khải minh nhiên về Chúa Giêsu trong Tin Mừng thời thơ ấu và lối giáo dục từ từ trong phần còn lại của Tin Mừng Luca. Cũng như trong phần dẫn nhập của Gioan và phần còn lại của Tin Mừng ngài viết: Người ta muốn chúng ta thấy mẫu nhiệm tràn đầy để chúng ta có thể chân nhận mặc khải tuần tự trong lịch sử của Chúa Giêsu Kitô. Đó không phải là vì nhu cầu tâm lý, để từ đó tìm xem các mục đồng, hoặc Eliza-beth, hoặc Zacharia đã kết luận như thế nào; nhưng tác giả muốn cho người đọc biết trọn đầy ngay từ đầu về Chúa Giêsu Kitô.

Như vậy, Luca đã phải thẩm nhập tất cả kinh nghiệm về sự sống lại của Chúa, về tất cả những suy tư về Chúa Kitô để có thể đi đến việc đưa ra những quan điểm trong sáng, và đầy đủ như thế. Và vấn đề then chốt vẫn là khám phá xem Luca muốn nói cái gì, muốn cho chúng ta hiểu cái gì.

KẾT LUẬN

Qua sự trình bày nhanh chóng trên đây về Tin Mừng thời thơ ấu, chúng ta đã nhận thấy được rằng Tin Mừng này không phải là một sáng tác tùy thích của Luca, nhưng là việc khai thác một truyền thống đã có từ trước khá lâu dài, truyền thống cộng đoàn Palestine, một truyền thống dường như gắn gũi với gia đình của Chúa Giêsu, một truyền thống được sự bảo chứng bằng sự thuận nhận của Giáo Hội, tức là cộng đoàn lưu ý trước hết đến biến cố Chúa Giêsu Kitô.

Những biến cố duy nhất đó, người ta chỉ có thể mô tả lại bằng những lời nói, thể văn đặc biệt... nhằm trình bày cho chúng ta hiểu Chúa Giêsu Kitô luôn mãi là ai.

Câu hỏi đặt ra trước hết cho chúng ta để đọc Tin Mừng thời thơ ấu này là tìm hiểu xem Luca có ý định gì: trong ý định của tác giả đây là lời của Thiên Chúa. Luca đã muốn cho chúng ta hiểu Đức Giêsu là Chúa Kitô, con của Thiên Chúa. Ánh sáng của muôn dân; tác giả đã muốn cho chúng ta hiểu Chúa Giêsu Kitô là ai. Và đã làm việc đó qua các bản văn về các biến cố mà tác giả biết đến. Nhưng ý nghĩa đối với tác giả quan trọng hơn là việc mô tả sự vật bên ngoài. Không phải là để ta có thể suy diễn ý nghĩa và bàn

dài dòng về các sự kiện: Luca biết rõ có một sự kiện đã xảy ra, tác giả tin vào sự sinh ra của Đức Giêsu, vào sự trinh thai của Ngài, như là chính dấu chứng của thân phận con Thiên Chúa của Chúa Giêsu. Ý định của Luca trước hết không phải cho chúng ta biết các chi tiết về niên hiệu, nhưng trình bày với chúng ta về Chúa Giêsu Kitô, như kinh nghiệm mà người ta đã sống 50 năm để biết Ngài. Nên nhất thiết phải lưu ý đến sự soi dẫn của kinh nghiệm trước đó.

Phần hai

TRUYỀN TIN

Chúng ta tổng lược những gì đã khảo sát ở phần nhất về Tin Mừng thời thơ ấu.

1. Trước hết mục đích của Tin Mừng là trình bày mẫu nhiệm Chúa Giêsu

Trung tâm của Truyền Tin, không phải là thiên thần, và cũng không phải là Đức Maria: đó là Chúa Giêsu. Truyền Tin, là mặc khải về Chúa Giêsu ngay lúc Ngài xuất hiện trong lịch sử : đây là một bản văn Kitô học nổi bật. Trong câu truyện này, Luca muốn cho chúng ta hiểu Chúa Giêsu Kitô là ai ngay phần đầu Tin Mừng của ông. Những sự kiện về sự trinh khiết và trinh thai hướng đến việc trình bày mẫu nhiệm Chúa Giêsu, được mặc khải trong một sứ điệp siêu phàm, một lời của Thiên Chúa nói qua một thiên thần .

2. Kỹ thuật đối chiếu song song

Truyền tin về Chúa Giêsu đi tiếp theo việc báo tin về Gioan Tẩy Giả. Hai câu truyện được xây dựng trên một sơ đồ như nhau, giải minh hai nội dung; cần phải có cái nhìn chung để am tường.

3. Phương thức sử dụng Thánh Kinh của Luca

Truyền tin được mô tả như là một sứ điệp do thiên thần mang đến (*sứ điệp đáng được lưu ý hơn là sự xuất hiện của thiên thần*), đó là một hình thức văn chương rất cổ điển của Cựu Ước (*xem Sáng Thế, Xuất Hành, Các Vua*) hoặc nói cách khác thiên thần của Giavê thường phải được xem là một kẻ thay thế chính Giavê. Lời văn thực sự nói về thiên thần của Giavê, nhưng tất cả những lời nói đó là lời của chính Thiên Chúa. Trong những sách viết vào thời gian gần Tân Ước, thường người ta trực tiếp nói đến các lần xuất hiện của thiên thần như ở sách Tobia, Daniel.

Ý nghĩa của các lần xuất hiện của thiên thần này trong Thánh Kinh có mục đích chính yếu là trình bày một kinh nghiệm siêu nhiên trong đó một kẻ được Thiên Chúa chọn đã nghe được sứ điệp, lời của Ngài.

Những thế kỷ vừa qua qua sứ điệp Truyền Tin người ta thường tô vẽ khung cảnh huyền thoại theo một lối trình bày mỹ thuật có tính cách văn hóa thế tục; và trong bối cảnh mỹ thuật nào đó, thiên thần thực sự đã chiếm hết nội dung câu truyện. Cũng trong bối cảnh đó, thiên thần ngày nay không còn hợp thời.

Nhưng cần lưu ý cảm thức nghệ thuật đó không phải là nội dung thực sự của Thánh Kinh. Thiên thần là một kẻ đưa tin; điều quan trọng là chính sứ điệp. Trong Kinh Thánh, một sự xuất hiện của thiên thần trước hết là một lời của Thiên Chúa. Không phải vì vậy mà nói rằng thiên thần không có; nhưng đó là một kẻ phục vụ, cũng giống như kẻ rao giảng ngày nay nói cho dân chúng biết về lời Thiên Chúa: người đó phải nói lên lời này để giúp dân Chúa đi vào được trong mối tương quan với lời Ngài. Đó là một vai trò trung gian của mầu nhiệm.

Thiên thần loan tin về sự sinh ra lạ lùng, nhiệm mầu của Hải Nhi. Ở đây ta liên tưởng đến một loạt cuộc loan báo sinh nhật trong Cựu Ước (*Sáng Thế 16: Ismael; 17 và 18: Isaac; Các Vua 13: Samson*); Luca dùng lại cùng một sơ đồ như thế. Khi người ta nói đến sinh nhật của Gioan và Chúa Giêsu, độc giả của Luca tức khắc nghĩ đến các sự kiện tương tự trước đây.

Ta cũng thấy trong Truyền tin cho Maria **đề tài về ơn gọi**, với câu nói "*Chúa ở cùng cô*" và danh hiệu mới ban cho Maria "*đầy ơn phúc*", như đã thấy trong các lần Chúa gọi.

Đó là những mấu chốt chính cần sử dụng để hiểu điều Luca muốn thông đạt cho chúng ta.

I. MINH GIẢI

Bây giờ chúng ta đi sát với bản văn để tóm kết các vấn đề khác nhau sẽ được nêu lên:

- **Câu 23**, liên quan đến việc loan báo về Gioan Tẩy Giả. Chúng ta được biết rằng Zacharia trở về nhà sau khi đã xong phần vụ của mình ở Đền Thánh, và một thời gian sau Anna mang thai. Đó là một chi tiết đáng lưu ý. Thật thế, chúng ta biết việc giữ mình trong sạch rất quan trọng đối với các thầy cả. Những bản văn của Qumran cho hay thầy cả không được chung đụng với vợ mình trong thời gian phục dịch. Đó là một nét Do Thái tiêu biểu trong bản văn của Luca.

"Elisabeth đã thụ thai và giầu việc đó trong năm tháng". Tại sao? Chính vì sự loan tin cho Maria sẽ cho chúng ta biết: Không ai hay biết về việc Elisabeth thụ thai, và nếu Maria biết được, thì chỉ vì Maria được sứ điệp mạc khải.

- **Câu 26**: Chính **Thiên Thần Gabriel** đã được gửi đến cho cả hai trường hợp. Trong Cựu Ước, mỗi thiên thần có một sở trường: Raphael chữa bệnh, Michael về hành động quân sự. Gabriel là thiên thần truyền tin báo Đấng Thiên Sai sẽ đến (*Dn 9,20 tt*). Khi đọc lại thấy Gabriel, tất cả người Do Thái hiểu rằng có việc truyền tin về Đấng Thiên Sai.

Nazareth: Một xứ chưa từng được Cựu Ước nói đến lần nào. Đây hẳn nói lên tính cách vô danh, thanh lặng, đơn bạc. Sự kiện đó cho chúng ta biết rõ ràng bản văn không phải là một câu truyện bịa đặt: nếu đây là một truyện giả tưởng, thì chắc người ta đã cho

Đức Giêsu sinh ra trong một thành phố quan trọng của lịch sử thánh.

Sau đó còn có một sự tương phản nổi bật. Gioan Tẩy Giả đã được báo tin ngay giữa một nghi lễ phụng vụ, trong cảnh huy hoàng của Đền Thánh (Đền Thánh này rất quan trọng đối với Luca).

"*Lời cầu xin của người được khăng nhận*": Đây không phải lời cầu xin của Zacharia để có một người con trai (ông không tin sự việc này nữa, đã lâu ông không còn xin ơn này). Nhưng đây là lời cầu xin của một thầy cả nhân danh dân chúng, lời cầu xin ơn cứu độ, xin Đấng Thiên Sai đến. Điều mà Gabriel loan báo, đó chính là lời cầu nguyện của Israel xin Đấng Cứu Độ, nay được khăng nhận.

Gioan Tẩy Giả được loan báo ở trong Đền Thánh, sẽ sinh ra ở vùng Giuđa và sống thời thơ ấu trong sa mạc. Chúa Giêsu được loan báo tại làng Nazareth vô danh, được dâng vào Đền Thánh, tại đây Ngài sẽ lên tiếng lần đầu tiên. Luca không bao giờ cho chúng ta thấy Gioan Tẩy Giả xuất hiện trong Đền Thánh.

- **Câu 27: "*Với người trinh nữ*".** Lời nói đầu tiên về cha mẹ Chúa Giêsu cho chúng ta biết mẹ Ngài là một trinh nữ, và là một trinh nữ "***có lập gia đình***" (thành ngữ Hy Lạp này sẽ thấy lại một nơi khác trong Tin Mừng Luca 2,5).

Trước khi gọi đích danh người nữ này, chúng ta đã được giới thiệu tên của người chồng: ***Giuse***, thuộc nhà Đavít. Cũng như trong đoạn báo tin về Gioan Tẩy

Giả, câu 5: Bấy giờ có một thầy cả tên là Zacharia, chi tộc Alia, và vợ ông, thuộc giòng Aaron, gọi là Elisabeth. Trong thế giới người Sêmit, chỉ có đàn ông mới được lưu ý. Và điều đó quan trọng trong trường hợp Chúa Giêsu: Chúa Giêsu là Đấng Thiên Sai vì Ngài là **con nhà Đavit**, và sự việc đó thể hiện là do từ Cha Ngài vì người ta không kể đến giòng tộc của phái nữ. Ngay cả nếu Maria tự máu mủ là con cháu Đavit, thì về phương diện luật pháp Maria không thể làm cho Chúa Giêsu thành con nhà Đavit.

Do vậy thánh Giuse có một vai trò. Nếu Maria đã cho Chúa Giêsu một thân xác, thì Giuse đã cho Ngài đặc tính thiên sai nhờ vai trò làm cha trên bình diện luật pháp, cha nuôi: Giuse đã nhìn nhận đứa trẻ, con của vợ mình, và chính sự nhìn nhận đó làm cho Chúa Giêsu thành Kẻ Thừa Kế. Hai gia phả Mathêu và Luca nêu lên không nhằm đưa ra những chi tiết chính xác về tổ tiên Chúa Giêsu, nhưng muốn nói đến tước hiệu hợp pháp. Chính vì lúc bấy giờ người ta đã đồng tâm nhìn nhận Chúa Giêsu là con nhà Đavit, nên lúc viết ra bản Tin Mừng người ta đã muốn thiết lập một gia phả; và gia phả đó là đúng thật theo nghĩa nó là lối xác minh cho một đặc quyền thật sự.

- **Câu 28: "*Cô hãy vui lên*".** Song song với việc loan báo về Gioan Tẩy Giả câu 14: "*Đứa trẻ sẽ là nỗi vui mừng và hân hoan cho người và nhiều người sẽ hơn hở về việc này*". Hai nơi đều thấy có niềm vui, vì đó là Tin Mừng, nỗi vui cứu độ. Gioan Tẩy Giả là bình minh của Tin Mừng. Câu đầu tiên nói với Maria:

"*Cô hãy vui mừng lên*" đã là lời loan báo sơ khai về ơn cứu độ, gợi lại Sophonia 3, 14; Zacharia 9,9: "*Hãy vui lên, hỡi con gái Sion...*". Theo truyền thống đó là lời báo tin cho toàn dân : con gái Sion - Maria - là người của Thiên Chúa, trả lời nhân danh toàn nhân loại, cho chính cô và cho chúng ta tất cả. Maria mang lấy thân phận của dân Chúa. Chính theo nghĩa đó mà người ta có thể nói Ngài là con gái Sion.

"*Đây ơn phúc*". Đây không phải là một truyền thống xấu, nhưng rất thiếu sót, mỗi khi chúng ta nói: "*đây ơn phúc*" là chúng ta nghĩ đến trinh thai, đến ơn thánh hóa..., là những ý niệm thật sự rất xa lạ với Cựu Ước. Trong Kinh Thánh "*ân phúc*" có nghĩa là "*được sung ái*" giống như nội dung của ngôn ngữ tây phương các thế kỷ gần đây. Ân phúc là một ý niệm áp dụng cho các vua chúa, một ý niệm nói về yêu thương. Trước mặt vua, người ta thường nói: "*Nếu thiếp đã được ngài sung ái*". Chữ "*favorite*" (= kẻ được mến chuộng) như người ta thường dùng trong hoàng cung Louis XIV, nếu có thể xét về khía cạnh thanh cao, có thể giúp ta hiểu sát nghĩa hơn nội dung này: đó là danh hiệu của sự sung ái. Trong Cựu Ước, chúng ta thấy chữ: "*Rất được yêu thương*". Và đây là một mặc khải cho chúng ta. Người phụ nữ trẻ, vợ của Giuse, là một người phụ nữ đơn bạc, luôn cầu nguyện và đầy lòng tin; bà tuyệt đối không có chút ý niệm gì về việc Ngài là người được Chúa chọn, tức là người được con mắt Chúa nhìn đến từ thửa đời đời để hợp tác hoàn thành công việc của Ngài. Chữ này là danh hiệu mới

của Maria, là ơn gọi riêng dành cho Mẹ: qua danh xưng này, Maria biết rằng mình là kẻ duy nhất, là kẻ được chọn, "*là người rất được Chúa yêu thương*".

Đề tài "*Người rất được Chúa yêu thương*" quan trọng vì theo truyền thống Thánh Kinh, từ Diễm Tình Ca và từ sự giải thích lại Thánh Vịnh 44, nó là danh hiệu của dân Thiên Chúa: Chính Israel là hiền thê của Giavê. Ta thấy đề tài này lại trùng hợp với đề tài về "*Con gái Sion*". Maria là kẻ Chúa chọn, nhưng được chọn để mang cả dân Chúa vào thân xác mình, nối kết dân Chúa vào Ngài, và đại diện cho dân này. Câu đầu tiên nói với Maria mặc khải tình yêu độc đáo, sự sủng ái, ân huệ này.

"Chúa ở cùng cô". Những lời này nói rõ cho Maria hay là cô được Chúa gọi, cô có một việc gì đó để làm như Chúa đã từng nói với các tiên tri khi gọi họ (*Xuất Hành 3,12; Thẩm Phán 6,12,16; Jr. 1,8; 15,20*).

Ba câu nói này gói gọn toàn bộ sứ điệp. Mặc khải về Chúa Giêsu trong Truyền Tin được tuân tữ thực hiện qua ba giai đoạn: đức tin, sự thuận nhận của Maria giúp Thiên Chúa triển khai mặc khải này.

- Câu 29 "*Nghe những lời ấy, cô ngạc nhiên và tự hỏi lời chào đó có nghĩa gì*". Luca cũng đã viết như thế trong trường hợp Zacharia mặc dầu ở đây cách diễn tả còn mạnh hơn.

Câu này nhằm diễn tả điều gì? Điểm chính yếu là sự ngạc nhiên, khi Maria biết được rằng cái nhìn của Thiên Chúa hướng đến Người. Với tâm tình

đơn sơ, thanh bạch và khiêm tốn, Maria đã không bao giờ tin cô là trung tâm điểm của lịch sử: "*Tất cả thế hệ sẽ gọi tôi là kẻ có phúc*" (câu 48).

Mặc dầu còn chưa nói hết, những lời của thiên thần lại rất tỏ rõ. Maria nhận biết Chúa sắp yêu cầu cô một việc gì đó, từ muôn thủa Chúa nhìn đến cô; cô khám phá được mình là kẻ được chọn và là người rất được Chúa yêu thương. Nhưng sự việc sẽ đến mức nào? Và đó là việc gì? Đây không phải là một tình trạng hoang mang thuộc lãnh vực tình cảm hoặc trực giác hời hợt. Điểm nổi bật được tác giả nêu lên là sự suy nghĩ của Maria, ý chí muốn biết ý định của Chúa, như các nhà thần học thường nói "*fides quaerens intellectum*" (đức tin thúc đẩy việc tìm kiếm ý nghĩa): Maria cố gắng đi sâu vào thánh ý của Chúa.

- **Câu 30: "*Thiên thần nói với cô: Maria, cô đừng sợ*".** "*Đừng sợ gì cả*": nội dung này có trong tất cả các lần xuất hiện của Chúa hoặc của thiên thần nơi Cựu Ước. Không nên dịch "*Đừng hoảng lên*"; đây không phải là sợ hãi thông thường, nhưng đây là ý nghĩa của thần thánh. Khi con người đối diện với Thiên Chúa, thì cảm thấy choáng váng.

- **Câu 31: "*Này cô sắp mang thai và sinh một người con trai và sẽ gọi tên trẻ là Giêsu*".** Đây cũng là lối nói mà chúng ta đã gặp trong tất cả các lần thiên thần báo về các cuộc sinh ra. Rõ rệt hơn cả đây là lời của bản văn Isaia 7, 14. Chính Maria sẽ phải đặt tên cho trẻ. Theo truyền thống Kinh Thánh, có khi là

người cha, có khi là người mẹ đặt tên cho con. Đối với Gioan Tẩy Giả, đó là việc của Zacharia (câu 13). Ở đây, là Maria: hệ luận của việc trinh thai, đây là con trai của cô. Ở đây chưa nói đến việc thụ thai trinh khiết, nhưng đã nói chính Maria sẽ đặt tên cho đứa trẻ. Trong toàn bộ bản văn sự việc đó có một ý nghĩa.

Và lời sấm nầy của Isaia bấy giờ thường được hiểu là có một nội dung loan báo Đấng Thiên Sai. Thiên thần sẽ giải thích rằng Đức Giêsu là Đấng Thiên Sai đang mong đợi. Nhưng ở đây, Đấng Thiên Sai còn được hiểu trên bình diện hoàn toàn con người, theo quan điểm cổ điển của người Do Thái, nghĩa là một người thủ lãnh được Chúa chọn.

- **Câu 32: "*Người đó sẽ cao cả*".** Song song với câu 1,15: Gioan Tẩy Giả sẽ "*cao cả trước mặt Chúa*", một kẻ phục vụ cao cả như Elia (1 Các Vua 17, 1; 18, 15). Đức Giêsu sẽ là "*cao cả*" tuyệt đối.

"*Người ta sẽ gọi người là con của Đấng Tối Cao*". Đây là danh hiệu để gọi tên Israel (*Xuất Hành 4, 22,23*), tên vua (2 Samuel 7,14; Thánh Vịnh 2,7; 89, 27,28) hoặc tên của những kẻ tin (*Thánh Vịnh 73, 15*).

"*Chúa là Thiên Chúa sẽ cho người ngai Davit tổ phụ người, và người sẽ trị vì trên nhà Giacóp*". Ở đây không phải là sự trị vì phổ quát, ơn cứu độ của tất cả mọi người. Đây là vị vua thiên sai. Tất cả nội dung nầy rút ra từ *Isaia 9, 5- 6*.

- **Câu 33: "Người sẽ trị vì trên nhà Giacóp đến muôn đời và vương quyền của người không bao giờ chấm dứt".** Nhiều thánh phụ của Giáo Hội đã thấy ở đây sự vĩnh cửu của nước Chúa Giêsu, vương quyền vĩnh cửu và thần tính của Ngài. Nhưng trong ngôn ngữ của hoàng triều, khi người ta nói với vua, người ta vẫn xưng hô: "*Vạn tuế, đức vua*" (1 Các Vua 1,31; Dn 2,4; 3,9).

Thiên thần báo tin cho Maria hay con của cô sẽ là Đấng Thiên Sai đang mong đợi, và Đấng Thiên Sai này là vị thủ lãnh được Chúa gửi đến sống giữa dân của cô. Đây không phải là khung cảnh của các dân tộc nói chung, nghĩa là nội dung của một sự cứu tinh siêu phàm, phổ quát: người ta báo cho Maria rằng con cô sẽ là một Đấng Thiên Sai, việc đó đã là quá trọng đại đối với cô.

- **Câu 34: "*Maria nói với thiên thần: Làm thế nào sự việc xảy đến được vì tôi không ăn ở với chồng tôi?*"** Đây là đoạn văn khó nhất và được bàn cãi nhiều nhất trong bối cảnh Truyền Tin, một đoạn văn đặt vấn đề về toàn bộ ý nghĩa mà Maria muốn gắn bó với sự trinh khiết. Có hai lối giải thích đã thành truyền thống, của thánh Augustinô và của Cajetan.

Quan điểm của thánh Augustinô là quan điểm thường được nêu lên và cho đến nay vẫn còn được tín nhiệm; trong lần xuất bản thứ nhất của cuốn "*Vocabulaire de Théologie biblique*" ở đề mục "Maria", tôi đã dựa vào lối minh giải này. Thánh

Augustinô giải thích thế này: "*Làm sao sự việc xảy ra được bởi vì tôi **không muốn** ăn ở với người nam*". Lối giải thích này giả thiết Maria đã là vợ của Giuse (*theo tập tục địa phương, người ta không cần phải hỏi đến sự thuận ý của đương sự*), nhưng cô vẫn giữ mình trinh khiết. Theo truyền thống được phổ biến, thì sự việc này thật khó xảy ra vì Cựu Ước đã không bao giờ đề cao giá trị của việc giữ mình trinh khiết (*khi có gia đình*), trong một thế giới mà phụ nữ được quy hướng về việc sinh con cái (*xem sự khác biệt của thái độ bà Bethsabée trước chồng mình là Davit và trước con mình là Salomon*).

Sống đời trinh khiết do đó không phải là việc được đề cao: một người trinh nữ không có chân đứng trong xã hội, không có ai để bảo vệ, không có con trai. Nhưng từ ngày người ta biết bản Qumran, thì ý niệm về trinh khiết đã có tại Palestine vào thời Maria không phải là không quan niệm được.

Điểm khó khăn của lối giải thích này, là Maria đã lập gia đình, và không có gì cho phép ta nghĩ rằng cô đã muốn từ bỏ những hậu quả của cuộc sống này. Hơn nữa, chính bản văn của Luca tạo cho ta khó khăn trong việc giải thích: "*bởi vì tôi **không biết** (= ăn ở với) người nam*" (một lối nói khẳng định của động từ ở thì hiện tại). Như thế Maria đã lập gia đình và cô đang trinh khiết. Thiên thần nói với cô: *cô sẽ làm mẹ*. Maria trả lời: Vào lúc này, tôi không có ăn ở với chồng tôi. Để hiểu chính xác điều đó có nghĩa gì, cần lưu ý rằng trong Cựu Ước, khi một thiên thần đến báo tin một cuộc sinh ra lạ lùng, thì sự việc đó tức khắc

xảy đến, đó là Lời Thiên Chúa ứng nghiệm tức khắc lúc nói ra. Maria nói: tôi không thể làm mẹ ngay bây giờ. Đó là lối giải thích của Cajetan, và cũng là của một số đông các nhà minh giải Kinh Thánh công giáo. Người ta cho chúng ta hay về việc thụ thai cùng một lúc với sự trinh khiết của Maria, và sự trinh thai này sẽ được mặc khải ngay bởi lời nói kế tiếp của thiên thần.

Trước viễn ảnh làm Mẹ Đấng Thiên Sai, Maria không có vẻ nhẫn nhục, cũng không hân hoan: Cô cố tìm hiểu sự việc cho rõ. Mẹ Đấng Thiên Sai, vâng, nhưng bây giờ thì chưa thể được. Bốn phận này thực hiện như thế nào đây? Maria, trinh nữ ngoan hiền, cô muốn dâng hiến cho Thiên Chúa trong sự sáng suốt, trong chân lý!

Nhìn vào bản văn đối chiếu, Zacharia cũng đã nêu lên một câu hỏi (câu 18): Tôi sẽ có dấu nào? Vợ tôi không phải là son sẻ ư? Và dấu chỉ được gởi đến: bởi vì ông đã không tin, nên ông sẽ bị buộc phải nín câm. Đó là một sự trách cứ. Trái lại, thiên thần ân cần đón nhận thắc mắc của Maria. Vì đây là thắc mắc chính đáng, có giá trị đối với Thiên Chúa. Maria đã không đòi phải có dấu chứng, thế nhưng thiên thần đã đưa lại một, và đúng ra là hai dấu chứng.

Chính thiên thần đã cho Maria thấy cô vừa làm mẹ đồng thời vẫn là nữ trinh.

- Câu 35: "Thiên thần nói với cô: Thánh Thần sẽ đến trên cô và quyền năng của Đấng Tối Cao sẽ bao phủ cô bằng bóng rợp của Ngài". Thánh

Thần là việc làm của Thiên Chúa, hành động đem lại sự sống; chính Thánh Thần bay là trên thế giới trong buổi tạo dựng vũ trụ. Chúa Giêsu là tạo dựng mới, thế giới mới đang bắt đầu. "*Quyền năng của Đấng Tối Cao bao phủ cô bằng bóng rợp của Ngài*": đó là sự hiện diện của Thiên Chúa trong suốt thời xuất hành (*Xuất Hành 40, 35; Dân Số 9, 18, 22*). Bản văn song song cho thấy Gioan Tẩy Giả sẽ bước đi trong Thánh Thần và quyền năng của Elia, như một tiên tri. Ở đây, nằm vào một bình diện khác: vì đây là Chúa Giêsu được sinh ra do hành động đặc biệt của Thiên Chúa.

" *Do đó Đấng Thánh được sinh ra được gọi là Con Thiên Chúa*" (hoặc: "*đấng được sinh ra sẽ là Đấng Thánh và người ta sẽ gọi là Con Thiên Chúa*). Đó là câu trả lời cho thắc mắc của Maria. Cô không cần ăn ở với chồng cô. Đức Giêsu được mặc khải là Con Thiên Chúa vì Ngài được thụ thai bởi Thánh Thần, bởi quyền năng và sự hiện diện của Thiên Chúa. Và Ngài là **Đấng Thánh**. Đây chưa phải là lối nói đã được xếp đặt bởi công đồng Nicée: không có một cách nói nào trừu tượng ở đây; tất cả đều được nêu lên theo những hình ảnh của Cựu Ước, nhưng những hình ảnh thường có giá trị mặc khải hơn là các ý niệm trừu tượng. Điều được mặc khải cho thấy đứa trẻ là thánh, là kết quả của việc Thiên Chúa làm, của sự hiện diện hiệu quả của chính Ngài. Thần tính của Chúa Giêsu được quả quyết bằng hai chữ mà Maria có thể hiểu: Maria hiểu sự thánh thiện là gì, Thánh Thần là gì, quyền năng Đấng Tối Cao là gì. Như thế Luca trình bày tuần tự về mặc khải của Chúa: niềm

vui Đấng Thiên Sai đến, sự sinh ra của Đấng Thiên Sai, Con Thiên Chúa được thụ thai do một trinh nữ...

- **Câu 36: " *Và đây Elisabeth...*".** Đây là dấu chứng cho Maria thấy. Elisabeth ở ẩn cho đến ngày sinh con (câu 24). Maria chỉ biết việc đó do lời của thiên thần.

- **Câu 37: " *Và không có gì mà Thiên Chúa không làm được*".** Xem Sáng Thế 18,14 trong việc loan tin về sự sinh ra lạ lùng của Isaac.

- **Câu 38: " *Maria nói với thiên thần: Này tôi là tôi tớ của Chúa*".** Ca tụng về sự khiêm cung của Maria là việc làm chính đáng, nhưng chưa đủ. Trong Thánh Kinh, người ta gọi Abraham là tôi tớ Chúa, gọi Môisen, Đavit là tôi tớ của Yavê. Đây không phải là danh hiệu nêu lên sự khiêm tốn, nhưng là chức tước vinh quang tột bậc. Có ba bản văn Cựu Ước ghi lại việc một phụ nữ tự xưng mình là tôi tớ của Chúa mình; *Ruth 3, 9; I Các Vua 1, 13; 1, 17* luôn luôn ở trong khung cảnh vợ chồng. Câu trả lời của Maria là sự thuận nhận tình yêu của Chúa.

" ***Và thiên thần từ giã cô***". Người ta không nói việc thụ thai được thực hiện, vì việc đó hẳn là sự việc hiển nhiên; lời Chúa luôn hiệu quả. Bằng chứng? Maria chỗi dậy và lên đường về phía núi... chính Chúa Giêsu đã chiếm hữu Mẹ Ngài để thi hành ý định của Ngài.

II. SỨ ĐIỆP CỦA BẢN VĂN

Tiếp theo phần chú giải chi tiết trên, bây giờ thử tập hợp các dữ kiện mà chúng ta vừa khám phá. Luca muốn nói gì với chúng ta trong bản văn Truyền Tin này?

1. Trước hết là mầu nhiệm về Chúa Giêsu

Tác giả giúp chúng ta nhận ra mầu nhiệm về Chúa Giêsu trong định nghĩa mà thiên thần tuân tự loan báo.

Chữ đầu tiên của lời chào, là sự vui mừng, nỗi vui về Đấng Thiên Sai, ơn cứu độ. Và phải tìm lại trong thành ngữ này tất cả những gì Cựu Ước đã diễn tả. Sau đó, là nội dung cổ điển về Đấng Thiên Sai ngài Đavít, nhà Giacop, một nội dung khá hạn hẹp chưa nói gì đến thần tính của Đấng Thiên Sai, về vai trò phổ quát, về thương khó, về sự sống lại. Và chúng ta thấy ở đây một trong những khía cạnh của đức tin nơi Maria, một đức tin *tuân tự* triển nở. Cuối cùng, định nghĩa được chuẩn bị do sự tiến triển của toàn bộ biến cố để đi đến câu 35: chữ "*Con Thiên Chúa*" được nêu lên làm kết luận toàn bích thu tóm tất cả các yếu tố đưa ra trước đó. Con Thiên Chúa, được thụ thai bởi một hành động tức khắc, hiệu quả, của Thánh Thần, của quyền năng Thiên Chúa. Sự việc đó cho thấy rõ Chúa Giêsu được định nghĩa là kẻ có một mối tương giao cá biệt và lạ lùng với Thiên Chúa. Ngài không có cha ở dưới trần. Nên từ đó xuất hiện sự kiện thụ

thai trong *sự trinh khiết*: đây là dấu chỉ cho Maria thấy mối liên hệ độc đáo của Chúa Giêsu với Thiên Chúa. Sự đối chiếu song song với Gioan Tẩy Giả cũng làm nổi bật nội dung này. Gioan Tẩy Giả được sinh ra do một phép lạ: sự thụ thai do một phụ nữ son sẻ, từ cha mẹ đã lớn tuổi. Chúa Giêsu được thụ thai một cách trinh khiết do một thanh nữ: sự thụ thai một cách trinh khiết có tương quan với mẫu nhiệm về Chúa Giêsu.

2. Chúng ta dừng lại lâu hơn về Maria

Bản văn đó nói với chúng ta điều gì về Maria?

a) Trước hết, bản văn cho chúng ta hay *cô là kẻ trinh khiết*, rõ rệt hơn, là một kẻ trinh khiết trong hoàn cảnh đã lập gia đình. Và sự trinh khiết này đặt cho Maria một vấn đề khó khăn khi thiên thần loan báo cho cô rằng cô sẽ làm mẹ: "*làm sao sự thể có thể xảy ra được?*"

Theo lối giải thích của thánh Augustinô đã được truyền thống đạo đức tiếp nhận và có giá trị thuyết phục, đây hẳn là một ý định đã có từ trước của Maria về việc giữ mình trinh khiết. Nhưng cũng phải giả thiết rằng cô đã có một sự mặc khải về việc này, bởi đây là một cái gì tuyệt đối mới mẻ. Ngay cả khi tôi bênh vực lối giải thích này và cho rằng cô đã quyết tâm đi theo con đường trinh khiết vì những lý do tiết dục như đã thấy ở bản văn Qumran chẳng hạn, tôi cũng đã từng phải nhấn mạnh đến sự khác biệt sâu xa ở việc tiết dục này và sự trinh khiết của Maria. Ở nơi

bản văn Qũmran, tại sao có một số người giữ mình trinh khiết hoặc chủ trương tiết dục? Vì bấy giờ người ta quan niệm hôn nhân tạo ô uế, dẫu hợp pháp, nên không thể cho phép người ta thi hành các nghi lễ thờ phượng Chúa. Như thế, đó là một sự trinh khiết tiêu cực, một sự trong sạch có tính cách luật pháp, không mang một ý nghĩa yêu thương nào trong đó.

Sự trinh khiết của Maria, trái lại, được trình bày như là một sự hiến dâng trọn vẹn cho Chúa, như một thánh hiến tích cực, trong ý nghĩa của tình yêu mà tước hiệu "*κεΧαριτωμένη* " diễn tả, và trong nội dung của câu trả lời: "*Tôi là nữ tỳ của Chúa*". Nếu sự trinh khiết trong Qumran đến một mức nào đó cho thấy có sự lên án tình trạng hôn nhân, thì sự trinh khiết của Maria là một sự tuyên dương tính cách ưu tiên dành cho Thiên Chúa, nhưng không có gì cho thấy có sự đánh giá thấp hôn nhân. Trong vấn đề này, điểm đặc trưng của Tin Mừng chính là xác quyết về giá trị của hôn nhân đồng thời với sự trinh khiết: Hai giá trị hỗ tương, vì sự trinh khiết là chứng tá về các giá trị siêu nhiên, hôn nhân là bí tích của tình yêu và của sự hiện diện tình yêu trong cuộc sống Kitô giáo. Do đó, sự trinh khiết của Maria chỉ có tính cách tích cực, và bản văn thực sự cho ta thấy như thế.

b) Maria trinh khiết và nhận lãnh một lời mời gọi. Không phải tiên quyết sống đời trinh khiết, nhưng là một lời mời gọi yêu thương Thiên Chúa. Cô được mặc khải mình là kẻ được Chúa sủng ái và Chúa ao ước cộng tác với cô trong công việc của Ngài: "*Chúa ở cùng cô*"; và điều đó do bởi việc **làm mẹ** của cô. Để

hiểu vai trò của Maria và ý nghĩa của việc làm mẹ này, thì hãy xem Maria sẽ thực thi việc đó thế nào. Cô đã thực thi công trình này bằng cách mang Chúa Giêsu đến với Gioan Tẩy Giả, mang Ngài đến tận Bethléem, sinh ra Ngài, ân cần lo lắng cho Ngài như bà mẹ trần thế: vấn tã và đặt vào máng cỏ. Ngoài việc phải nuôi nấng phần xác, cô còn là mẹ trông nom giáo dục cho con. Maria từng trách Chúa khi tìm lại Ngài nơi Đền Thánh "*Hỡi con, sao con đã làm thế đối với cha mẹ?*"; lời trách đó cho thấy ý thức trách nhiệm của cô. Làm mẹ, không phải chỉ có việc ban cho một thân xác; nhưng còn là đào tạo thành người, làm triển nở tình cảm và trí khôn của con mình.

Ngày nay, tổ chức giáo dục đã làm cho cha mẹ không còn là những kẻ duy nhất chu toàn việc giáo dục con cái. Phải chăng vì tình trạng phức tạp của văn hóa chúng ta đã ngăn trở việc đó? Nhưng trong thời Maria sống, cha mẹ thực tế lo hết cho con, hoặc hầu như lo tất cả. Có việc giảng dạy tôn giáo ở Nhà Hội, nhưng phần chính yếu là do cha mẹ dạy dỗ ở nhà. Maria càng đáng việc đào tạo Chúa Giêsu. Giuse có một vai trò, nhưng trong khung cảnh của biến cố trinh thai, Maria ngoài việc đặt tên cho đứa trẻ còn được diễn tả như là người đầu tiên mang trách nhiệm.

Trong nhãn quan tôi trình bày đây và theo tôi nghĩ là ăn khớp với bản văn hơn cả, sự trinh khiết của Maria được mặc khải cho cô cùng một lúc với công việc làm mẹ và trong mối liên hệ với công việc này. Về quan điểm thần học, tôi thấy rất đáng lưu ý.

c) Nét đặc trưng cuối cùng về chân dung của Maria, đó là sự mô tả về lòng tin của cô. Lúc đầu, ta chưa thấy có gì rõ nét về nội dung ấy. Nhưng chúng ta biết Maria là một thanh nữ Do Thái, do đó có lòng đạo đức và lòng tin theo tôn giáo này. Khi ta thấy cô tuyên dương bài ca tụng Magnificat, không phải ngẫu nhiên người ta chép lại việc cô hát những câu Thánh Vịnh: thực ra cô là một cô gái đạo hạnh trong khuôn khổ tôn giáo truyền thống.

Điểm đáng lưu ý hơn hết trong Tin Mừng thời thơ ấu được Luca viết ra, là ưu tư của tác giả muốn chứng minh lòng tin của Maria lớn lên dần trong việc khám phá ý định của Thiên Chúa. Trước hết, cô được mặc khải một cách chung rằng cô là kẻ được Chúa chọn và có một việc gì đó phải làm cho Chúa: "*Chúa ở cùng cô*". Sau đó cô biết rằng mình sắp làm mẹ và qua câu trả lời về nỗi thắc mắc của mình, cô được mặc khải rằng đây là một việc cứu mang trong tình trạng khiết trinh. Luca không nói đến phản ứng của Giuse, nhưng Mathêu thì lưu ý điểm này.

Maria ở vào tình trạng rất khó giải thích: cô lập gia đình và sắp có con mà chồng cô không liên quan gì trong đó. Mathêu, là một tác giả Do Thái nên lưu ý đến đàn ông hơn là phụ nữ, và đã nói đến những khắc khoải của Giuse cho chúng ta hay: "***Giuse, vốn là một người công chính và không muốn tố giác cô một cách công khai, đã quyết định âm thầm bỏ cô***" (Mt. 1,19). Có hai lối giải thích được đưa ra.

Thông thường các Thánh phụ của Giáo hội, khi nói đến đoạn này thì chọn lối giải thích bình dị nhất:

Giuse nhận thấy vợ mình mang thai. Vì không phải của mình, thì hẳn là do kẻ khác. Ông không biết phải làm sao. Cuối cùng, ông quyết định bỏ vợ. Về việc bỏ vợ này, các nhà minh giải gần đây bàn cãi về thành ngữ: "*Giuse vốn là kẻ công chính*". Nếu ông là "*kẻ công chính*", thì thường theo người ta nghĩ, ông hẳn phải tố giác Maria là ngoại tình, và trao nạp cho tòa đời xét xử. Nhưng, ông đã làm ngược lại và quyết định âm thầm bỏ vợ, như thế là ông tự nhận trách nhiệm trong việc ly dị và bỏ vợ là do ở phần mình. Nói khác, Giuse hẳn cam nhận tình trạng khốn đốn bằng cách cho người ta tin là đứa bé là con mình, và, đầu thế ông vẫn bỏ bà vợ trẻ.

Nhiều tác giả chủ trương lối giải thích khác hơn, đó là lối giải thích của các Giáo phụ "*chuyên môn về Maria*". Trong đó có Cha X. Léon Dufour². Đây là lập luận tóm lược. Nếu Giuse là "*kẻ ngay chính*", ông hẳn phải tố giác Maria. Ông đã không làm thế; như vậy là ông đã tiền cảm một mâu nhiệm. Ông không làm sao hiểu, nên ông tự ý rút lui cho êm. Lối minh giải này rất có liên hệ mật thiết đến tình cảm kính trọng đối với Maria: Khó có thể chấp nhận việc Maria bị nghi ngờ là thất trung, ngoại tình. Dẫu là ai đi nữa cũng không thể có việc đó xảy ra. Nghĩ như thế, nên các nhà chú giải cố tìm một giải pháp và họ thấy được lối giải thích này: Giuse bấy giờ là một

² *Mélanges Robert*, Paris 1957, các trang 390-397; N.R. *TH* 1959, các trang 225-231; *Etudes d' Evangile*, Paris, 1965, các trang 79-81.

"*kẻ công chính*" và do chính việc đó mà ông không tin vợ mình thất trung.

Theo tôi, xin thú thực là lối giải thích này xem ra có phần quá suy đoán và ít ăn khớp với sự việc thường tình của các tập tục Palestine thời đó. Hơn nữa, ta vẫn biết là Maria đã làm thình. Làm sao có thể nói cho chồng mình rõ ơn gọi lạ lùng của mình: được làm kẻ sủng ái của Chúa, làm Mẹ của Con Thiên Chúa do việc làm của Thánh Thần? Tôi thấy việc Maria giữ thình lặng là việc giải thích được, sự thình lặng ẩn kín đó trước hết không phải là của cô, nhưng là của Thiên Chúa: nên để Chúa tùy liệu. Và thái độ đó theo tôi xem ra tôn trọng được tính cách mầu nhiệm của biến cố này. Nhưng tất cả các điều này hẳn còn là đề tài tìm hiểu của các nhà chú giải Thánh Kinh.

Phần tôi, tôi nghiêng về lối giải thích của các tác giả xưa: Giuse là một "*kẻ công chính*" nghĩa là rất từ tâm. Ông không muốn trao nạp Maria để cô bị kết án nên tự nhận phần trách nhiệm vào mình trong việc bỏ vợ, khi cô còn mang thai, và dư luận vẫn tin đứa trẻ là con ông. Trong xứ Palestine thời bấy giờ, vợ chồng có thể sống chung trước ngày đưa dâu về nhà chồng, mặc dầu điều đó bị xem là tệ hại. Có lẽ vì chấp nhận tình trạng đáng buồn này trước dư luận mà Giuse được gọi là "*kẻ công chính*".

Nhưng trở lại về lòng tin của Maria, một lòng tin có rất nhiều điều đáng được tìm hiểu. Maria biết mối liên hệ giữa con mình và Thiên Chúa, mối liên hệ duy nhất, độc đáo mà cô được mặc khải trong việc

thụ thai trinh khiết của mình. Nhưng cô không có những ý niệm để diễn tả ra một cách rõ rệt: cô không biết đến những lối luận chứng thần học sau này, cô không biết đến những từ ngữ biểu tượng của các thánh Tông Đồ hoặc của Công đồng Nicée (= Kinh Tin Kính). Và chính vì thế phải thấy ở đây câu trả lời cho thắc mắc thường được nêu lên: Maria đã tin vào thần tính của con mình khi Truyền tin hay không? Tôi trả lời là *có*, không chút ngần ngại. Nhưng cô đã cảm nhận chân lý đó trong ngôn ngữ của cô. Người ta đã không dạy cho cô một chương trình thần học về Maria; đó là không phải là phương cách của Thiên Chúa.

Nếu tôi lấy ơn gọi làm linh mục của tôi để có thể suy diễn, tôi thấy đối với tôi ơn gọi đó không phải đã phát xuất từ một luận án thần học về chức linh mục, cũng như ơn gọi làm tu sĩ của tôi không khởi phát từ một luận án về cuộc sống tu sĩ. Một kẻ bàng quang ngoại đạo có thể giải thích với tôi rằng đó là kết quả giáo dục tôi nhận được trong môi trường sống đạo, rất thâm sâu, của việc tôi gặp một linh mục, các tu sĩ dòng Maristes. Phải nói việc đó hiển nhiên về một khía cạnh nào đó. Nhưng chỉ thế thôi thì các lối giải thích có vẻ phân tâm học này xem ra quá hẹp hòi và thiếu sót! Ôn gọi của Maria chắc chắn là cao cả hơn ơn gọi của tôi rất nhiều, nhưng cũng nằm trong một khung cảnh tương tự. Maria đã hiểu Chúa muốn nói với cô: Khi được gọi để làm Mẹ của Con Thiên Chúa, Maria đã nhận lãnh những gì cần thiết để hiểu điều cô chấp thuận, nên cô đã ý thức về sự liên hệ

duy nhất và lạ lùng giữa con cô và Thiên Chúa. Trong ý nghĩa đó, tôi nói rằng Maria đã biết được thần tính của con mình. Nhưng cô không thể diễn tả điều đó trong ngôn ngữ của chúng ta. Nếu muốn, có thể nói rằng Maria là một nhà thần bí, biết nhưng không sở đắc thần học khoa học có thể giúp cô diễn tả kinh nghiệm của mình.

3. *Tính cách lịch sử của biến cố Truyền Tin.*

Nay tôi đề cập đến tính cách lịch sử của biến cố Truyền Tin. Và tôi lưu ý trước là vấn đề này quá khó khăn. Chúng ta thử xem những chữ "**biến cố lịch sử**" nghĩa là gì?

Đó là một biến cố mà chúng ta biết được qua các chứng nhân mà ta có thể đánh giá trong tinh thần kiểm thảo.

Napoléon, trận Waterloo theo nghĩa đó là những biến cố lịch sử, vì được chứng thực một cách nghiêm túc. Và người ta có thể tin điều đó, dù ưa hay không ưa Napoléon.

Nay hãy lấy trường hợp cái chết của Chúa Kitô trên thập giá, vào thời Tibêriô, dưới quyền tổng trấn của Philatô. Đây cũng là một sự kiện lịch sử được kiểm chứng nghiêm túc do kẻ tin cũng như kẻ không tin, do các Tông Đồ, nhưng cũng do truyền thống Do Thái, do sử gia Tacite trong các ghi chép của ông. Khi kể lại việc bắt bớ các Kitô hữu do Néron chủ xướng, ông viết: "*Giáo phái này đến từ Giuđêa, nơi khởi phát tất cả những sự xấu xa, tất cả những dị đoan của đông*

phương, và vị sáng lập là một người nào đó tên là *Christos*, bị treo lên thập tự do *Philatô*, dưới thời *Tibêriô*". Không nhất thiết phải tin vào thần tính của Chúa Giêsu để quả quyết về cái chết của Ngài. Sau ngày Thánh Linh hiện xuống, khi các Tông Đồ rao giảng Đức Giêsu sống lại, người ta nói: Không thể có chuyện đó, người ấy đã chết trên thập giá, người ta đã chứng kiến việc đó... Ngoại trừ một vài người lập dị cho rằng Đức Giêsu là một huyền thoại, không bao giờ có, còn các nhà phê bình đứng đắn thì đều chân nhận cái chết của Đức Giêsu là một sự kiện lịch sử không thể chối cãi; cụ thể là vì những sự kiện đó được các nhân chứng, tin hoặc không tin, chứng thực.

Sự phục sinh của Đức Giêsu có phải là một sự kiện theo khuôn khổ đó chăng? Đây là một sự kiện chỉ được chứng thực và chân nhận bởi các kẻ tin, và có sự tác động của vai trò đức tin của họ trong đó: Mấu chốt và bản chất của đức tin Kitô giáo chúng ta nằm ở đây. Quả quyết rằng Đức Giêsu được sống lại, là nói rằng Đức Giêsu đã thoát ra khỏi những điều kiện tổng quát của lịch sử. Khi một người đã chết, người đó không tự mình đi ra khỏi mồ.

Trường hợp của Đức Giêsu là duy nhất. Đã có những cuộc sống lại khác, những lần Chúa Giêsu đã thực hiện trước đó: nhưng chúng không phải ở trong cùng một bình diện như thế. Người con gái của Jaire, Lazarô đã tìm lại được chính sự sống mà họ đã lìa mất. Họ tiếp tục sống, già và chết. Trong khi đó, sự sống lại của Đức Giêsu là sự chuyển qua một hoàn cảnh sống mới, thoát khỏi không gian và thời gian, đi

vào cõi đời đời của Thiên Chúa. Chúng ta nói Ngài đã được nâng lên, đưa lên trời; sự kiện đó chỉ có thể nhận thấy, biết, chân nhận được trong một sự vươn lên khỏi những quy luật thường tình của cuộc sống con người. Chỉ có thể quả quyết sự sống lại của Đức Kitô khi tự mình dấn thân vào cuộc sống đức tin. Quả quyết rằng Đức Giêsu chết có thể là một sự việc của kẻ tin cũng như kẻ không tin. Quả quyết sự sống lại của Ngài là công việc đặc biệt của kẻ tin và đưa ta vào lãnh vực của đức tin, giúp ta đạt được những thực thể siêu vượt lên trên trật tự thuần lịch sử.

Sự kiện lịch sử được chân nhận do chứng cứ khách quan về các thực thể mà người ta có thể quả quyết mà không lý đến sự dấn thân của chính đương sự. Những sự kiện thuần túy siêu nhiên lại chỉ có thể xác quyết nếu người ta chấp nhận có sự sống siêu nhiên và gấn bó cuộc sống mình với các sự kiện đó. Đây là trường hợp về sự sống lại của Chúa Kitô trong tất cả các chiều kích của nó.

Và trường hợp của Truyền Tin cũng như thế; nó được trình bày như một kinh nghiệm siêu nhiên và nội tâm. Một người muốn chụp lại cảnh tượng xảy ra tại Nazareth có thể chỉ lấy được hình ảnh của trinh nữ; và một máy thu thanh chắc cũng không ghi được câu nói nào. Một cuộc xuất hiện của thiên thần trong nội dung thực sự thần học, là một hiện tượng siêu nhiên, tinh thần, nội tâm. Điều đó không có nghĩa là không có thực. Nhưng đây là trật tự của những thực tại thuộc một lối nhận thức khác, và do đó cần một hình thức kiểm chứng, nhân chứng khác.

Biến cố Truyền Tin chỉ có Maria trực tiếp cảm nhận. Không có nhân chứng bên ngoài: Việc xảy ra khách quan một thời gian sau đó là việc Maria làm mẹ. Và chỉ có Maria mới biết đứa trẻ này đã được cứu mang trong trinh khiết. Tự nó, sự kiện này không thể đem ra để kiểm chứng về mặt thuần lịch sử. Như thế làm sao để mọi người được biết? Phải kết luận rằng: do chính Maria. Nhưng việc cô đã nói ra có phải là kỳ lạ lắm không? Tôi sẽ trả lời rằng: việc đó tùy ở vào thời điểm nào. Theo bản văn của Mathêu, Maria đã không nói gì với Giuse lúc đầu, và việc đó xem ra rất xác thực. Nhưng Luca, người đã kể lại cho chúng ta biến cố Truyền Tin thì cũng nói cho chúng ta hay rằng Maria hiện diện với Giáo Hội đang hình thành sau khi Chúa lên trời; Mẹ cầu nguyện với các tín hữu. Phải chăng khi Chúa Giêsu sống lại và người ta nhận ra Ngài là Thiên Chúa, bấy giờ người ta đã hỏi Maria? Phải chăng người ta đã xin Mẹ kể lại kinh nghiệm của mình, khi Thánh Thần đã được ban cho Giáo hội?

Theo cảm thức của chúng tôi, tôi thấy có một mối tương quan lạ lùng giữa sự trinh thai và ngày hiện xuống của Thánh Thần. Phải chăng trong bầu khí đó, khi các Tông Đồ vừa lãnh nhận Thánh Thần của Chúa Giêsu, Maria đã trình bày với họ về sự trinh thai trong việc cứu mang Chúa và Ngài đã sinh ra từ Thánh Thần? Chúa Giêsu ban Thánh Thần vì chính Ngài là kết quả của Thánh Thần trong nhân tính của Ngài. Tuy nhiên, đây vẫn còn là một giả thiết. Trong Tân Ước, không thấy có đoạn nào nhắc đến sự việc này. Nhưng có một chỉ dẫn khác rất đáng lưu ý. Luca

đã hai lần liền, trong Tin Mừng thời thơ ấu Chúa, cho chúng ta hay: "*Maria đã ghi khắc trong lòng những sự việc ấy và suy niệm chúng*" (2,19; 2,15). Cách nói đó nhiều lần được sử dụng trong sách Daniel (chẳng hạn xem 7, 28) khi cần diễn tả một mặc khải chung cuộc hướng về tương lai: "*Ông ta giữ tất cả các điều đó trong lòng mình, trong ký ức mình*", có nghĩa là ông ta cất giữ một sứ điệp sau này phải thông đạt.

Khi Luca nói với chúng ta rằng Maria giữ lại và suy niệm các sự việc đó trong lòng cô, phải chăng cho chúng ta hiểu rằng cô không nói ra ngay liền? Và rất có thể trong lúc Chúa Giêsu còn sống, Maria đã thình lặn. Người phải nói là Chúa Giêsu. Nhưng khi Chúa Giêsu đã ở trong sự vinh quang của Ngài, khi Giáo Hội sống bằng Thánh Thần, thì việc quay lại Maria để hỏi về các kỷ niệm của Ngài, nhất là những gì còn ẩn kín trong lòng Maria thiết tưởng không có gì lạ. Phải nhận rằng Tin Mừng còn cho chúng ta khoảng trống để suy nghĩ.

Nhưng điều chúng ta có thể chân nhận, là sự tin tưởng vào trình thai không phải là ý kiến riêng của Luca. Việc chúng ta cũng thấy lòng tin đó trong Mathêu và nội dung này đã xuất hiện liên hệ đến Isaia 7,14, dưới hình thức *Hagadah midrashique*, chứng minh rằng đây là một xác quyết của cộng đoàn Palestine trong các năm 50. Như thế - với tinh thần kiểm thảo đúng mức - thật khó mà quan niệm được lòng tin này của cộng đoàn Palestine vào các năm 50 đã không có liên quan đến nhân chứng của Maria!

Và sau này, khi Luca viết Tin Mừng, nếu có một cấu trúc văn chương riêng, một sự sắp xếp để có thể chuyển đạt, tôi nghĩ rằng việc đó xuất phát từ nhân chứng của Maria được Giáo Hội tiếp nhận. Cần phải lưu ý điểm này: Tin Mừng được viết ra trong Giáo Hội, trong truyền thống và dưới sự kiểm soát của Giáo Hội: Đây là một sự bảo đảm nghiêm chỉnh.

Bởi vì trình thai là một sự kiện hết sức siêu nhiên và nội tâm, chỉ có thể tiếp nhận qua nhân chứng của một mình Maria, và đòi hỏi nỗ lực của đức tin, nên nó không phải là một sự kiện lịch sử theo nghĩa chúng ta đã nêu lên như trường hợp về cái chết của Đức Giêsu. Nhưng trình thai là một sự kiện có thực, đã xảy ra trong lịch sử chứ không phải là một ý niệm được thăng hoa, một lối giải thích thần thánh hóa được biến chế ra sau đó. Khi ta tin Đức Giêsu là Thiên Chúa, Đức Maria phải có một dấu chứng về sứ mạng được giao phó, tại sao ta lại chối bỏ rằng dấu chứng đó là sự trình thai, một dấu chứng hùng hồn đặc biệt và được bản văn Kinh Thánh chứng thực?

Phần ba

THĂM VIẾNG VÀ BÀI CA MAGNIFICAT

Luca muốn nêu lên giáo huấn nào?

Đâu là ý tưởng then chốt của bản văn

Chúng ta đã thấy có một sự loan tin về Gioan Tẩy Giả, có một sự truyền tin về Chúa Giêsu. Bây giờ là cuộc thăm viếng: buổi gặp gỡ giữa hai bà mẹ. Trong việc loan tin về Gioan (1,15) chúng ta đọc thấy: "*Đứa trẻ sẽ tràn đầy Thánh Thần từ ngay trong lòng mẹ mình*". Và biến cố đó được hoàn tất trong cuộc thăm viếng.

Có thể đối với thời khởi thủy Kitô giáo, việc Gioan sinh trước Chúa Giêsu đã được xem là một sự việc khó giải thích: Dân chúng xưa thường cho rằng kẻ sinh trước bao giờ cũng quan trọng hơn (vì thế Gioan phải nhấn mạnh: "*Kẻ đến sau tôi sẽ vượt trên tôi...*"). Ở đây, chính Chúa Giêsu khởi xướng công việc của mình bằng cách ban Thánh Thần cho Gioan. Hai bà mẹ phục vụ cho hai con, nên ta gọi *Thăm viếng*

trước hết là sự tôn phong Gioan Tẩy Giả làm Tiên Tri của Chúa. *"Đứa trẻ sẽ tràn đầy Thánh Thần ngay trong bụng mẹ mình"*.

"Do từ đâu mà Mẹ của Chúa tôi đến với tôi?".

Qua miệng Elisabeth, đây chính là tiếng nói của Gioan Tẩy Giả vang dội đến chúng ta: Đứa trẻ nhảy mừng trong lòng mẹ, và Elisabeth là phát ngôn của con mình như Maria là người mang Chúa Giêsu đến. Nếu chúng ta muốn suy niệm về mầu nhiệm Maria thì nên nhớ điều này: Maria là nữ tỳ của Chúa.

Cũng cần lưu ý đến nét tinh tế của bản văn: nó không nói ngay cả đến việc Chúa Giêsu đã được thụ thai. Nhưng, ngay khi Chúa được thụ thai, thì Maria chỗi dậy và ra đi, trung tín, ngoan ngoãn vâng phục tất cả những lời gọi của Thánh Thần, một nữ tỳ trung tín và vâng phục con mình. Thăm viếng thật chính là hành động truyền bá Tin Mừng đầu tiên: Maria sẽ mang con mình - đấng sẽ ban Thánh Thần - đến. Thăm viếng, đó chính là sự trung tín của Maria giúp Chúa Giêsu hoàn thành điều đã được loan báo về Gioan: *"Đứa trẻ sẽ tràn đầy Chúa Thánh Thần từ trong bụng mẹ mình"*. Thăm viếng, trên hết là sự xúc dầu tôn phong Gioan Tẩy Giả làm tiên tri. Hai bà mẹ phục vụ hai con. Elisabeth làm kẻ phát ngôn, Maria mang Chúa đến.

Thăm viếng còn diễn tả phận vụ khác, vì Elisabeth được soi sáng nhận ra "**Chúa**" của bà (đó là tên gọi của Đấng Thiên Sai): ở đây vị Tiên hô đã chỉ cho biết Đấng Thiên Sai. Bà ca ngợi Maria.

Chúng ta hãy so sánh các câu 20 và 45:

- Ở câu 20: "*Người sẽ bị cảm cho đến ngày mọi sự việc xảy ra, vì người đã không tin những lời sẽ được thực hiện đúng lúc*".
- Ở câu 45: "*Em thật có phúc, chính em đã tin rằng những gì Chúa nói sẽ thể hiện*".

Khi Elisabeth ca tụng Maria về lòng tin của cô, không phải nói đến việc Thăm viếng, nhưng là nội dung của Truyền Tin.

Trong Thăm viếng người ta giải thích và kết luận về những gì đã xảy ra trong biến cố Truyền Tin. Trong biến cố này, Maria đã thuận ý, nhưng người ta không biết đến tình cảm của cô; người ta thấy cô là nữ tỳ của Chúa. Chính Thăm viếng giải thích chuyện này. Cho đến lúc đó, Maria không nói gì được cả. Nhưng được Thánh Thần soi sáng, Elisabeth nói lên và Maria có thể mở miệng nói: vì có một kẻ biết được công việc. Bài ca *Magnificat* không phải là kết luận của Thăm viếng cho bằng nó chính là kết luận của phần đầu cuốn Tin Mừng: báo tin về Gioan Tẩy Giả, truyền tin về Chúa Giêsu, thánh hiến Gioan Tẩy Giả. Maria hát lên cảm tạ Thiên Chúa đã ban Chúa Giêsu. Đó là kết luận về sự thụ thai Chúa Giêsu.

Ta có thể so sánh 1, 25 và 1, 48-49. Ở 1, 25: "*Đó là việc Chúa làm cho tôi từ ngày Ngài đoái nhìn tôi để cất khỏi tôi tớ Ngài sự sỉ nhục*". Ở 1, 48: "*Chúa đã đoái nhìn phận hèn của tôi tớ người...*" Niềm vui của Maria đi đôi với niềm vui Elisabeth.

Như thế Thăm viếng trình bày cho chúng ta việc hoàn tất công việc thánh hiến Gioan Tẩy Giả và cũng nói lên phản ứng của Maria.

- Cấu trúc của đoạn văn

Trước hết chúng ta có một bản văn kỹ thuật: cuộc hành trình của Maria, việc gặp gỡ Elisabeth, tuyên dương hồng phúc. Sau đó, bài ca tụng *Magnificat*, một bài Thánh Vịnh viết theo lối văn rất cổ điển và thoát tiên xem ra không mấy độc đáo (mỗi đầu câu, người ta có thể viết những câu tương tự trích trong các Thánh Vịnh). Nét mới lạ của bài ca *Magnificat* không phải trong phương cách hành văn, nhưng nơi ý nghĩa của nó, trong biến cố mà bài ca chúc tụng. Đây là một bản Thánh Vịnh tạ ơn và cần phân biệt hai phần:

- a) 46- 50: lời cảm tạ của một phụ nữ về ơn phúc Chúa đã ban cho cô.

- b) 51- 55: lời cảm tạ về ơn cứu độ toàn Dân của Thiên Chúa, về Giao ước được thực hiện.

Ơn phúc của Maria là ơn phúc ban cho Dân Chúa và lời nói của Maria, trong phần hai của bài *Magnificat*, là lời của Giáo Hội. Trong giờ phụng vụ lời kinh long trọng ban chiều, kinh *Magnificat* được đọc lên không phải chỉ là lời cầu xin Đức Maria nhưng là bài ca của Giáo Hội mà Maria là người đầu tiên đã cất tiếng hát. Chúng ta đi vào trong lời cầu nguyện của Maria, đáng đã hành động nhân danh nhân loại trong bài ca *Magnificat* cũng như trong biến

cổ Truyền Tin lúc bà là "con gái Sion". Luca cho ta thấy Maria mở rộng người mình với thế giới, với Dân Chúa. Và người ta không thể là Kitô hữu nếu không vượt qua những vấn đề cá nhân, những ơn ích được ban riêng cho mình.

Bài ca Magnificat thật sự nói đến những gì Chúa đã ban cho Maria: "*Tất cả các thế hệ sẽ nói rằng tôi có phúc*" và sự việc đó ăn khớp với điều Elisabeth vừa nêu lên: "*Em thật có phúc, em là người đã tin...*".

Nếu đặt nội dung này tương quan với: "*Phúc thay vù... còn có phúc hơn nữa, những ai nghe lời Thiên Chúa...*", ta sẽ rõ: Maria là kẻ tin và chỉ cho chúng ta con đường phải theo.

Maria ca ngợi ơn cứu độ nơi Chúa Giêsu Kitô và dưới hai khía cạnh:

♦- Ôn cứu độ của những kẻ nghèo, đảo lộn thang bậc của các giá trị: "*Ngài đã cho kẻ đói khát đầy của, Ngài đã lật nhào những kẻ quyền thế...*". Đây là những mối phúc đã được mặc khải cho Maria trong một sự kiện: mọi người đã chờ đợi một Đấng Thiên Sai đầy quyền uy, chiến thắng, chinh phục bằng dao gươm, và khi Maria đón nhận Đấng Thiên Sai thật sự, chỉ có cô là người biết về Ngài. Thời sự bên ngoài không gì thay đổi: quân La Mã xâm lăng vẫn còn đó, tội ác đang hoành hành... Ôn cứu độ được ban cho trong thâm lặng và kín đáo, nơi kẻ nghèo và khiêm tốn, những kẻ biết nhìn thấy. Kinh Magnificat là một chân dung về cuộc sống siêu nhiên của Maria, nó

định nghĩa một lối đi vào mầu nhiệm Chúa Giêsu, một phương cách hiểu biết về mầu nhiệm đó.

♦- *Trung tín*: Chúa đã chu toàn Giao ước, Ngài đã nhớ lại lời Ngài hứa, Ngài thực hiện điều Ngài đã nói với Abraham, Ngài trung tín với tình yêu của Ngài.

- Vấn đề hành văn

Ở đây, có phải là những lời nói thật sự Maria đã nói lên trong ngày Thăm viếng không?

Khó mà cho rằng Elisabeth đã dùng máy thu thanh hoặc ghi chép lại những gì Maria nói. Nhìn từ chữ viết bên ngoài, bản văn hầu như là của bất cứ ai: đó là những lối nói của các Thánh Vịnh. Ngoài ra, hẳn đây là một bản văn phụng vụ của cộng đồng Palestine tiên khởi, một bài ca của Giáo Hội Palestine ca tụng ơn cứu độ nơi Chúa Giêsu Kitô, và Luca lấy lại vì bản văn này đối với ông là một sự diễn tả hay nhất về lời cầu nguyện của Maria.

Câu 48 hẳn là sự mô phỏng lời kinh riêng của Maria: "*Tất cả mọi thế hệ sẽ nói rằng tôi có phúc... sự thấp hèn của tôi tớ Chúa*".

Điều quan trọng hơn hết không phải xét xem những lời này thật sự có phải Maria đã nói lên hay không, nhưng là tìm hiểu về phương cách Truyền Thống đã nhìn Maria, đã nghĩ rằng bài Thánh Vịnh này diễn tả đầy đủ hơn cả về Maria.

Quyển 2

ĐỨC MARIA TRONG TÂN ƯỚC

- **Phần nhất**
Lời rao giảng của các Tông Đồ
- **Phần hai**
*Đức Maria trong thời hình thành
các bản Tin Mừng*
- **Phần ba**
Các bản Tin Mừng thời thơ ấu Chúa
- **Phần bốn**
Các bản Tin Mừng của Gioan

DẪN NHẬP

Việc khám phá ra Đức Maria trong Tân Ước xuất hiện chậm, nhưng kỳ cùng với Luca và Gioan Mẹ xuất hiện rất rõ.

Trong tập nghiên cứu này, chúng ta sẽ đi từng giai đoạn một: sau khi tra cứu những đợt đầu của Tân Ước (ở đợt này thực sự không có bóng dáng của Maria), chúng ta sẽ cố gắng nhìn thấy sự xuất hiện của Ngài, và đặc biệt lưu ý đến những câu hỏi đã được đặt ra cho các tác giả Tân Ước. Việc đó quan trọng vì khi chúng ta đọc những bản văn này để tìm hiểu về Maria, thường chúng ta hay nêu lên các câu hỏi của chính chúng ta ngày nay chứ không phải là những câu hỏi mà các bản văn thực sự muốn trả lời.

Đây là những phần trong tập nghiên cứu của chúng ta:

- I. Lời rao giảng của các Tông Đồ
- II. Việc hình thành của các bản Tin Mừng của chúng ta
- III. Các bản Tin Mừng thời thơ ấu Chúa
- IV. Các bản Tin Mừng của Gioan

Phần nhất

LỜI RAO GIẢNG CỦA CÁC TÔNG ĐỒ

I. NHỮNG BÀI GIẢNG ĐẦU TIÊN CỦA CÁC TÔNG ĐỒ

Đề tài này đã từng được nghiên cứu nhiều từ 30 năm nay và đã gặt hái nhiều kết quả tích cực. **Người ta cố xác định xem trước hết các thánh Tông Đồ đã giảng điều gì.** Nhà phê bình nổi tiếng người Anh tên Dodd³ là tác giả uy tín trong lãnh vực này, nhận xét rằng nếu những bài giảng của các Tông Đồ được ghi lại trong Tông Đồ Công Vụ có chịu ảnh hưởng của lối viết và ngôn ngữ của Luca, 50 năm sau các sự việc xảy ra, thì đồng thời người ta cũng chân nhận rằng có những nội dung không hề đổi, một lối cấu trúc nhất định và những đề tài nêu lên trước khi Luca viết.

³ C.H. Dodd "*la prédication apostolique et ses développements*" Paris. 1964 (phát hành lần đầu bằng anh ngữ năm 1930). J. Schmitt trong cuốn "*Jésus ressuscité*". Paris 1949 đã khai triển rất nghiêm túc công trình của Dodd.

Ngay từ đầu luôn có việc **lưu ý đặc biệt đến hoàn cảnh xảy ra**: trong bài giảng ngày Hiện Xuống, đó là sự kiện ơn Chúa Thánh Thần (CV 2,14-21); trong việc chữa lành người què, chính là việc chữa lành bệnh (CV 3,12); ở Antiochia Pisidia, chính là việc đọc Thánh Kinh mà người ta vừa mới thực hiện ở nhà hội người Do Thái v.v... Sau phần **ghi lại hoàn cảnh đã xảy ra**, luôn luôn có việc **tuyên dương Chúa Kitô**, loan truyền việc Chúa Giêsu chết và được sống lại, và cuối cùng là một **lời kêu gọi thống hối**.

Dodd cho rằng sự việc đó không phải Luca bày đặt ra, nhưng là sơ đồ của việc rao giảng của các Tông Đồ. Như thế việc phân tích kiểm thảo các bài giảng của các Tông Đồ trong cuốn Tông Đồ Công Vụ sẽ giúp chúng ta trình bày lại việc rao giảng ấy trong chính cấu trúc của nó. Ngoài ra, trong các bài giảng này, lời văn và cách trình bày về Chúa Giêsu rất sơ khai, thường còn cổ xưa hơn trong các thơ của Phaolô. Lấy một trong nhiều dấu tích làm thí dụ, đó là danh hiệu được nói về Chúa Giêsu: Không có một bài giảng nào của Phêrô gọi Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa; chính trong bài giảng của Phaolô mới tìm được thành ngữ này. (CV 13, 33). Tại sao? Vì trong ngôn ngữ thông thường của người Do Thái đương thời, thành ngữ "**Con Thiên Chúa**" được hiểu là dân, là vua, là đấng thiên sai. Bấy giờ nó không hàm ngụ thần tính: đấy là đề tài rất xưa của lời sấm Nathan (2 Samuel 7, 12-16). Khi ta biết rằng đối với Luca, tước hiệu "**Con Thiên Chúa**" là chính định nghĩa về Chúa Giêsu, ta sẽ thấy sự đứng đắn trung thực của tác giả trong việc tường trình lại cho chúng ta những bài giảng của Phêrô.

Trong các bài giảng của các Tông Đồ, không có một chữ nào về Maria. Chúng ta cũng lưu ý thêm là trong đó cũng hầu như không nói gì đến đời sống

trần thế của Chúa Giêsu. Khi các Tông Đồ giảng ở vùng Palestine, thì các vị đã không kể lại cuộc sống này vì những kẻ nghe các vị giảng đều biết về đời sống đó, họ đã thấy Đức Giêsu. Tuy thế, người ta có nói về các phép lạ của Chúa Giêsu trong một bài giảng. Bài đó nói với Cornélius, một người ngoại quốc, có lẽ là không mấy am tường về sự hiện diện trước đó của Chúa Giêsu. Và ngay ở đây thì người ta cũng nói thoáng qua thôi.

Sự thinh lặng về Maria như thế có nghĩa gì? Trước hết là vì người ta đi ngay vào cốt lõi vấn đề: Đức Giêsu chết và sống lại, và đó là ơn cứu độ. Cũng cần nhấn mạnh thêm: các Tông Đồ có thể nói về việc gì? Hẳn nhiên là những điều trước đó họ đã chứng kiến... Vậy việc nhắc lại thời thơ ấu Chúa hẳn khó trông chờ nơi họ vì họ đâu có chứng kiến tận mắt. Thường thì các Tông Đồ trẻ hơn Chúa Giêsu: trong khung cảnh xã hội đông phương, người ta không làm môn đồ của một kẻ trẻ hơn mình. Nên các Tông Đồ không phải là những nhân chứng về thời thơ ấu Chúa, lúc mà Maria giữ vai trò quan trọng hơn cả. Khi Chúa Giêsu đã rao giảng công khai, thì Maria lại ẩn mình và thinh lặng.

Hơn nữa, các bài giảng của các Tông Đồ khởi đầu ở Palestine, trong một xã hội mà phụ nữ không được đề cao, trong một khung cảnh mà một phụ nữ có thể đứng ra làm chứng giữa công chúng thật khó được mọi người chấp nhận. Lúc khởi đầu, các Tông Đồ ít có điều gì để nói về Maria, và có nói thì cũng là sự bất thường.

Cuối cùng cần lưu ý điểm này: hẳn nhiên sự trình thai cứu mang Chúa là một sự kiện quan trọng. Tuy thế trong thời kỳ đầu của Kitô giáo người ta không nói đến việc này. Và có thể nói ngay rằng vào thời buổi này các tín hữu cảm thấy có một sự khó khăn: Chúa Giêsu là Đấng Thiên Sai, con Đavít. Theo như tư tưởng người Do Thái, Ngài chỉ có thể có được điều đó là do phía cha Ngài. Nếu phải tìm những lý do về sự thình lạng lúc ban đầu về sự trình thai, tôi nghĩ cần phải lưu ý điểm này.

II. MỘT BẢN VĂN DUY NHẤT CỦA THÁNH PHAOLÔ ĐƯỢC NÊU LÊN

Về truyền thống Tông Đồ nói về Maria, phải nêu lên **bản văn duy nhất của Phaolô nói về Mẹ**, hoặc chính xác hơn là về Mẹ Chúa Giêsu, trong thư gửi tín hữu *Galata 4, 4*. Đây là một bản văn rất ngắn, và có thể nói rất ít chỉ dẫn được đưa ra⁴. Nay chúng ta đọc đoạn văn này, trong đó Phaolô nêu lên suy nghĩ súc tích của mình về sự nhập thể: "*Dẫu là người thừa kế, sở hữu chủ của tất cả của cải, nhưng bao lâu còn là một đứa trẻ, thì nó không khác gì một kẻ tôi đòi. Đứa trẻ còn trong chế độ của các kẻ săn sóc và các vị quản lý cho đến thời hạn được cha nó định đoạt.*" (Phaolô muốn nói ở đây về lề luật, chế độ pháp định,

⁴ Cha A. Legault, khoa trưởng phân khoa thần học ở Montréal, đã đặc biệt nghiên cứu bản văn này, trong một bài viết "*Sciences Ecclésiastiques*" XVI-1964- các trang 481 và tiếp theo: "*Saint Paul a-t-il parlé de la maternité virginale de Marie*".

chế độ của tuổi vị thành niên). *Nhưng thời hoàn mãn đã đến, Thiên Chúa gửi con mình đến, sinh ra do một người nữ, sinh ra làm người dân của lề luật, để cứu chuộc các người dân của lề luật...*".

Các giáo phụ Hy Lạp thường đã gán cho bản văn này những ý nghĩa sâu xa mà nay chúng ta không thấy có. Và sử dĩ như thế, trước hết vì những lý do của việc phê bình ngay bản văn: người ta có thể đọc, hoặc là: "*được tạo thành từ một người nữ*", "*đã xuất hiện từ một người nữ*", hoặc là "*sinh ra do một người nữ*". Các giáo phụ Hy Lạp thường đọc thư này: "*được tác thành từ một người nữ*"; nghĩa là "*được tác thành từ chỉ một người nữ mà thôi, không hề có việc từ một người nam*" và họ thấy đó là việc xác nhận về sự trinh thai của Maria. Đây là lối minh giải của Théodoret, Cyrille de Jérusalem. Trong các tác giả La tinh, ta thấy có hai cách đọc: "*natum ex muliere*", và "*factum ex muliere*". Tertulianô và Augustinô cũng cho đó là ý nghĩa của trinh thai. Các nhà chú giải thời trung cổ và cả Luthêrô cũng nhìn nhận đây là một bản văn nói đến trinh thai trong việc cứu mang Chúa Giêsu. Thực ra, nếu kiểm thảo đúng bản văn từ bản văn viết tay, nhất định phải đọc thế này: "*Sinh ra do một người nữ*". Cách đọc "*được tác thành từ một người nữ*" chỉ xuất hiện trong một số bản văn gần đây, và đó là sự sửa chữa của truyền thống sau này, ở thế kỷ IV và thứ V. Ngay lúc đó, việc minh giải đã thay đổi bản gốc của Phaolô vì người ta đã tin vào sự trinh thai của Mẹ.

Như vậy, Phaolô chỉ nói thế này: "*Chúa Giêsu đã sinh ra từ một người nữ*" và tác giả không lưu ý

đến phương cách Ngài sinh ra. Nhất là, tác giả dùng lối nói xưa của người Sémit như ta thấy Mathêu đã chép lại lời Chúa Giêsu 11, 11: "*Giữa các con của các phụ nữ, không có ai trỗi vượt hơn Gioan Tẩy Giả*". Thành ngữ này của người Do Thái, thường đọc thấy trong các bản văn Talmud và Targum. Nó muốn nói đến con người trong sự yếu đuối của mình, con người trong nỗi bất lực của mình: "*Sinh ra từ một phụ nữ*" nghĩa là tự mình không có một quyền lực nào. Do đó, đây là một đoạn văn nói về sự khiêm tốn, chứ không nói gì về Maria, xác nhận rằng Đức Giêsu mang bản tính nhân loại chúng ta trong thân phận và sự nghèo khổ chung của toàn thể mọi người. Ở đây chúng ta cũng thấy Phaolô đã không dừng lại về Maria, như trường hợp các bài giảng của các Tông Đồ. Phaolô biết rằng Mẹ Chúa Giêsu tên Maria, nhưng ngài trình bày về Đấng được sống lại là kẻ đã chết cho chúng ta, Đấng Cứu Độ, Đức Kitô hoàn vũ, Con Thiên Chúa. Đối với Phaolô, Maria thuộc khung cảnh lịch sử đưa Chúa vào cuộc đời con người, vào nhân loại trong nỗi khổ khổ và nghèo hèn của nó.

Thế hệ Kitô hữu đầu tiên không dừng lại nhìn về Maria. Đó là một sự kiện quan trọng giúp ta nhận thấy trong giai đoạn kế tiếp người ta dần dần khám phá ra một giá trị, một ý nghĩa về Maria. Và ta sẽ phải tự hỏi tại sao người ta khám phá ra Ngài, và sự kiện đó có ý nghĩa gì. Đó là điều cốt yếu mà Tân Ước về Maria sẽ cố gắng hiển cho chúng ta.

Phần hai

ĐỨC MARIA TRONG THỜI HÌNH THÀNH CÁC BẢN TIN MỪNG

Trước hết tôi lược qua phần kỹ thuật hành văn mà ta cần để ý trước khi đi vào chính bản văn. Các bản Tin Mừng của chúng ta không phải được hình thành trong một chốc lát.

Khởi đầu là lời giảng dạy bằng miệng, và mỗi lần như thế không hẳn là một câu truyện có trước sau đầy đủ: có lúc, người ta kể lại sự thương khó (và đó là một trong những câu truyện đầu tiên được hoàn chỉnh), có lúc người ta thuật lại các lần Chúa hiện ra sau khi Ngài đã sống lại, hoặc các mối phúc, các dụ ngôn... có thể nói như một chuỗi dài những sự kiện nhưng không liên kết với nhau.

Trong đợt hai, người ta kết hợp các yếu tố này, làm thành những phần riêng, và bắt đầu chép lại. Cuối cùng, từ những bản viết rời sau đó, Marcô đã viết ra bản Tin Mừng của mình vào khoảng năm 67.

Tiếp đến, vào các năm 80 xuất hiện Tin Mừng của Luca và Mathêu trong bản văn ta có ngày nay.

Các bản Tin Mừng của chúng ta như vậy là kết quả của một sự hình thành kéo dài trong 50 năm: các yếu tố được chép lại, sắp xếp thành chương khúc, hình thành những nguồn tài liệu đầu tiên và sau hết là viết ra các bản Tin Mừng. Qua các giai đoạn khác nhau đó, không phải chỉ có việc lặp lại y nguyên bản: khi kể lại một phép lạ, một dụ ngôn hay một biến cố nào đó (chẳng hạn Chúa biến hình), người ta lấy lại những điều hiểu biết trong truyền thống của mình để đưa vào những yếu tố minh giải, một lối suy tư về Chúa Kitô về Nước Trời, và cuối cùng, như ta sẽ thấy về Maria. Nên ngày nay ta cần phải đọc các bản Tin Mừng của chúng ta như là những bản văn có nhiều tầng đọt ý nghĩa. Và thông thường, ngay cả trong một đoạn thôi, chúng ta sẽ thấy có truyền thống của Giáo Hội sơ khởi Palestine nhưng đồng thời cũng đã mạnh mẽ có việc giải thích thần học rồi.

I. SỰ CAN THIỆP CỦA NGƯỜI THÂN CHÚA GIÊSU TRONG MARCÔ, MATHÊU VÀ LUCA

Rõ rệt hơn cả là trường hợp được kể lại trong **đoạn thật khó giải thích kể lại việc người thân Chúa Giêsu đến tìm Ngài** (*Mc 3, 31- 35; Mt 12, 46- 50; Lc 8, 19-21*). Ở đây, chúng ta cố tìm hiểu về truyền thống sơ khởi và những gì truyền thống đó cho ta biết về Maria, sau đó là suy nghĩ của Giáo Hội về Ngài; cuối cùng những suy nghĩ của Marcô, Mathêu và Luca bỏ

túc giúp ta hiểu thêm về thân thế và vai trò của Maria.

A) Câu chuyện do Marcô kể (3, 31-35)

Marcô đã kể lại những phép lạ đầu tiên của Chúa Giêsu và việc Ngài chọn 12 Tông Đồ. Và liền sau đó xảy ra những vụ tranh cãi đầu tiên, một màn phản đối, không phải chỉ do các vị thông thái, nhưng ngay cả trong quần chúng. Trước sự việc này, Chúa Giêsu dùng ngụ ngôn để tùy mức độ của người nghe mà chuyển đạt lời giảng dạy của Ngài. Có người, thì Ngài có thể giải thích tất cả; nhưng có người, Ngài chỉ có thể nói bằng dụ ngôn, một phương cách nói sự thật bằng cách kêu gọi người nghe nỗ lực tìm hiểu; và thành quả được bao nhiêu tùy lòng độ lượng đón nghe của họ.

Trong bối cảnh đó, đoạn văn *Marcô 3, 20- 21* được đưa vào: "*Ngài trở về nhà và đám đông lại chen chúc tìm đến - đến độ không có thể nào xoay sở để dùng bữa được. Và khi hay tin, người thân của Ngài đi tìm Ngài để nhắc nhở, vì họ cho rằng: Ngài đã đi quá mức rồi".* Những người thân: "*Những kẻ ở gần Ngài*", ở đây hẳn có nghĩa là gia đình Ngài, biểu lộ phản ứng của mình trước sự ái mộ của quần chúng đối với Chúa Giêsu. Chúa Giêsu đã bỏ làng, bỏ nghề, bắt đầu giảng dạy và làm phép lạ. Người ta ồ ạt tìm đến, đem theo bao kẻ bệnh tật, có người níu kéo Ngài không chút ngại ngần theo lối của các cuộc tập trung trong xã hội đông phương; và Ngài không còn cả thì giờ để

dùng bữa. Bấy giờ gia đình Ngài lo lắng và phản ứng: Không thể như thế này mãi được "*Ngài đã đi quá mức rồi*". Không nên dịch như đôi khi người ta đã từng viết: "*Ngài đã điên, đã loạn trí*". Không, đây chỉ có nghĩa là Ngài đã quá nồng nhiệt một cách nào đó, nên không còn giờ để ăn để ngủ, và cần phải chấn chỉnh lại. Đây là nói về một sự quá mức nhưng không có gì xấu xa trong đó. Người thân Chúa Giêsu thấy Chúa đi quá xa và muốn ngăn chặn sứ mạng của Ngài.

Tiếp theo đó là một cuộc tranh cãi với người Pharisêu (*Mc 3, 22- 30*): Chúa Giêsu nhân danh ai để trừ quỷ? Đây là việc giải thích các phép lạ của Chúa Kitô. Những kẻ không tin nói: Đó là do quỷ. Chúa Giêsu quả quyết: Đây là do Thánh Thần của Chúa, và đó là dấu hiệu của Nước Trời. Bấy giờ gia đình Chúa Giêsu đi đến, hoặc rõ rệt là "*Mẹ Ngài và anh em Ngài*". Theo Marcô 3, 31: "*Mẹ Ngài và anh em Ngài đi đến, và từ ở bên ngoài, họ muốn gặp Ngài*". Ở đây có sự khác biệt rõ rệt với đoạn 3, 20- 21, khi những người đi theo Chúa Giêsu muốn giữ lấy Ngài và ngăn cản sứ mạng của Ngài. Đoạn văn ở đây nói rõ rệt nói rõ mẹ và anh em Chúa Giêsu, và chỉ nói họ kiếm Ngài. Không có việc làm ngăn trở sứ mạng Ngài hoặc nói Chúa Giêsu đã đi quá xa. Giữa 3, 20 và 3, 21 có một sự khác biệt mà dường như Marcô nêu rõ lên; tác giả không muốn gán cho Maria trách nhiệm về nhận xét Chúa đi quá mức hoặc về chú tâm ngăn chặn sứ mạng của Ngài. Đây cũng là giả thiết, nhưng cần nêu lên: có sự kiện khác biệt này phải chăng là cố gắng đầu

tiên muốn làm nhẹ đi quan điểm của truyền thống vì có sự hiện diện của Maria.

Nhưng chúng ta hãy tiếp tục nghiên cứu bản văn: "*Bây giờ nhiều người chung quanh Ngài và người ta nói với Ngài: Này mẹ Ngài, các anh em Ngài ở ngoài kia đang tìm Ngài. Ngài trả lời với họ: Ai là Mẹ Ta? Là anh em Ta? Đưa mắt nhìn trên những kẻ đang ngồi vòng chung quanh Ngài, Ngài nói: Đây là mẹ Ta và anh em Ta. Bất cứ ai làm theo ý Thiên Chúa, người đó là anh em, chị và mẹ của Ta*" (3, 31-35). Đây là một lời nói hết sức cứng cỏi vì nó tạo ra sự đối nghịch giữa các môn đệ và gia đình. Những ai làm theo ý Thiên Chúa, những ai ở đó để nghe lời Thiên Chúa, đó là gia đình thật của Chúa Giêsu, gia đình siêu nhiên của Ngài.

Trong nhiều đoạn văn Tin Mừng, và đặc biệt những đoạn khó hiểu và xem ra mâu thuẫn, chỉ có thể khám phá được ý nghĩa thật của chúng khi ta đưa chúng vào toàn bộ bản Tin Mừng. Ngoài đoạn trên, ta thấy những lời nào, những thái độ nào của Chúa Giêsu có thể giúp ta được giải đáp cho điều khó khăn này không? Có: đó là những đoạn Chúa buộc các môn đệ Ngài phải chọn giữa Ngài và gia đình của họ.

Đây là đoạn văn Marcô 10, 28: "*Phêrô bắt đầu thưa Ngài: Này, phần chúng con, chúng con đã bỏ tất cả và đã theo Thầy. Chúa Giêsu tuyên bố: Ta nói thật với các con, không ai bỏ nhà, anh em, chị em, mẹ, cha, con cái hoặc ruộng vườn vì Ta và vì Tin Mừng mà không nhận ngay bây giờ, trong thời gian này, một trăm lần hơn về nhà cửa, anh em, chị em, mẹ, con và*

ruộng vườn, với những sự bất bớ; và trong thời phải đến là cuộc sống vĩnh cửu".

Hoặc ở một đoạn nữa, *Marcô 13,12- 13*, khi Chúa Giêsu nói về sự trung tín trong lúc bị bách hại: *"Anh em sẽ nộp nhau để bị xử tử, và cha con cũng thế, cũng như con cái sẽ đứng lên tố giác cha mẹ và làm cho họ phải bị xử tử. Và các con sẽ bị người ta ghét bỏ vì danh Ta, nhưng ai đứng vững đến cùng, người đó sẽ được cứu độ"*. Trong Tin Mừng Marcô, người môn đệ là kẻ đã bỏ gia đình mình để hiến mình trọn vẹn cho sự nghiệp của Nước Trời. Và Chúa Giêsu là người đầu tiên thực hiện điều mà Ngài buộc các môn đệ phải làm: đó là cảnh tượng xuất hiện trong đoạn này ở chương 3. Khi người ta biết được sứ mạng của các mối liên hệ gia đình của xã hội đông phương, người ta sẽ thấy sự xác quyết của Chúa Giêsu thật là kinh hoàng: Ngài đã chọn giữa gia đình trần thế của Ngài và gia đình của những kẻ tin, của những ai làm theo ý Thiên Chúa.

Dường như trong đoạn văn này của Marcô, người ta có thể cân nhắc hình thức của truyền thống sơ khởi. Gia đình Chúa Giêsu chống cản sứ mạng của Chúa, và Chúa Giêsu đã trả lời: sứ mạng trên tất cả, và như việc ta buộc môn đệ ta dứt khoát với gia đình họ, thì nay ta cũng dứt mối liên hệ với gia đình ta. Trong truyền thống sơ khởi đó, Maria chỉ xuất hiện là vì Ngài làm Mẹ Chúa Giêsu, chứ thật ra chưa có gì được nói về Ngài, tốt cũng như xấu.

Tuy vậy khi đọc lại bản văn này ở mức suy nghĩ của Marcô, người ta nhận thấy tác giả đã lưu ý

không xếp Maria vào danh sách những kẻ nói Chúa Giêsu đã đi quá mức và muốn ngăn chặn sứ mạng Ngài (3, 21). Nhưng ta thấy dường như trong truyền thống đầu tiên, người ta xếp những kẻ đã muốn ngăn trở sứ mạng của Chúa (3, 21) cũng chính là những kẻ đã đến tìm Chúa Giêsu (3, 21): sự kiện này giải thích sự phản đối mạnh mẽ của Chúa Giêsu khi Ngài xác định rằng Ngài phải chọn lấy gia đình siêu nhiên của Ngài.

Nhận xét về Marcô phân biệt trường hợp của Maria giúp ta hiểu được rằng Maria không thể chống lại sứ mạng của Chúa, Mẹ đã hiểu một cái gì đó về công việc của Con mình. Đây là một chỉ dẫn rất tinh tế, nhưng tôi tin rằng qua sự khác biệt này giữa hai đoạn văn của Marcô ta có khám phá ra nội dung đó; nhất là khi ta đọc lại chính câu truyện này trong Mathêu và Luca, thì sự kính trọng Đức Maria lại càng xuất hiện rõ rệt hơn.

B) Câu truyện do Mathêu kể (12, 46- 50)

Mathêu bỏ qua không kể lại phản ứng của người thân trong gia đình được tường trình trong 3, 21. Nhưng, chắc hẳn tác giả đã từng đọc qua điểm này trong các nguồn tài liệu vì đây không phải là những sự việc người ta bịa ra, nhưng đã do truyền thống đã lâu lưu truyền lại. Mathêu nói thế này: "*Ngài còn nói với quần chúng, thì mẹ Ngài và anh em Ngài xuất hiện, họ đứng bên ngoài cố tìm cách nói chuyện với Ngài*" (12, 46). Như thế chúng ta thấy Mathêu bỏ đoạn

người nhà có thể không bằng lòng với sứ mạng của Chúa: họ chỉ cố tìm cách nói chuyện với Ngài. Đoạn tiếp hầu như hoàn toàn giống Marcô, với một vài thay đổi nhỏ. Mathêu không ghi lại ý định của người thân của Chúa được Marcô kể trong 3, 21: vì tác giả không thể cho rằng Mẹ và anh em Chúa Giêsu chống đối sứ mạng của Ngài. Và sự việc đó được giải thích một cách khá hiển nhiên, vì tác giả biết anh em Chúa Giêsu đóng vai trò quan trọng trong Giáo Hội thời sơ khai. Tác giả biết Giacôbê đã là kế vị của Phêrô ở Giêrusalem, cũng như các việc làm của Simon và Giuđê. Tác giả thấy được Mẹ và anh em Chúa Giêsu như Giáo Hội đương thời của tác giả đã từng thấy; Mẹ và anh em Chúa thực sự là những nhân chứng giúp người đương thời biết về quá khứ Chúa Giêsu. Sự hiểu biết về vai trò của Maria và anh em Chúa Giêsu trong Giáo Hội sơ khai giúp Mathêu điều chỉnh lại nội dung câu truyện: tức là họ đã không thể muốn ngăn chặn sứ mạng của Chúa Giêsu.

Ngoài ra, Mathêu thuật lại trong Tin Mừng của mình một cách rõ rệt hơn Marcô, những lời nói hết sức quý giá về sự từ bỏ gia đình vì Nước Trời. Trong đoạn 8, 21 một môn đệ nói: "*Thưa Thầy, xin cho con được đi chôn cha con trước đã. Nhưng Chúa Giêsu trả lời: người hãy theo Ta và để kẻ chết chôn kẻ chết*". Chúng ta thật khó mà hiểu hết tất cả nội dung sâu kín của những lời nói kinh hoàng này. Trong tất cả mọi nền văn minh, con chôn cha là một nghĩa vụ thần thánh, nhất là trong xã hội đông phương. "*Ai là mẹ Ta? Ai là anh em Ta*". Đây cũng thế: Chúa Giêsu tự

mình thực hiện sự từ bỏ mà chính Ngài buộc các kẻ theo Ngài sẽ phải làm.

Trong Mathêu 10, 34- 37 ta cũng còn thấy nội dung này khi nói đến những bốn phận của người truyền giáo: "*Các người đừng nghĩ là Ta đến để mang hòa bình trên nhân thế; Ta đã không đến để mang hòa bình, nhưng là gươm giáo. Vì Ta đã đến làm cho người ta chống lại cha mình, con gái chống lại mẹ mình và nàng dâu chống lại mẹ chồng. Người ta sẽ có kẻ thù là người của gia đình mình. Ai yêu cha mình hoặc mẹ mình hơn Ta thì không xứng đáng với Ta*". Đây là những lời nói giải thích cho ta hiểu thái độ của Chúa Giêsu đối với Mẹ Ngài và anh em Ngài. Những lời đó không nhằm phê phán về giá trị của Maria hoặc của anh em Ngài, nhưng chúng nói lên một luật tổng quát: Nước Trời trước mọi sự, hơn cả những liên hệ trần thế cao cả nhất. Nhưng chúng ta cần lưu ý rằng ở một trường hợp khác Chúa Giêsu sẽ bảo vệ điều răn thứ tư (15,3-6;19, 19).

Về những gì giới hạn trong đề tài của chúng ta, chúng ta nhận thấy Mathêu đã bỏ hẳn tất cả những gì có thể làm cho ta nghĩ rằng gia đình Chúa Giêsu muốn ngăn trở sứ mạng của Chúa, và sở dĩ như thế vì tác giả biết vai trò quan trọng của Maria và anh em Chúa Giêsu trong cộng đoàn Giáo Hội thời bấy giờ.

C) Câu truyện do Luca kể (8, 19- 21)

Với bản văn của Luca, thì sự việc còn rõ rệt hơn. Chúng ta có được một cái gì rất cụ thể trong cái

nhìn về Maria. Xét về mặt văn tự, đoạn văn của Luca không quá khác biệt với những đoạn tương tự trong Marcô và Mathêu. Nhưng có những điều chỉnh khá quan trọng và nhất là việc sắp xếp vị trí của đoạn văn cho ta thấy có những chỉ dẫn rất hay. Trong Marcô và Mathêu, câu truyện được xếp trước các dụ ngôn. Luca đặt ra đằng sau. Việc này thoạt tiên xem ra không quan trọng gì, kỳ thực rất có ý nghĩa. Trước hết, trong Luca bài giảng về các dụ ngôn rất ngắn và nhất là tập chú vào một bài học: hãy lắng nghe Lời Chúa. Đó là dụ ngôn về hạt giống, tức là Lời Chúa; hạt giống đó sinh hoa quả khác nhau tùy sự tiếp nhận của người nghe. Và Chúa Giêsu kết luận: "*Ai có tai để nghe thì hãy nghe*". Cũng như ngụ ngôn về cây đèn: "*Các người hãy coi chừng về phương cách lắng nghe của mình*". Và Luca lấy việc lắng nghe Lời Chúa này làm kết luận cho đoạn văn về bà con của Chúa Giêsu, được xếp liền sau đó.

Nay hãy đọc ngay đoạn văn của Luca (8, 19-21):

"Bấy giờ mẹ Ngài và anh em Ngài đến tìm Ngài, nhưng họ không thể đến gần được Ngài vì đám đông".

Luca không nói như Marcô và Mathêu là họ đứng ngoài, nhưng họ không thể đến gần. Cũng như chúng ta nói một cách khác: họ đã không muốn đứng ngoài, họ muốn đến gần lắm, nhưng không thể được. Như thế, Luca xóa bỏ tất cả những gì xa cách giữa gia đình và Chúa Giêsu:

"Người ta cho Ngài hay: Mẹ Ngài và anh em Ngài ở bên ngoài và muốn gặp Ngài. Nhưng Ngài trả lời với họ: Mẹ Ta và anh em Ta là những kẻ lắng nghe lời Thiên Chúa và thực hiện lời đó".

Đây cũng thế, Marcô và Mathêu đặt sự đối nghịch qua câu hỏi: "Ai là mẹ Ta? Ai là anh em Ta?". Luca chỉ nói đơn sơ: "Mẹ Ta và anh em Ta, đó là những kẻ lắng nghe Lời Chúa". Như thế, tác giả này đã xóa đi sự đối phản quá gắt và không còn sự xung khắc giữa người thân và gia đình mới của Chúa Giêsu. Và nội dung đó trở thành kết luận cho bài giảng về các dụ ngôn.

Bây giờ, quay lại Tin Mừng thời thơ ấu Chúa trong Luca để thấy Maria được nêu lên như là kẻ có phúc vì đã nghe lời Chúa: "*Phúc cho em, vì em đã tin*" (1, 45). Gương mẫu cho kẻ nghe lời Thiên Chúa là chính Maria. Như thế ta hiểu được tầm quan trọng trong việc xếp đặt vị trí đoạn văn trong Luca. Cùng với đề tài của truyền thống: người môn đệ phải từ bỏ gia đình mình; và Luca là tác giả viết Tin Mừng làm nổi bật hơn ai cả nội dung này. Nhưng tác giả này lại cố ý cho ta thấy ở đây không có một phê phán nào tiêu cực để gán cho Maria. Trái lại: sự cao cả của Mẹ, không phải trước hết là được làm Mẹ Chúa Giêsu về thể xác, nhưng là do việc hằng lắng nghe lời Thiên Chúa. Và nhờ thế, câu truyện do Luca thuật lại xóa đi tất cả những gì tiêu cực có thể gợi lên trong truyền thống sơ khởi.

Khi ta đào sâu câu truyện này trong Marcô rồi đến Mathêu và cuối cùng trong Luca ta có thể thấy được một sự khám phá tuần tự về Maria. Truyền thống không cho ta biết gì, không tích cực, cũng chẳng tiêu cực. Marcô đã nghĩ rằng không thể nói quá cứng về Maria; Mathêu nêu rõ hơn nữa ý định của mình, nhưng với Luca thì Maria xuất hiện như một giá trị tích cực.

Nhận xét đó còn sáng tỏ hơn nếu ta biết Luca lấy lại đề tài này ở 11, 28. Về mặt thuần túy văn chương, cũng là một điểm lạ vì đây là một lối nói trùng. Luca chắc chắn đã dùng cùng một truyền thống để thuật hai đoạn này. Cũng một câu truyện trong Mathêu (12, 22- 45) đoạn văn này của Luca được xếp tùy theo sự tranh cãi về bụi Béelzéboul và sự hoành hành trở lại của tà thần. Đây là đoạn văn của Luca: "*Và, khi người đang nói thế, thì một người phụ nữ lên tiếng giữa đám đông và nói với Ngài: phúc cho bụng dạ đã mang Ngài và vú đã cho Ngài bú. Nhưng Ngài trả lời: còn phúc hơn nữa cho kẻ lắng nghe lời Thiên Chúa và giữ lấy*". Luôn luôn ta thấy cùng một lời (**khẳng quyết liên tục**) đó: phải lắng nghe lời Thiên Chúa. Muốn hiểu điều đó trong tư tưởng Luca, chúng ta cần nhớ lại những gì tác giả đã nói ở chương 2 các câu 19 và 51: "*Maria ân cần giữ lấy những sự việc đó và suy niệm chúng trong lòng mình*". Nếu ở 8, 19-21 tác giả đặt nổi việc dứt bỏ với người thân, thì ở đây 11, 27- 28 Luca định nghĩa sự cao cả của Maria: trước hết không phải là Mẹ Chúa Giêsu về mặt thân xác,

không phải là việc đưa trẻ đã bú sữa mình; sự cao cả của Maria là lắng nghe lời Thiên Chúa và giữ lấy.

Việc khám phá ra nét cao cả này của Maria ở trong Tân Ước, trong truyền thống tông đồ và trong suy tư được linh khải, không phải là do Luca tưởng tượng ra, hoặc vì ái mộ đạo đức mà phịa ra; nhưng là sự hiểu biết chân thật về mầu nhiệm Chúa Giêsu và Đức Maria. Maria là một giá trị trong sáng, thanh lặng, sâu xa quá mức nên thoát tiên khó nhận ra. Trước hết người ta thấy Chúa Giêsu, và đứng vậy cần phải thấy Ngài. Nhưng càng suy xét người ta nghĩ đến những gì Chúa Giêsu đã cần đến Maria, và người ta thấy được rằng Maria đã làm nên Chúa Giêsu theo phần của mình. Mẹ hẳn phải có một ân huệ đặc biệt mới thực hiện được việc đó. Với thời gian suy tư, người ta đã bắt đầu hiểu phận vụ của Maria.

Sự việc này cũng rất thường tình: ngay chính chúng ta, chúng ta đã không khám phá ra một ảnh hưởng siêu nhiên nào đó đã cải biến chúng ta một cách sâu xa sau khi mọi việc đã qua hay sao? Con cái làm sao cảm nhận được liền những công lao của cha mẹ... . Và truyền thống các Tin Mừng cũng tương tự xảy ra như thế. Truyền thống đó đã nhìn Chúa Giêsu, rao truyền Chúa Giêsu. Sau đó mới khám phá ra ảnh hưởng và vai trò của Maria. Tôi nói thêm rằng chính kinh nghiệm của các tác giả Tin Mừng đã giúp chính họ: khi dẫn thân trong Giáo Hội, họ đã suy nghĩ về trách nhiệm của họ, và sự kiện này đã giúp họ hiểu những trách nhiệm của bao kẻ khác, hiểu rằng ngay

chính Chúa Giêsu cũng không tự mình làm tất cả và Maria đã có một vai trò quan trọng.

II. CHÚA GIÊSU VIẾNG THĂM NAZARETH

Truyền thống sơ khai nói về Maria vào một dịp khác nữa nhân cuộc **thăm viếng của Chúa Giêsu ở Nazareth**. Marcô ở đoạn 6,1- 6 ngay sau các dụ ngôn; Mathêu 13, 53- 58. Đoạn văn đặt ra hai vấn đề cổ điển mà tôi thấy cần phải trình bày ngay: danh hiệu "**con của Maria**" để chỉ Chúa Giêsu, và một loại liệt kê những anh chị em của Chúa. Khi Chúa Giêsu đến Nazareth, người ta nói với nhau: "*Đó không phải là người thợ mộc, con của Maria, anh em của Giacôbê, José, Giuđê và Simon sao? Và các chị của ông ta không phải ở giữa chúng ta sao?*" (Mc 6, 3). Chúng ta hãy thử xem Tin Mừng muốn nói gì đây.

Trước hết là: "*Giêsu, con của Maria*". Đối với chúng ta hầu như đây là một danh hiệu nêu lên vì lòng ái mộ Mẹ, một danh hiệu của Mẹ. Nhưng trong ngôn ngữ của vùng Palestine, đây là một thành ngữ lạ lùng. Trong thế giới người Sêmit và ngay ngày nay ở xã hội Ả Rập, người ta không có thói quen gọi đứa con trai qua mẹ mình.

Người ta thường nghĩ: điều đó muốn nói là Maria bấy giờ đã góa chồng. Ở trong làng người ta không gọi tên họ. Và bấy giờ có thể có nhiều người tên Giêsu ở Nazareth, cũng như nhiều người tên Giuse và Giacôbê, vì đó là những tên thường đặt.

Thông thường thì người ta có thể gọi tên một ai qua cha người đó. Nhưng bấy giờ có thể có nhiều Giêsu con của Giuse. Lúc ấy, Giuse đã chết (trong các Tin Mừng nhất lãm không bao giờ thấy Giuse xuất hiện, và một cách giải thích là ông đã chết), người ta đã gọi người con qua người mẹ góa. Đó là lối giải thích của nhiều tác giả trong đó có Renan.

Nhưng lối giải thích này đã không được các sử gia gần đây đồng ý, đặc biệt là F. Stauffer. Theo tác giả này, gọi con qua tên của mẹ có nghĩa là lên án đứa trẻ thai hoang. Giả thiết này được nhiều người theo, trong đó có một số tác giả công giáo⁵. Hẳn nhiên không phải để nguyên rửa Maria và Giêsu, nhưng đó là một cách mà người không tin có thể nhận ra sự trinh thai của mẹ. Trong làng Nazareth, ai cũng có thể biết Maria đã có thai trước khi ở với Giuse. Và người xấu miệng có thể nói: Giuse đã nhìn nhận Giêsu là con mình, nhưng ai mà biết người đó thật sự là con ai? Cho rằng đây là một giả thiết khá ly kỳ, thông minh và hơn nữa có thể ăn khớp với các dữ kiện của các bản văn. Có thể đây cũng là dấu tích lịch sử của việc trinh thai như người không tin có thể nhận thấy. Đây là chuyện có thể xảy ra, và tôi nói thêm ngay rằng nó không phải là một lối giải thích duy nhất. Gần đây hơn một tác giả công giáo Đức khác, Blinzer, lại lập lại giả thiết của Renan. Tôi không tin

⁵ Ý kiến của Stauffer được trình bày trong cuốn "Jesus" xuất bản bằng tiếng Đức 1957- và được Delorme lập lại (*c. ami du clergé* 1961, p. 762) và Dom Winandy, *Revue Biblique* 1965 các trang 347- 348.

là người ta có thể chọn một cách tuyệt đối một trong hai lối giải thích này. Vấn đề thứ hai là những chữ "*các anh em của Giêsu*" thường được nhắc đến trong Phúc Âm. Như trong đoạn mà chúng ta đã nghiên cứu *Marcô 3, 31* và các đoạn tương tự trong các tác giả Tin Mừng khác, cũng như ở *Marcô 6, 3* và *Mathêu 13, 55- 56* (còn nêu lên các chị em của Chúa Giêsu), và trong *Gioan 2, 12* và *7, 3, 5, 10*; trong cuốn *Tông Đồ Công Vụ 1, 14*, trong các thư *Phaolô 1 Co 9, 5; Ga 1, 19*. Những anh em của Chúa Giêsu là một nhóm nhân vật được biết đến trong Giáo Hội. Ngoài ra dường như lúc Chúa còn sống họ không phải là môn đệ Ngài (*Gioan 7, 5*), nhưng họ đi vào Giáo Hội sau Phục Sinh: Chúa Giêsu đã hiện ra với Giacôbê (*1 Co 15, 7*). Các anh em Chúa Giêsu cầu nguyện với các Tông Đồ sau khi Chúa lên trời (*Công Vụ 1, 14*).

Những anh em Chúa Giêsu đó là ai? Tân Ước không cho ta một giải thích nào. Phải nói dường như không ai đặt vấn đề về chuyện này. Nhưng rồi vấn đề lại được nêu lên rất sớm trong Giáo Hội: làm sao dung hợp được các anh em này của Chúa Giêsu và sự trinh khiết vĩnh cửu của Đức Maria?

Ngay từ đầu thế kỷ thứ II, vào khoảng năm 125, nghĩa là 20 đến 25 năm sau Tin Mừng của Gioan, cuốn tiền Tin Mừng của Giacôbê (một bản ngy văn phát xuất từ Palestine, nói nhiều đến sự xuất hiện của việc học hỏi về Maria) đã đề cập vấn đề. Ba lần liền, cuốn đó giải thích là Giuse là một ông già, góa vợ và đã có nhiều con (*9,2; 17, 1-2; 18, 1*). Người ta yêu cầu ông cưới Maria làm vợ, nhiều nhà thờ nước đã phát

cho những kẻ muốn cưới Maria, và chỉ có nhánh của ông đâm hoa. Thầy cả bấy giờ mới nói với ông: "*Ông cần cưới Maria làm vợ*". Giuse trả lời: "*Nhưng, tôi già, tôi góa vợ, tôi có nhiều con, làm sao tôi lo được cho cô thanh nữ này?*". Câu truyện quá ngây ngô, nhưng ta thấy cuốn tiên Tin Mừng của Giacôbê cố tìm cách giải quyết vấn đề các anh em của Chúa Giêsu: đây có lẽ là những đứa con trai đầu của đời vợ trước của Giuse. Ý kiến này lại xuất hiện trong Clêmentê thành Alexandria, trong Origène, và hầu như một phần trong toàn truyền thống Hy Lạp.

Trong các tác giả La tinh, chúng ta thấy có hai hướng giải thích. Một là của Tertulianô cho rằng đây là con ruột thịt của Giuse và Maria. Nhưng chỉ có ông đưa ra giả thuyết này. Và tất cả những gì Tertulianô nói không phải là lời Tin Mừng: ta biết cuối cùng ông đã đi vào đường rối rắm. Trong trường hợp này ông có phải là một người chứng tốt hay không? Ta có cảm tưởng như đây là một lập trường của giả thuyết nào đó, một lối chống lại sự trinh khiết của Maria. Ngoài ra đây là một lập trường đơn lẻ, bị chống bác liên tục khác sau đó và không có một giá trị lịch sử đáng kể. Thánh Hêrônimô đưa ra một lối giải thích khác: những anh em được nêu lên trong Tin Mừng là các anh em họ của Chúa Giêsu. Tác giả dựa vào một sự kiện cổ điển là trong xã hội ở Palestine, chữ anh em có một nghĩa rất rộng. Chữ đó muốn nói rằng: là thành phần của gia đình. Nên thánh Hêrônimô nói: đây là anh em họ. Ở đây tôi không đi vào các vấn đề được các truyền thống thật lâu sau này nêu ra. Nhưng

chỉ hỏi Tân Ước có đem lại cho ta một cái gì hỗ trợ cho các giả thuyết đó không? Một cách rõ ràng Tân Ước không đặt ra vấn đề. Tuy thế, ta vẫn thấy có những dấu chứng hỗ trợ cho việc xác nhận là những anh em được Tin Mừng nêu lên không phải thực sự là những anh em ruột.

Trước hết, người ta không nói các anh em của Giêsu được gọi tên là Giacôbê và Giuse, Simon và Giuđê. Nhưng, ta sẽ thấy lúc Chúa chịu chết trên thánh giá, khi tắm liệm và khi thấy mồ trống, có một Maria không phải là mẹ Chúa Giêsu, nhưng là mẹ của Giacôbê và Giuse (*Mc 15,40,47; 16,1*). Đây không phải là một luận chứng có tính cách quyết định, vì nhiều Maria có thể có những đứa con gọi là Giacôbê và Giuse, nhưng dấu sao thì cũng là một sự trùng hợp lạ lùng: Các ông Giacôbê và Giuse mà Tin Mừng nói đến dường như không phải là con của Maria, Mẹ Chúa Giêsu. Có một dấu chứng khác không được lưu ý lắm đối với các nhà phê bình khó tính, vì nó không nằm trong các bản Tin Mừng nhất lãm, nhưng ở trong Tin Mừng của Gioan: Khi Chúa Giêsu chết trên thánh giá, Ngài giao phó Maria cho một môn đệ (*Gioan 19, 25-27*). Nếu Maria có nhiều con trai, người ta không hiểu tại sao Chúa Giêsu lại giao phó mẹ mình cho một người ngoài. Sự kiện đó thường cho thấy Maria không có con nào nữa. Đây chỉ là một dấu chứng gián tiếp, nhưng rất đứng đắn.

III. BẢN VĂN CỦA CUỐN TÔNG ĐỒ CÔNG VỤ 1, 14

Để chấm dứt, chỉ còn lại một **đoạn văn của cuốn Tông Đồ Công Vụ 1, 14**. Đây không phải thuộc về các bản Tin Mừng nhất lãm, nhưng cũng thuộc về một truyền thống rất xưa. Chúng ta ở vào buổi đầu của Giáo Hội, thời gian ở giữa lúc Chúa Giêsu lên trời và lúc Thánh Thần hiện xuống. Các môn đệ trở về nhà dùng tiệc ly trước đây để cầu nguyện, và ở đó Maria xuất hiện lần cuối cùng: "*Mọi người cũng một lòng chuyên tâm cầu nguyện với một vài phụ nữ, trong đó có Maria Mẹ Chúa Giêsu và các anh em Ngài*".

Điều tôi muốn nêu lên là sự phong phú đồng thời rất đơn giản của bản văn. Chúng ta không biết gì nhiều về vai trò của Maria, nhưng chúng ta chỉ biết Mẹ ở với các Tông Đồ và những anh em, nhưng anh em cho đến nay dường như ở bên phía kẻ không tin, vì Gioan cho chúng ta hay: "*anh em Ngài không tin vào Ngài*" (7, 5). Nhưng vào thời kỳ giữa lúc Chúa Giêsu lên trời và Thánh Thần hiện xuống, mười một Tông Đồ, Maria và các anh em cùng nhau cầu nguyện và chờ đợi Thánh Thần.

Dữ kiện đầu tiên là sự xác nhận về lòng tin của Maria. Sự kiện này hẳn không làm ta ngạc nhiên sau khi đọc Tin Mừng thời thơ ấu Chúa. Nhưng đối với anh em của Chúa Giêsu thì phải xem đó là một cái gì mới và rất đáng lưu ý. Sự việc này phải được liên kết với câu truyện Chúa hiện ra với Giacôbê được Phaolô kể lại (1 Co 15, 7). Người ta suy ra rằng có sự can thiệp của Chúa Giêsu nơi thân quyến Ngài

sau khi Ngài đã sống lại. Chúng ta không nói đến việc Chúa hiện ra lần nào với Maria không: hẳn phải đáng tin lắm chứ, nhưng vì không có một lời nào nói đến chuyện đó trong Tân Ước, nên khi phải nói đến, có lẽ chúng ta cũng đừng nói gì, không chống cũng không bênh. Điều đã được viết ra là giữa Chúa phục sinh và Thánh Thần hiện xuống Maria cầu nguyện với mười một Tông Đồ, Mẹ đã đi vào sự hiệp nhất và niềm hy vọng của Giáo Hội. Mẹ tham gia vào Giáo Hội Tông Đồ đó, với thứ bậc tầm thường của người phụ nữ như việc thường xảy ra ở xã hội Palestine, nhưng Mẹ hiện diện trong niềm vui phục sinh. Đó là việc duy nhất được trình bày trong văn bản, nhưng là việc lớn lao: Maria thực sự ẩn mình trong cuộc sống công khai của Chúa Giêsu - Cana đã cho ta thấy rõ - lại tái xuất hiện trong Tin Mừng của Gioan lúc Chúa chịu treo trên thánh giá và trong cuốn Tông Đồ Công Vụ lúc cầu nguyện ở nhà tiệc ly.

Phần ba

CÁC BẢN TIN MỪNG THỜI THƠ ẤU CHÚA

Ở phần này, tôi xin trình bày về các bản Tin Mừng thời thơ ấu Chúa trong việc khám phá về Đức Maria. Điểm đặc biệt ở đây những bản văn này là đợt gần ta nhất của Tân Ước. Lý do chúng ta đã nêu ra trong các phần trước: các Tông Đồ đã rao giảng những gì họ đã chứng thực, từ ngày Chúa chịu phép rửa đến phục sinh. Ngoài ra, cũng xin lưu ý rằng đây là một định luật của lịch sử: người ta chỉ viết về thời thơ ấu của một nhân vật khi người đó đã có một cuộc đời khá nổi bật. Do đó, truyền thống về thời thơ ấu Chúa cũng được lưu truyền sau các biến cố khác.

Những bản Tin Mừng của Mathêu và Luca, được xếp niên kỷ vào các năm 80, thuật lại những sự kiện mà lúc họ viết thành văn thì không còn có những nhân chứng trực tiếp nữa. Tuy thế ta có thể nghĩ rằng các sự kiện này đã lưu truyền trước năm 80, vì những

điểm gặp gỡ của Mathêu và Luca chứng minh rằng họ đã lấy lại các tài liệu của một truyền thống có trước khi họ viết vào khoảng các năm 60 tại vùng Palestine. Thật thế, từ năm 66, chiến tranh giữa Palestine và Rôma đã làm cho giáo đoàn Palestine biến tan trong cơn lốc của binh lửa. Nếu có một truyền thống chung ở Palestine về thời thơ ấu Chúa, thì truyền thống đó có trước năm 66. Và muốn truy cứu xem từ đâu có truyền thống đó, thì phải dựa vào một giới duy nhất có thể chuyển lại, một giới rất được Giáo Hội bấy giờ biết đến, đó là những anh em thân thuộc của Chúa Giêsu. Nếu ta có được những bản tường thuật về gia đình Chúa Giêsu và về thời thơ ấu Ngài, thì phải truy tìm từ phía những người này.

I. NHỮNG ĐIỂM CHUNG GIỮA MATHÊU VÀ LUCA

Điểm đáng lưu ý hơn cả trong các bản văn Tin Mừng về thời thơ ấu Chúa này là **sự gặp gỡ giữa Mathêu và Luca**; vì cả hai đều đã dựa vào những tài liệu của một truyền thống có trước. Và trong truyền thống đó, chúng ta đã thấy có sự xác nhận về trình thai được diễn tả khác nhau tùy tác giả, nhưng cả hai họ không bày đặt ra nội dung này, và đây là một truyền thống lưu truyền ở Palestine.

Mathêu nói thế này:

"Đây là gốc gác của Chúa Giêsu Kitô. Khi mẹ Ngài đã lập gia thất với Giuse, trước khi họ ăn ở với nhau, bà đã thấy mình có thai ở trong bụng do việc làm của Thánh Thần. Giuse chồng bà, là

kẻ ngay chính và không muốn giao nộp bà để tố giác, đã quyết định bỏ bà một cách kín đáo. Trong lúc ông còn đang suy tính thì Thiên Thần Chúa hiện ra với ông và nói: Giuse, con Đavít, đừng ngại lấy Maria làm vợ, thai trong bụng bà ấy là do Thánh Thần. Bà sẽ sinh hạ một con trai, người đặt tên đứa bé là Giêsu, người ấy sẽ cứu dân khỏi tội lỗi. Mọi sự việc ấy xảy ra để hoàn tất điều đã được tiên tri báo trước: một trinh nữ sẽ mang thai và sẽ sinh một con trai, người ta gọi con trẻ là Emmanuel" (Mt, 1, 18-23).

Trong Mathêu cũng như trong Luca, người ta nói rằng Maria đã thụ thai mà còn trinh khiết, và cả hai tác giả đều nói đến sấm ngôn của Isaia. Đây là một lý chứng thêm vào sau đó vì sấm ngôn của Isaia chỉ nói đến việc thụ thai do người trinh nữ qua hình thức bản văn Hy Lạp. Tiếng Do Thái và Aram nói: "*này đây một thanh nữ ...*". Ý niệm về trinh thai không phải là một ý niệm có trong vùng Palestine, vì ở Palestine chỉ có thừa kế qua người cha, người ta chỉ viết gia phả trong Cựu Ước cho phái nam thôi. Đối với một người Palestine, sự trinh thai tạo khó khăn cho việc bảo chứng về dòng tộc Đavít. Ở đây, chúng ta có một chuyện gì xảy ra bất thường, một cái gì có thể gọi là nghịch thường. Ngoài ra, chỉ có những tác giả Hy Lạp về *Isaia (7,14)* giải thích sự trinh thai. Đây hẳn là một sự khai triển truyền thống, đào sâu ý nghĩa của mặc khải qua các bản văn Bảy Mươi; dù việc này cũng không phải đã không từng xảy ra.

Nói như thế, trước Mathêu và Luca, vào các năm 60 tại Palestine đã có một sự xác quyết về sự trình thai sinh ra Chúa Giêsu do hành động của Thánh Thần. Trong quan điểm thần học về Maria, việc đó nghĩa là gì? Trước hết, Maria đã có một vai trò duy nhất và độc đáo trong việc sinh ra Chúa Giêsu Kitô; việc đó chứng tỏ Ngài có một tương quan thân mật với Chúa Thánh Thần. Và tôi đi xa hơn nữa: sự trình thai là một sự kiện chỉ Maria mới có thể hiểu, chỉ có Mẹ mới biết được thực sự nó xảy ra như thế nào. Những kẻ khác chỉ thấy rằng Maria mang thai, và sự giải thích của họ thoát tiên cũng chỉ là: việc đó do Chúa Thánh Thần.

Nếu ta suy xét về việc này (và ở đây tôi không dừng lại trên việc giải thích khoa học nhưng đi đến suy tư trong khuôn khổ đức tin, vì kỳ cùng muốn chấp nhận sự trình thai, phải có đức tin), ta đặt câu hỏi, sự việc đó có nghĩa gì? Đó là một dấu chỉ ưu việt đã ban cho Maria. Một trong những luật tổng quát của ý định Thiên Chúa là khi Ngài gọi ai phục dịch Ngài, thì Ngài cho người đó ánh sáng cần thiết để chu toàn sứ mạng. Sứ mạng của Maria là tạo thành Chúa Giêsu, là trách nhiệm phải làm nên đứa trẻ này, không phải chỉ trong thân xác, nhưng trong tâm hồn và tính tình nữa: chính Maria sẽ dạy cho Chúa đọc Thánh Kinh, cầu nguyện. Để Maria có thể chu toàn phận vụ làm mẹ của mình, bà phải có một dấu chỉ biểu lộ sứ mạng duy nhất của Chúa Giêsu. Ý nghĩa của trình thai đối với Maria là mặc khải cho bà thấy con mình là "**Con**

Thiên Chúa" trong một ý nghĩa duy nhất, chưa từng nghe nói đến bao giờ.

Ở mức độ này của nội dung truyền thống, vào khoảng các năm 60, người ta xem Đức Maria như là kẻ đã có phép lạ này trong đời mình, và còn hơn nữa bà nghe được lời này của Chúa mặc khải cho bà về phận vụ riêng của mình. Theo tâm thức của chúng ta, những kẻ tân thời ngày nay, chúng ta ngạc nhiên tại sao sự kiện đó đã không tỏ bày cho mọi người biết cùng một lúc với sứ mạng và thần tính Chúa Giêsu cũng như các mối phúc hoặc Kinh Lạy Cha...

Không phải thế, chúng ta hãy nhận định xem sự thế xảy ra thế nào. Các Tông Đồ không hề nói đến trinh thai, không nói có, cũng không nói không; và chúng ta thấy được dự kiện đó xuất hiện trong một giới quen biết Maria, ở Palestine.

Một phương cách giải thích xem ra hợp lý, đó là sự tiết lộ do chính Mẹ Maria, chính Ngài đã nói ra điều đó. Nhưng, ở đây cũng thế, chúng ta cũng chỉ đưa ra được giả thiết vậy thôi; dấu giả thiết đó có thể là thật. Nhưng Maria có thể nói điều đó trước phục sinh không? Chắc chắn là không. Một khi Chúa Giêsu đã được nhìn nhận là Con Thiên Chúa, như một sự hiện diện cao siêu của mầu nhiệm, thì bấy giờ mới có một khung cảnh đã được chuẩn bị, có đủ đức tin để Maria nói lên biến cố này. Thử xem nếu Maria nói với Phêrô hoặc với Gioan trong thời Chúa rao giảng công khai: "*Ngài đã được citu mang bởi người trinh nữ.*", thì sự việc sẽ xảy ra làm sao? Hẳn phải là hết sức kỳ quặc đối với họ. Maria đã chỉ có thể nói lên

điều này trong khuôn khổ của một đức tin vào thần tính của Chúa Giêsu.

Điều chúng ta phải nhìn thấy trong tín lý của chúng ta là sự phối hợp nhất quán, cấu trúc toàn bộ của nó. Tất cả những xác quyết của chúng ta về Chúa Giêsu không phải cùng có một tầm quan trọng như nhau. Là Kitô hữu tức là tin rằng Chúa Giêsu là Chúa, Thiên Chúa chúng ta; và sự khai mở thần tính của Ngài là sự phục sinh của chính Ngài. Nhưng khi ta tin vào thần tính của Chúa Giêsu, thì sự trinh thai là một hệ luận, một dấu chỉ, hẳn nhiên là quan trọng, nhưng không thể đặt tất cả trên một bình diện như nhau. Cũng tương tự như thế, tất cả khía cạnh về Maria của tín lý cũng thiết cốt với chúng ta, và chúng ta tin, nhưng dấu sao thì không quan trọng bằng sự hiện hữu của Thiên Chúa. Đó chính là lợi ích của việc nghiên cứu lịch sử của mặc khải, nó giúp ta biết điều gì là khẩn thiết hơn cả. Đó chính là Đức Giêsu được sống lại. Sự trinh thai và vai trò của Maria đi tiếp theo như những hệ luận.

II. NHỮNG ĐIỂM ĐẶC BIỆT TRONG TIN MỪNG MATHÊU

Tôi đã trình bày về sự trinh thai trong các bản Tin Mừng thời thơ ấu Chúa vì điều đó là điều thiết yếu. Bây giờ chúng ta thử xem **những điểm đặc biệt của Tin Mừng Mathêu**. Bất cứ lần nào tác giả trình bày Maria, tác giả cũng tinh tế chỉ cho ta thấy sự trinh thai: Mathêu không thấy một vai trò nào khác đối với

Maria. Nên, khi viết gia phả Chúa Giêsu, Mathêu kết luận (1, 16): "*Giacóp sinh ra Giuse, người chồng Maria, và Chúa Giêsu sinh ra từ bà này*". Tác giả không nói Giuse sinh ra Giêsu. Có một vài vấn đề kiểm thảo bản văn không mấy quan trọng, nhưng điểm này không thể chối cãi được: trong bản văn của Mathêu, tất cả người đàn ông đều sinh ra con mình cho đến Giuse, người chồng của Maria; nhưng từ nơi bà Maria Chúa Giêsu sinh ra. Người ta không viết gia phả của Maria vì trong xã hội đồng phương không có gia phả phụ nữ: chỉ có pháp quyền từ người cha. Nếu Đức Giêsu là con Đavít, là do nơi Giuse, dầu vậy người ta đã không nói rằng Giuse đã sinh ra Đức Giêsu. Đó là dấu vết về sự trinh thai.

Cũng thế, khi Mathêu kể lại chuyện các nhà thông thái đồng phương, tác giả nói với chúng ta (2,11): "*Khi đi vào trong chỗ trọ, họ đã thấy con trẻ với Maria, Mẹ Ngài*". Tác giả không nhắc cả đến tên Giêsu. Ở đây nữa, việc trình bày đứa trẻ được lồng vào bên trong một đức tin về trinh thai, nhất là đối với một tác giả rất ư là Do Thái như Mathêu; ông đã tìm cách kể cho chúng ta sự trinh thai trong một cuộc đối thoại giữa Thiên Chúa và Giuse, mà không nhắc đến tên Maria, cũng không nói Maria đã nghĩ gì, đó hẳn là việc khó hiểu. Nhưng đó là nét đặc trưng ở vùng Palestine: chỉ có nam nhi mới đáng kể. Như thế khi tác giả dành viết các nhà thông thái đồng phương đã tìm thấy đứa trẻ và Maria, Mẹ Ngài, thì thực sự Maria có một chỗ quan trọng khác thường.

Trong phần tiếp câu truyện, là việc trốn sang Ai Cập và trở về từ Ai Cập, luôn luôn là vấn đề của đứa trẻ và Mẹ Ngài (2,13-14, 20). Khi nghiên cứu bản văn này, người ta thấy tác giả cảm ứng thời thơ ấu của Maisen trong sách Xuất Hành 4, 19-20. Mathêu đọc lịch sử Maisen, nhưng nếu trong lịch sử của Maisen, ta thường đọc thấy: "*hãy đem vợ người và các con người*", thì trong Mathêu luôn được viết thế này: "*hãy đưa đứa trẻ và mẹ Ngài*" Mathêu không trình bày Maria như vợ của Giuse - thực ra Maria là vợ Giuse và tác giả đã nói: họ đã lập gia đình với nhau (1,16,18,20,24) - nhưng là mẹ của đứa trẻ. Ngữ vựng này là dấu vết của sự trinh thai và vai trò đặc biệt của Maria.

III. MARIA THEO TIN MỪNG LUCA

Bây giờ tôi tổng lược những kết luận rút ra từ phần nghiên cứu về **Maria trong Tin Mừng của Luca**. Điều đáng lưu ý hơn cả nơi Luca, trước hết là sự đặt nơi con người của Maria và vai trò mà tác giả thấy nơi Mẹ: ở biến cố truyền tin, chính Maria đón nhận sứ điệp; ở biến cố thăm viếng, chính Maria hát bài ca tụng Magnificat; vào lúc Chúa sinh, dâng Chúa vào Đền Thánh, tìm lại Chúa ở Đền Thánh, Maria đóng vai trò chính. Trong lúc đó Tin Mừng thời thơ ấu Chúa theo Mathêu, nhân vật được đặt nổi là Giuse (chính thiên thần đã nói với Giuse), trong Tin Mừng thời thơ ấu Chúa theo Luca, nhân vật được đặt nổi là Maria. Người ta giải thích sự kiện đó bằng cách nhắc

cho chúng ta hay rằng Luca là một người Hy Lạp, và trong thế giới Hy Lạp phụ nữ có một vai trò quan trọng hơn trong xã hội Palestine. Cũng ở trong Tin Mừng của Luca ta còn đọc được những lời nói của Maria và một tư tưởng về Maria. Mathêu nêu lên vai trò Maria là: Mẹ trinh thai của Chúa Giêsu; nhưng tác giả không thuật lại một lời nào của Maria.

Chân dung của Maria như thế nào trong Luca? Luca nhấn mạnh vai trò của Maria trong ý định của Thiên Chúa: Mẹ là kẻ được Chúa rất sùng ái, là kẻ mà Chúa đã đổ đầy ơn (1,28), là "**người tình**" (*la favorite*) là chữ có thể dùng dấu lịch sử đã méo mó ý nghĩa đi phần nào, vì đó là một chữ được dùng trong hoàng gia và trong tất cả những người nữ (1, 42), là kẻ mà muôn thế hệ sẽ gọi là có phúc (1, 48). Đây cũng là người nữ Sion: Mẹ có nhân cách riêng, hẳn thế, nhưng Mẹ dấn thân cho toàn dân Chúa, Mẹ chấp nhận Đấng Thiên Sai cứu độ toàn thể mọi người. Chính Mẹ ca bài chúc tụng Magnificat, nhân danh chính Mẹ, nhưng cũng là lời cảm tạ của toàn dân. Dân đó, Mẹ nhận lấy để gánh vác, để đại diện, vì thế người ta muốn gọi Mẹ là "**con gái Sion**" khi áp dụng vào thành ngữ cổ điển của Kinh Thánh. (So 3, 14; Za 9, 9). Mẹ là người nữ tỳ của Chúa: đó là việc Mẹ tự nhận mình như thế khi truyền tin cũng như khi xướng bài ca Magnificat (1, 38,48). Cuối cùng, Mẹ là nhà tạm của Chúa: "*Thánh Thần của Chúa, Quyền năng của Đấng Tối Cao phủ người bằng bóng rợp của mình*" (1, 35): Mẹ là nơi Chúa hiện diện.

Điểm đặc sắc của Luca cũng là việc đã nhấn mạnh đến nhân tính của Maria: một thanh nữ khiêm tốn ở vào địa vị mình, một trinh nữ lập gia đình, một người mẹ đơn độc đón nhận con mình, học tả và đặt đứa bé trong một máng cỏ; một nhà giáo dục mang trách nhiệm nuôi con... Khi Chúa Giêsu ẩn mất ở trong Đền Thánh, chính Maria đã trách người: "*Con đã làm gì thế đối với cha mẹ?*" (2, 48). Đó là tất cả nhân tính của Maria trong vai trò làm mẹ của mình. Người ta luôn có thói quen trình bày Đức Trinh Nữ như một hình ảnh khô cằn ở trên cửa kính màu. Luca đã cho ta cảm nhận được nhân cách người của mẹ. Nhưng điểm đặc sắc nhất trong Tin Mừng Luca, là trình bày Maria như một kẻ tin⁶; người là kẻ tiếp nhận lời Thiên Chúa qua Thiên Thần, qua Elisabeth, qua Simêon, qua sứ điệp của các kẻ chặn cừu nơi hang đá.

Mẹ đi sâu vào mẫu nhiệm Chúa Giêsu qua những mặc khải tuần tự. Không phải mọi sự ban cho Mẹ trong một lúc đâu. Biến cố truyền tin gồm ba mặc khải khai triển dần: niềm vui cứu độ (1, 28), đoạn Đấng Thiên Sai cổ điển (1, 3), và cuối cùng Đấng Thiên Sai là con Thiên Chúa (1, 35). Như thế là có tiến bộ trong đức tin. Mẹ chưa cảm nhận được mặc khải về thánh giá và ơn cứu độ dân ngoại: chân lý đó sẽ mặc khải cho Mẹ khi dâng Chúa vào Đền Thánh (2, 32-35).

⁶ Hãy đọc bài bình luận của tác giả tin lành W. Grundmann "*Das Evangelium nach Lukas*". Berlin 1961, trang 97-98 về đức tin của Maria trong Luca 1-11.

Mặc khải cho Maria tiếp diễn trong thời gian; và mặc khải đó được đem đến qua các Thiên Thần, và cũng qua những con người: Elisabeth, các mục đồng, Simêon... Trong ý nghĩa đó, không có đặc ân, nhưng là một đức tin như đức tin của chúng ta: một đức tin trỗi vượt lên qua biến cố (2, 18, 33, 48, 50).

Đức tin đó cũng được tài bồi qua suy niệm. Đó là bài học tuyệt vời của Luca 2, 19 và 51: "*Maria giữ tất cả các điều đó và suy niệm trong lòng*". Mẹ nghe lời Thiên Chúa và suy niệm. Sự kiện này xảy ra ngay trong biến cố truyền tin, khi Mẹ hỏi điều ấy nghĩa là gì (1, 29), lúc Mẹ đặt ra những thắc mắc (1, 34).

Luca là một tác giả đã nhấn mạnh hơn ai hết về đặc ân của Maria, nhưng đồng thời cho phép ta khám phá được nhân tính nơi đức tin của Mẹ. Mẹ nhận được những mặc khải lạ lùng, nhưng Mẹ nhận chúng trong nỗi bí ẩn của đức tin, trong một sự suy tư, trong một thái độ dẫn thân toàn cuộc sống mình: "*Phúc cho em, vì em đã tin...*". Đó là cách Luca đã định nghĩa Maria (1, 45). Theo Luca, sự hiểu biết của Maria đã đạt đến một giai đoạn mới, vì Luca lưu ý đến chính con người của Mẹ. Mẹ đã chu toàn vai trò như thế nào? Trong đức tin, một đức tin hoàn toàn thuộc nhân tính, trong bóng đêm. Và chúng cảm nhận được ở đó sự khám phá sâu xa về Maria, không phải chỉ nơi phận vụ Ngài làm mà thôi, nhưng còn chính do con người của Mẹ.

Phần bốn

CÁC BẢN TIN MỪNG CỦA GIOAN

Trong việc khám phá Đức Maria mà Giáo Hội thể hiện từng bước, Gioan cho ta nhiều nội dung về Ngài ở một mức độ cao nhất. Nhưng trước khi đề cập đến các bản văn nói về Đức Maria của Gioan, chúng ta cần dừng lại một chút để thấu triệt những nét đặc biệt của Tin Mừng của ông, vì trong nội dung này của Tân Ước, ta không tìm thấy những lối trình bày y như ở trong các bản Tin Mừng nhất lãm.

I. NHỮNG NÉT ĐẶC BIỆT TRONG TIN MỪNG CỦA GIOAN

A) Đặc biệt về hành văn

Khi đọc Gioan, điều làm ta ngạc nhiên là Tin Mừng của ông không được xếp đặt như các bản nhất lãm khác. Marcô, Mathêu và Luca là những bản văn tổng thu các đoạn văn nhỏ: trong một chương của các bản văn nhất lãm, có thể thấy có từng chục những biến cố khác nhau. Trong một chương của Gioan,

thường chỉ có một chủ đề: người mù từ thửa mới sinh, Lazarô, bánh hằng sống... Phương cách làm này có một ý nghĩa mà chính Gioan đã chỉ cho chúng ta trong phần cuối của Tin Mừng:

"Chúa Giêsu đã thực hiện nhiều dấu hiệu khác ở giữa các môn đệ, (những dấu hiệu) đã không được thuật lại trong cuốn sách này. Những dấu hiệu này được ghi lại là để cho anh em tin rằng Chúa Giêsu là Đức Kitô, con Thiên Chúa, và để khi tin như thế, anh em có được sự sống trong danh Ngài" (20, 30).

Gioan hoàn toàn ý thức về việc không nói ra hết: tác giả đã chọn một vài câu truyện và đào sâu ý nghĩa. Do đó, trong 20 chương; tác giả đã dành 8 chương cho mầu nhiệm phục sinh và 12 chương thôi dành cho cuộc sống nơi trần thế. Gioan cố tình tập chú việc trình bày mầu nhiệm Chúa Giêsu trên một số biến cố. Đó là một sự kiện hành văn, nhưng có một ý nghĩa tín lý.

Lối văn của Gioan rất đặc biệt: các bài giảng của ông diễn tiến từng đợt và người ta có thể nói đây là lối hành văn xoáy ốc. Chẳng hạn, ở chương 6, tác giả không ngừng lấy lại một xác quyết duy nhất về bánh hằng sống, và mỗi lần như thế tác giả đẩy xa mãi. Ở chương 5, khi nói đến sự phán xét mà *Con của người* hành xử, tác giả đi từ phán xét thực hiện mỗi ngày trong việc chấp nhận hay từ chối đức tin (5, 24-26) đến phán xét chung thẩm (5, 28-29).

Ta cũng lưu ý rằng, trong Tin Mừng này, Chúa Giêsu không nói theo một lối văn như trong các bản nhất lãm: Ngài thường nói theo lối nói của Gioan, được nhận ra qua bức thư thứ nhất của tác giả. Gioan xếp đặt lại những lối nói của Chúa Giêsu theo cách của ông, chẳng hạn như bài giảng của Chúa sau tiệc ly. Sự kiện đó hướng ta đến vấn đề lịch sử: chúng ta không phải luôn tìm thấy nơi Gioan những lời nói y hệt của Chúa Giêsu⁷ nhưng có thể đọc được nơi tác giả sự hiểu biết thâm sâu các lời này.

B) Những nét đặc biệt có tính cách lịch sử

Tôi đi vào vấn đề lịch sử của bản Tin Mừng, vì nó quan trọng. Đối với sử gia, Tin Mừng của Gioan vừa đưa ra những dữ kiện lịch sử không thể chối cãi đồng thời với những kỹ thuật diễn tả lạ thường không phải lối diễn tả lịch sử của khoa học ngày nay.

Ở bên trong những bài giảng của Chúa được viết ra theo lối văn của Gioan, người ta tìm thấy những câu được nói lên bằng tiếng Aram, tương ứng với những lời Chúa Giêsu nói trong các bản văn nhất lãm, và ta có thể tin đó thực sự là lời của chính Chúa Giêsu đã nói. Chẳng hạn: "*Nếu hạt lúa mì rơi xuống đất mà không chết đi, thì nó sẽ teo cứng; nếu nó chết đi, nó mang nhiều hoa trái*" (12, 24); trên phương diện văn phạm, câu này có thể dịch ra tiếng Aram cách dễ dàng, và đó là lối văn tượng trưng của Chúa Giêsu.

⁷ Paroles littérales

Cũng như 16, 21: "*Người phụ nữ, khi sắp sinh con thì lo buồn vì bà đau đớn, nhưng khi đứa trẻ đã sinh ra bà hoan hỉ, vì một người đã đến trong trần gian*". Ở đây chúng ta thấy lối văn rất bình dị, đó là ngôn ngữ và lối văn nói của Chúa Giêsu. Có một số lối nói, mà đặc biệt chỉ thấy trong Tin Mừng Gioan, nhưng nó ăn khớp với lối nói và tư tưởng sâu xa của Chúa Giêsu; nhiều nhà phê bình ngày nay nhận rằng đây là lời thực Chúa Giêsu đã nói. Nhưng với kỹ thuật hành văn riêng của mình, Gioan đã phối trí lối nói này, bình luận lời đó theo lối văn của ông. Vì thế người ta thấy bên cạnh những câu ấy có những đoạn văn không thể dịch ra tiếng Aram được; hẳn nhiên chúng đã được chuyển lại theo lối khác bằng tiếng Hy Lạp ngay từ lúc đầu. Gioan giúp ta biết được nhiều sự kiện quý giá trong một số bài tường thuật của ông. Theo các bản văn nhất lãm, chúng ta cứ nghĩ rằng Chúa Giêsu chỉ lên Giêrusalem có một lần trong suốt hành trình thực thi sứ mạng của Ngài, vào lễ Vượt Qua cuối cùng; Gioan lại cho chúng ta hay Chúa hiện diện ở Giêrusalem trong ba lễ Vượt Qua khác nhau, một lễ các nhà tạm, một lễ cung hiến; và về mặt lịch sử có lẽ đúng với sự thật. Chính nhờ Gioan mà người ta thường nghĩ rằng sứ mạng của Chúa kéo dài trong hai năm, vì tác giả đã nêu lên ba lễ vượt qua này.

Tác giả cũng thường nêu lên các địa danh: như Sychar, với giếng nước nơi Chúa gặp người phụ nữ Samaritana; bồn tắm Bethesda, Lithostrotos, đó là những dữ kiện rất có giá trị và quan trọng. Các câu truyện kể lại của Gioan đầy những chi tiết cụ thể và

ăn khớp với hoàn cảnh cuộc sống Palestine đương thời: câu truyện về việc chữa lành người mù từ thuở sơ sinh cho thấy sự trung thực đó. Nó chi tiết hơn sự chữa lành người mù trong Mathêu, Marcô hoặc Luca. Những nhà phê bình muốn tìm hiểu lịch sử Chúa Giêsu buộc lòng phải dùng các dữ kiện của Gioan.

Tuy vậy, bản Tin Mừng của ông ta lại đặt ra nhiều vấn nạn cho sử gia. Trước hết vì thường khó mà đối chiếu khít khao với các bản nhất lãm. Nhiều câu truyện đã thay vị trí, như câu truyện đuổi các người buôn bán trong đền thờ. Trong Mathêu, Marcô và Luca, sự kiện này xảy ra trong lễ vượt qua cuối cùng, trong Gioan lại đặt ở trong lễ vượt qua khi Chúa đến Giêrusalem vào lần đầu (2, 13-22). Các sử gia dường như chọn lối trình bày của các bản nhất lãm: vào lúc đầu, Chúa Giêsu chưa đoạn tuyệt với giới quyền hành Do Thái, trái lại dường như lúc ấy Ngài tìm cách kêu mời họ gia nhập. Ngài không bắt đầu bằng những hành vi đoạn tuyệt. Một sự việc như đánh đuổi con buôn ra khỏi Đền Thánh sẽ dẫn đến câu hỏi: "*Do quyền nào Ngài làm điều đó?*". Có thể ở vào giai đoạn cuối của công việc Chúa rao giảng hợp lý hơn là xảy ra lúc khi đầu. Dường như ở đây Gioan đã cố ý dời đổi, tại sao? Nhãn quan của Gioan là nhấn mạnh đến sự mới mẻ của Chúa Giêsu, là giao ước mới, và tác giả muốn cho thấy tức khắc sự mới mẻ đó trong tương quan với Israel cũ. Về mặt tín lý là đúng, nhưng Gioan đã diễn tả bằng cách dời đổi thứ tự thời gian, tức là không chính xác xét về mặt lịch sử.

Một thí dụ nữa: trong thương khó của Chúa, Gioan đi sát với bản văn nhất lãm. Cuối cuộc tiệc ly, tác giả kể rằng người ta đi đến vườn Gethsêmani (18, 1), nhưng trong bản văn, ta không thấy có cảnh Chúa chịu hấp hối ở đây: Giuđa đến với lính tráng, người ta bắt Chúa và khổ nạn bắt đầu. Nhưng trong Gioan, có một cảnh tương ứng với cảnh hấp hối nhưng sớm hơn, trong lần cuối Chúa Giêsu đến Đền Thánh: "*Nay hôn Thầy giao động. Nhưng nói gì đây? Lạy Cha, xin cứu con khỏi giờ này? Nhưng chính vì thế mà Ta đã đến giờ này. Lạy Cha, xin vinh danh tên của Cha*" (12, 27-28). Khi Gioan trích phần đầu của câu 6 Thánh Vịnh 42 "*Tâm hồn Thầy giao động...*" thì các bản nhất lãm lấy phần hai "*Tâm hồn Thầy buồn đến chết được*" để diễn tả sự giao động của Chúa Giêsu. Trong các bản nhất lãm, người ta ghi lại Chúa cầu nguyện để giờ ấy cất khỏi Ngài; nơi Gioan, Chúa Giêsu thú thực nỗi giao động của mình và tự đặt câu hỏi cho mình: "*Tôi sẽ nói gì đây? Cha, xin cứu con khỏi giờ này?*". Câu truyện nói lên cùng một ý nghĩa, nhưng vị trí sắp đặt lại khác nhau.

Tuy thế, trong bản văn của Gioan, có một dấu vết, một vết sẹo, chứng tỏ tác giả biết đến dữ kiện của vườn Gethsimani, khi người ta chặn bắt Chúa Giêsu, Phêrô rút kiếm và bấy giờ Chúa nói với ông: "*Con hãy xỏ gươm vào vỏ*". Sự kiện này có trong bốn bản Tin Mừng. Nhưng Gioan lại thêm: "*Chén Cha đã ban cho Ta, Ta không uống sao?*" (18, 11). Chén đắng, đó là tâm điểm của lịch sử của vườn Gethsêmani trong các bản nhất lãm. Như thế chúng tỏ

Gioan biết giai đoạn này. Nếu tác giả muốn đặt việc hấp hối của Chúa Giêsu sớm hơn, và đưa vào khung cảnh của Đền Thánh, chắc vì tầm quan trọng tác giả nhìn thấy nơi Đền Thánh này. Theo truyền thống, Đền Thánh là nơi Chúa nói với dân Ngài và là nơi dân nói với Chúa của mình. Dữ kiện của các bản văn nhất lãm có ưu thế về mặt lịch sử: cụ thể hơn, con người hơn, tang thương hơn. Nhưng Gioan, theo quan điểm thần học của mình, đã dời vị trí thời gian để nhấn mạnh đến sự gặp gỡ của Chúa Giêsu với Cha Ngài trong nhà Ngài: đây là lời kinh cuối cùng có giá trị trong Đền Thánh Giêrusalem và đó cũng là lúc chấm dứt Đền Thánh này. Chú tâm về mặt thần học này thường làm cho Gioan phải xếp đặt lại các dữ kiện sâu xa về những sự kiện ở bên ngoài sự chính xác có tính cách vật chất và từ ngữ.

Nhưng khó khăn lớn nhất mà sử gia gặp phải nơi Tin Mừng Gioan là các tác giả trình bày về việc khám phá mầu nhiệm Chúa Giêsu. Theo tác giả nhất lãm, việc mặc khải đó xảy ra chậm: các môn đệ trước hết gặp gỡ Chúa Giêsu như một thầy Do Thái, sau đó họ khám phá nơi Ngài là một đấng tiên tri, lời Ngài có quyền uy và Ngài làm phép lạ, cuối cùng còn hơn một tiên tri; sau hết, ở Césarée, Phêrô nhận ra Ngài là Đấng Thiên Sai. Nhưng chưa hết: trong tư tưởng người Do Thái, Đấng Thiên Sai chỉ là một người, chứ không phải Thiên Chúa. Và theo lối trình bày của các bản văn này, thiên tính của Chúa Giêsu chỉ được nhận ra một cách đầy đủ và được diễn tả một cách trọn vẹn nơi mầu nhiệm Phục Sinh, khi Chúa Giêsu, kẻ chiến

thắng sự chết xuất hiện ra như là Chúa ngự bên hữu Thiên Chúa, khi Chúa Giêsu ban Thánh Thần, điều mà chỉ có Thiên Chúa mới có thể làm.

Như thế điều ta cảm nhận nơi các tác giả nhất lãm là thời gian cần phải trải qua để đến gần với mẫu nhiệm, cũng như sự kiện Chúa Giêsu không bao giờ tự mặc khải mình bằng lời nói. Chúa không bao giờ nói: "*Ta là Con Thiên Chúa, Ngôi Hai của Ba Ngôi Thánh...*". Nhưng khi Ngài thấy nơi các Tông Đồ khá trưởng thành, Ngài mới hỏi họ: "*Các con nói Thầy là ai?*". Và Phêrô bảy giờ mới nói lên Ngài là Đấng Thiên Sai. Lối giáo dục của Chúa Giêsu, là tự mặc khải qua các sự kiện: chỉ có Thiên Chúa mới có thể làm cho biển yên, làm cho người chết sống lại, tha thứ tội lỗi. Con người đó chính là Giêsu, đang làm những việc chưa từng ai làm được. "*Vậy Ngài là ai?*", đó là câu hỏi lặp đi lặp lại trong các bản văn nhất lãm. Trái lại, trong Tin Mừng Gioan, ngay từ lần gặp gỡ đầu tiên giữa các môn đệ và Chúa Giêsu, Anrê đi tìm anh mình là Phêrô và nói với ông: "*Chúng tôi đã gặp Đấng Thiên Sai*" (1, 41). Cũng như ở đoạn 5, 58, Chúa Giêsu nói với người Pharisaiêu là những người khó đón nhận Ngài nhất và cũng khó hiểu được Ngài: "*Ta nói thật với các ngươi điều này, trước khi Abraham có, Ta hằng hữu*", **Ta hằng hữu** là xác quyết tối cao về Thiên Chúa, là định nghĩa về Ngài. Về mặt lịch sử, khó có thể cho rằng Chúa Giêsu đã nói như thế trước những người Pharisaiêu trong hoàn cảnh đó. Đó hẳn không phải là phương pháp của Ngài; nhưng là một tư tưởng về Ngài, và người ta chỉ có thể ý thức được tư

tưởng đó sau Phục Sinh, và trong một sự suy niệm thật sâu xa. Do đó mà mặc khải này theo lối trình bày minh nhiên của Gioan đặt thành vấn nạn cho sử gia.

Và lối văn tượng trưng của Gioan cũng tạo thêm khó khăn cho sử gia. Gioan là một tác giả rất cẩn thận, tế nhị và thường có những lời ghi chú nhỏ gọi lên một hậu ý trong điều ông kể lại. Ở chương 5, Gioan thuật lại việc chữa một người bất toại được lành ở bồn tắm Bethesda (chứ không phải Bezatha như người ta hay đọc lẫn), Bethesda có nghĩa là nhà của sự thương xót, của Ahesed tức là nhà của từ bi, của tình yêu. Khi nêu lên câu truyện này, câu truyện nói lên tình yêu của Chúa chữa lành nỗi khổ của nhân trần, lời đầu của Gioan muốn nói với chúng ta là sự việc xảy ra ở nhà của tình yêu và của sự thương xót. Sự kiện đó cho ta thấy đó không phải là ngẫu nhiên. Ta nghĩ ngay đến chương 9, câu 7. Khi nói với người mù từ thuở mới sinh. Chúa Giêsu nói: "*Hãy đến tắm ở suối Siloé*" (là chữ có nghĩa là: Kẻ được gửi đến). Chính Gioan chú thích ý nghĩa của chữ này, và nói lên một sự tương quan giữa địa danh và việc chữa lành bệnh mà Chúa Giêsu đã làm: đối với Gioan, đó là một danh hiệu tiên tri.

Trong bản văn của Gioan, thường những lời nói lại có ý nghĩa sâu xa hơn sự suy nghĩ của kẻ nói ra, và Gioan cho chúng ta biết việc đó. Như khi thầy cả nói: "*Các ông không thấy rằng thà một người chết thì có lợi cho dân hơn...*". Gioan chú thêm: "*Ông ta không phải tự mình nói ra điều đó, nhưng với tư cách là thầy cả thượng phẩm, ông ta tiên tri rằng Chúa*

Giêsu phải chết cho dân" (11, 50-51). Như khi Philatô nói: "Đây là người" (19, 5); người ta thấy rõ câu đó có nghĩa gì từ miệng của một viên chức cao cấp từng chứng kiến những sắp xếp ám muội của hoàng gia: "Đây người đó đây này". Nhưng khi Gioan trình bày Chúa Giêsu trong khung cảnh đó như "**con người**", tác giả thấy nơi Ngài là kẻ mang lấy trách nhiệm của toàn nhân loại và chữ này có một chiều sâu lạ thường. Những chữ đó thực sự đã được nói ra, nhưng Gioan đọc được những âm hưởng sâu xa. Đó là lối văn tượng trưng của Gioan.

Gioan còn thường nhấn mạnh đến các dự kiện có tính cách dụ ngôn: khi ông thuật lại những lời của Chúa Giêsu nói với Nicôđê mô về gió ta nghe mà không thấy (3,8), gió đó tiếng Hy Lạp gọi là "**pneuma**" và đó cũng là Thánh Thần mà không ai thấy được, nhưng vẫn nhận ra được trong hành động của Ngài. Một trong những thí dụ rõ rệt nhất là những chữ "**và đêm xuống**" (13, 30) sau khi Giuđa ra đi để phản bội Chúa Giêsu. Đây không phải là một chỉ dẫn về thời điểm: đêm này là bóng tối của Satan, trong tâm hồn Giuđa, là nỗ lực của quyền lực Satan chống lại ơn cứu độ.

Những chữ "**và đêm xuống**" đơn sơ như thế, nhưng trong khung cảnh của bản văn lại có một âm hưởng khác rất lớn lao. Một thí dụ khác: ba lần trong Tin Mừng của Gioan, Chúa Giêsu báo trước người ta sẽ giết Ngài, dùng Ngài làm lễ tế, và Ngài luôn nói: "*Khi các con đưa cao con người lên*" (3,14; 8, 28; 12, 32, 34). Đứng về mặt không gian: đóng đinh treo trên

thập giá là việc đưa cao lên. Nhưng đối với Gioan, đó là biểu tượng đưa đến đỉnh vinh quang. Có một sự khác biệt sâu xa giữa thần học của Gioan và thần học của các bản nhất lãm: đối với các tác giả trước, khổ nạn, mầu nhiệm khổ đau và cảm dỗ sẽ dẫn đến cùng đích là sự sống lại, mầu nhiệm của vinh quang; đối với Gioan, hai mầu nhiệm đó được đẩy xa hơn nữa. Chính trong thánh giá mà Chúa Giêsu toàn thắng, vì chính đó là nơi tình yêu Thiên Chúa thể hiện. Ngay khi Giuđa ra đi để nộp Ngài, Chúa Giêsu đã nói: "*Bây giờ con người được tôn vinh*". Khi Chúa Giêsu chết, trong các bản nhất lãm có một vài dấu chỉ được thể hiện: màn Đền Thánh xé ra, một cuộc động đất, các kẻ chết sống lại. Trong Gioan, chỉ có một dấu: nước và máu chảy ra từ cạnh sườn Chúa; hẳn nhiên đối với tác giả này đây là hiện tượng của bí tích rửa tội và thánh thể. Về mặt con người, dấu chỉ này xem ra nghèo nàn quá, nhưng về mặt thần học, nó lại phong phú hơn: sự cứu độ của Chúa Giêsu Kitô hẳn lớn lao hơn động đất hoặc màn đền thờ bị xé.

Khi chúng ta đọc các bản văn của Gioan, cần phải nhớ đến biểu tượng này: Khi Chúa Giêsu biến nước ra rượu, rượu đó mang những ý nghĩa của tất cả các âm hưởng cứu độ. Khi Chúa Giêsu làm cho bánh ra nhiều, Gioan đã minh giải cho ta thấy trước phép Thánh Thể. Khi Chúa Giêsu chữa lành người mù từ thuở mới sinh, phép lạ được kể lại trong một câu: nó sẽ đi tắm gội, nó đã thấy và thế là hoàn tất (9, 7). Nhưng có đến 34 câu để chứng minh cho thấy từ dấu chỉ đó người mù đã tìm được cái nhìn chân thật của

đức tin. Phép lạ hữu hình chỉ là tượng trưng cho ánh sáng đời đời, cho mặt khải được hé ra từ phép lạ đó. Gioan luôn tin vào thực tế lịch sử của phép lạ, nhưng đối với tác giả, đó chỉ là một cách để nội dung thực sự có ý nghĩa từ xa đến với ta.

C) Những nét đặc biệt về tín lý

Chúng ta hãy so sánh Gioan và các tác giả của Tin Mừng nhất lãm trong quan điểm này. Theo truyền thống các tác giả nhất lãm thuật lại cho chúng ta toàn bộ những lời giảng dạy của Chúa Giêsu, chính yếu là nói đến Nước Trời, Chúa Cha, sự cứu độ Chúa Cha ban cho chúng ta trong Chúa Giêsu Kitô, công lý của Chúa Kitô. Phải làm gì để có được ơn cứu độ? Phải sám hối trở lại, dứt khoát với tội lỗi, đói khát công chính, yêu mến anh em mình v.v... Chúng ta thấy một toàn bộ tín lý, luân lý và siêu nhiên về thái độ sống của Kitô hữu. Trong các bản văn nhất lãm, Chúa Giêsu ít nói về mình Ngài, Ngài luôn nhìn Cha Ngài hoặc dân Ngài. Ngài dạy chúng ta cách phải nhìn và yêu Chúa Cha, và làm cách nào để vào Nước Chúa. Trong Gioan, ta thấy khác: hầu như không có phần luân lý. Chúa Giêsu không nói về trình khiết, cũng không nói đến ly dị, Ngài không dừng lại để mô tả thái độ sống của con người theo Chúa Kitô. Như Gioan từng nói lên sự kiện đó trong phần cuối: "*Chúa Giêsu đã làm nhiều dấu chỉ khác mà sách này không chép lại; các dấu chỉ đã được kể ra là để anh em tin rằng Đức Giêsu là Chúa Kitô, con Thiên Chúa*". Gioan

muốn dẫn dắt chúng ta hiểu biết Chúa Giêsu Kitô là ai. Mọi sự khác từ đó sẽ thay đổi? Nếu chúng ta tin Chúa Giêsu là Thiên Chúa chúng ta, thì sự việc đó phải thay đổi toàn bộ cuộc đời mình. Ngoài ra, Gioan không nghĩ mình có thể thay thế các việc làm của các tác giả khác: tác giả đã muốn tập chú cái nhìn chúng ta vào phần chính yếu.

II. MARIA Ở CANA (GIOAN 2, 1-12)

Gioan chỉ trình bày Mẹ Chúa Giêsu trong hai cảnh nơi Tin Mừng của ông, ở Cana và trên đồi Calvariô. Cả hai đều khó giải thích và nhất là cảnh đầu, vì Maria không xuất hiện ở phần cốt lõi câu truyện. Vì thế nhiều tác giả đã đặt vấn đề về tầm quan trọng của Maria trong đó ⁸. Nhưng cũng có những tác giả đã nhận ra vai trò quan trọng của Maria nơi đây ⁹.

Thật thế, câu truyện Cana trước hết nhằm nói đến Chúa Giêsu. Đó là phép lạ đầu tiên của Ngài: "*Đây là dấu chỉ đầu tiên Chúa Giêsu đã làm. Ngài đã thực hiện ở Cana vùng Galilêa. Ngài tỏ bày sự vinh quang của Ngài và các môn đệ Ngài tin vào Ngài*" (2, 11). Gioan nhấn mạnh cho thấy đây là lần đầu tiên

⁸ Chẳng hạn các nhà nghiên cứu công giáo gần đây như M.R. Schnackenburg, và nhất là H. van den Busche.

⁹ F.M. Braun; J.J. Weber; J. Galat; A. Feuillet; Maria. Thurian; R. E. Brown).

Chúa Giêsu tỏ ra sự vinh quang của Ngài, sự biểu lộ đầu tiên về quyền năng Thiên Chúa cứu độ.

Nhưng câu truyện cũng muốn nói một điều gì đó về Maria. Ý định này nổi bật lên khi ta thấy Gioan đã đặt song song với cảnh thứ hai có Maria, ở đồi Calvariô: đây là màn nói về Maria, một ở đoạn mở đầu, và một ở phần cuối cuộc sứ mạng của Chúa Giêsu trên trần thế. Cả hai lần Chúa Giêsu đều cho mẹ Ngài danh hiệu lạ lùng là "*Bà, Người phụ nữ*"; và nhất là ở hai cảnh đều đặt nổi ý niệm chủ chốt của Gioan là "**Giờ**" của Chúa Giêsu. Những điều đó thúc đẩy ta đào sâu những dự kiện khác nơi bản văn về Maria.

Ở câu 3, Maria can thiệp với Chúa Giêsu và nói với Ngài: "*Họ hết rượu*". Một vài người cho rằng đây chỉ là một sự thông báo; nhưng trong bản văn quá cô động ý nghĩa, khó mà chấp nhận lối giải thích quá bình thường này. Đây dường như là một sự cầu khẩn kín đáo, tương tự với lời của các chị em Lazarô: "*Người mà Thầy yêu đang bệnh*" (11, 3). Trong trường hợp sau, hẳn là một lời yêu cầu Chúa đến để chữa người mang bệnh (*xem 11, 21, 32*). Ở Cana, có phải là một lời yêu cầu giúp đỡ bình thường hay là cầu xin một phép lạ? Câu nói tế nhị quá khó mà phân giải, nhưng phần tiếp câu truyện có thể giúp ta thấy rõ hơn.

Câu trả lời của Chúa Giêsu xem ra quá cứng rắn, cứng rắn một cách làm ta ngạc nhiên, nhất là trong những bản dịch xưa, không chính xác xét về mặt

thuần chữ nghĩa: "*Thưa bà, bà muốn tôi điều gì?*". Cần phải sâu sắc hơn nữa tất cả các yếu tố của câu 4.

Chúa xưng hô với mẹ Ngài bằng cách nói: "**Thưa bà**". Đây là một thành ngữ tỏ vẻ kính trọng và xa lạ mà Chúa dùng để nói với các phụ nữ Ngài không quen (4, 21; xem Mt 15, 28; Lc 13, 12). Đây là một chữ mà con không bao giờ xưng hô với mẹ, nhưng Chúa lại sẽ còn nói với Maria ở đồi Calvariô (19, 26). Như thế, Chúa Giêsu muốn ở tư thế xa lạ mà nói với Mẹ mình. Ngài không nói với tư cách làm con, nhưng là tư cách Chúa của người tin. Nội dung sâu kín cho thấy trùng hợp với ý nghĩa của đoạn mà chúng ta đã nghiên cứu trong Marcô 3, 33: "*Ai là mẹ Ta và anh em Ta?*". Đây là sứ mạng bắt đầu và không còn là mẹ, anh em, nhưng chỉ là các môn đệ. Maria phải ẩn mình suốt cuộc đời công khai của con mình. Ở đây sự đối đãi song song của hai đoạn có ý nghĩa của nó, và cần phải đào sâu cách nói này như là một lối nói cổ điển trong văn chương Do Thái. Khó mà dịch ra một cách chính xác qua ngôn ngữ khác ("*Có gì chung giữa tôi và bà?*"). Biết bao điều chung giữa một người con và mẹ mình. Câu nói phải được hiểu theo cách dùng của nó ở trong Cựu Ước; ta thấy nó xuất hiện ở đây từng chục lần, hoặc để chống lại sự can thiệp của kẻ thù (*Thẩm phán 11, 1,2; II Các Vua 3, 13; 2 ch. 35, 21; xem Mc 1, 24; 5, 7*), hoặc để xin một người bạn đừng xía vào công việc của mình (*2 S 16, 10; 19, 23; I Các Vua 17, 18*). Ở trường hợp này, câu đó có nghĩa là một lời tuyên bố độc lập: "*Mẹ hãy để việc đó cho con!*". Chúa Giêsu đã qua tuổi ấu thơ, thuần phục cha mẹ

(Lc 2, 51). Bây giờ Ngài phải tuân phục sứ mạng Ngài.

Đây là lý do để ta hiểu lời Ngài nói: "**Giờ**" chưa đến. Đôi khi ta nghĩ đây là giờ phép lạ đầu tiên và khai mở sứ mạng cứu đời; và vì Chúa Giêsu kỳ cùng rồi cũng chiều theo lời cầu xin của Maria, nên ta kết luận rằng lời cầu xin đó đã làm cho giờ của Chúa đã đi trước phải xảy ra sớm hơn. Đây là một sự nghịch lý vì hai lý do. Trước hết vì trong Thánh Kinh, *giờ* nhằm chỉ thời gian Thiên Chúa đã định trong sự tự do tối thượng của Ngài: lời cầu nguyện của chính Chúa Giêsu ở Gethsémani không thể dời đổi giờ của Chúa (Mc 14, 38,41). Và thứ nữa, theo Gioan, giờ của Chúa Giêsu luôn là khoảnh khắc thần thánh và không tách khỏi cuộc tử nạn Phục Sinh (7, 30; 8, 20; 12, 23,27; 13, 1; 17, 1). Khi Maria xin Chúa Giêsu can thiệp để cứu cho khách khỏi thiếu rượu. Chúa Giêsu trả lời rằng sứ mạng Ngài chưa đến lúc cuối của nó; có lẽ Ngài gọi lên lúc cuối tang thương (nhất là nếu Gioan đưa phép lạ nước hóa rượu vào chính biểu tượng Thánh Thể như ở phép lạ hóa bánh ra nhiều). Ngài cũng loan báo vai trò sẽ giao phó cho Maria ở đồi Calvariô. Sự xa cách đối với Mẹ đó là tạm thời như ta sẽ thấy ở phần sau.

Câu 5 đặc biệt quan trọng về ý nghĩa liên quan đến Maria được nói đến trong đoạn văn. Sau câu trả lời cứng nhắc này của Chúa Giêsu. Maria hẳn phải đành từ chối can thiệp và giữ thinh lặng. Nhưng không phải vậy. Mẹ đã nói với các người giúp việc: "*Những gì Ngài sẽ dạy làm, các ông hãy làm theo*". Ngài hoàn

toàn tôn trọng tự do của Chúa Giêsu. Mẹ để cho Chúa tự mình khởi sự công việc của Ngài. Nhưng Ngài đợi Chúa can thiệp theo ý Chúa, và trong nội dung bản văn của Gioan, thì đây chỉ có thể là một sự can thiệp bằng phép lạ. Maria tin tưởng vào con mình. Mẹ tin vào quyền năng của Chúa. Và sự kiện đó soi sáng cho ta thấy lý do của lời cầu xin ở câu 3.

Đường như Gioan đã gọi lên đức tin này của Maria trong phần cuối của câu truyện: "*Ngài đã thể hiện vinh quang Ngài và các môn đệ đã tin vào Ngài*" (câu 11). Gioan ở đây không nói về đức tin của Maria. Phải chăng kín đáo cho ta hay Maria không cần đợi có dấu hiệu của phép lạ hóa rượu mới thấy nơi Chúa Giêsu là người thể hiện vinh quang Thiên Chúa nơi hành vi của mình!

Đó là những dữ kiện của đoạn văn về Cana. Điểm chính là nói đến uy quyền của Chúa Giêsu, sự thể hiện vinh quang Thiên Chúa nơi Ngài. Những đoạn văn mô tả Maria có một vai trò quan trọng: đó chính là một phép lạ Ngài xin vào lúc các môn đệ chưa "**tin**" vào Chúa Giêsu; trước hết, Chúa Giêsu cho thấy sự độc lập tối thượng của sứ mạng Ngài, nhưng cuối cùng Ngài nhận lời cầu xin của Mẹ Ngài. Phải chăng cần phải nhìn thấy nơi Mẹ là đại diện cho Dân Chúa, là người sẽ nhận lấy phận vụ dứt khoát của mình vào lúc Chúa Giêsu không còn hữu hình ở trên dương thế? Nội vi của đoạn văn về Cana có lẽ không cho phép ta thấy rõ điều đó. Nhưng câu truyện ở đời

Calvariô về các ý định của Gioan lại mở ra những cái nhìn mới¹⁰.

III. MARIA TRÊN ĐỒI CALVARIÔ (GIOAN 19, 25-27)

Bây giờ chúng ta đề cập đến đoạn văn về Maria ở trên đồi Calvariô. Khung cảnh tổng quát phải lưu ý là cuộc tử nạn theo Tin Mừng Gioan.

Cũng như các bản văn nhất lãm, Gioan kể lại cuộc tử nạn của Chúa ở hai chương 18 và 19, và tác giả cũng theo sát thứ tự của các bản văn trên. Ngoài ra, ta cũng thấy đây là đoạn duy nhất bốn tác giả Tin Mừng viết theo một thứ tự như nhau trong một đoạn dài. Các nhà phê bình kết luận rằng trong truyền thống Tin Mừng, cuộc tử nạn là một toàn khối đầu tiên đã cô đọng rất sớm, nên bốn vị đã theo cùng một sơ đồ. Đây là dấu chỉ cho ta thấy cuộc tử nạn là một trong những truyền thống đáng kính trọng nhất và xưa nhất, một nội dung tuyệt đối căn bản trong việc dạy giáo lý vào thời Giáo Hội sơ khai.

Về đoạn này, Gioan có những nét đặc trưng của ông. Cũng như các tác giả nhất lãm, ông trình bày mâu nhiệm đau thương của Chúa Giêsu, bị bắt và bị vả mặt, bị điệu ra trước hội đồng của người Do Thái và tòa án Philatô, mang thập giá và chịu đóng đinh treo lên giữa hai tội nhân. Thảm kịch Chúa Giêsu chịu đóng đinh trên thập giá không làm ta xúc động lắm vì

¹⁰ Xem bài nghiên cứu của R. E. Brown.

ta không thấy cảnh chịu đóng đinh. Nhưng đối với người xưa, những kẻ đã chứng kiến cảnh đó, đây thực là một việc tàn ác, đáng xấu hổ đến độ Kitô hữu như muốn từ chối hình ảnh Chúa Giêsu trên thập giá. Đối với chúng ta, thánh giá là một món trang sức hoặc một hình ảnh sùng đạo, nhưng đối với người Do Thái và La Mã vào các thế kỷ III và IV, đó là một cái gì không chịu đựng nổi. Gioan cũng mô tả rất thực như các tác giả nhất lãm về mâu nhiệm tàn khốc của sự đau đớn, khốn khổ, và nhục nhằn của Chúa Giêsu. Nhưng đồng thời, bài tường thuật của tác giả có những nét đặc sắc riêng cần phải nêu lên để hiểu về sự kiện Maria ở trên đồi Calvariô.

Trước hết, có phần tiết giảm những cái gì quá ghê tởm. Lúc Chúa bị bắt, không có cái hôn của Giuđa, một cái gì đáng hãi hùng: một cử chỉ thân thiện và kính mến được dùng làm dấu chỉ cho sự phản bội và sự chết. Người ta cũng không thấy có Simon thành Cyrênê: Chúa Giêsu một mình mang thập giá của mình, Ngài không cần ai cả. Những lời sỉ vả của kẻ qua đường và các nhân vật trong nhà hội cũng không nói đến. Nơi Gioan, cảnh đồi Calvariô mang một nét uy nghiêm của một nghi lễ phụng vụ. Đó là Chúa Giêsu Vua, thầy cả đang thực hiện lễ hy tế. Chỉ một mình Chúa Giêsu nói và quyết định. Ngay cả lời kêu lên cuối cùng của Chúa Giêsu trong các bản nhất lãm: "*Eli, Eli, lamma suba tami*", làm cơ cho kẻ khác chế nhạo, cũng không được nói đến. Và lời cuối cùng của Chúa Giêsu trong Tin Mừng Gioan là: "*Mọi sự đã hoàn tất*". Đó là tiếng kêu toàn thắng: những gì ta

phải làm, ta đã làm, sự cứu độ nhân loại đã hoàn tất... Khung cảnh của tử nạn trong Gioan có cái gì thanh thản, chính Chúa Giêsu là chủ hoàn cảnh, Ngài điều hành toàn biến cố.

Có một điểm tôi muốn nhấn mạnh: Gioan thường cho chúng ta hay Chúa Giêsu biết, và Ngài đã loan báo những gì sẽ xảy ra. Nên khi đoàn lũ đến chặn bắt Ngài: "*Chúa Giêsu, biết mọi việc sẽ xảy đến cho mình, Ngài tiến lên và nói với họ: Các người tìm ai?... Nếu như muốn tìm Ta, thì hãy để cho những người này đi đi. Như thế Ngài đã nói phải được ứng nghiệm: Những kẻ Cha đã cho Con, Con không làm cho một ai trong họ phải mất*" (18, 4,8-9). Trong màn này, Gioan cho thấy chính Chúa điều khiển: Ngài tự nộp vì Ngài biết những gì phải xảy ra cho Ngài và Ngài cứu môn đệ Ngài. Ngài ngăn cản không cho họ bị bắt.

Sự chủ động của Chúa Giêsu cũng xuất hiện trong cuộc tranh cãi với Anna hoặc Philatô. Trước tòa án Anna, một người hầu, để lấy điểm với chủ, đã tát Chúa Giêsu và nói: "*Người trả lời với thầy cả thượng phẩm như vậy sao?*" và Chúa Giêsu trả lời: "*Nếu Ta nói sai, hãy chỉ điều sai ở đâu? Nếu Ta nói phải, tại sao người đánh Ta?*" (18, 22-23). Bị kết án như một Đấng Thiên Sai, Chúa Giêsu không có quyền xử sự như kẻ tội nhân, Ngài phải chống đỡ lập trường làm Thiên Sai của mình, xác quyết công lý của Ngài, và Ngài đã làm như thế. Philatô muốn xử Ngài, nhưng thực ra Chúa Giêsu đọc bản án thật sự: "*Ông không thể có quyền gì trên tôi nếu từ trên cao đã không cho*

ông quyền đó; do đó, kẻ đã nộp tôi cho ông mang một tội nặng hơn" (19,11).

Một điểm khác, ngay sau câu truyện giữa Chúa Giêsu và Mẹ Ngài, chúng ta đọc thấy: "*Đoạn Chúa Giêsu biết là mọi sự từ nay đã hoàn thành, Ngài nói, để cho toàn thể lời Kinh Thánh được thực hiện: Ta khát*" (19, 28). Có hai sự việc cần lưu ý ở đây. Trước hết, Chúa Giêsu muốn chu toàn lời Kinh Thánh. Sự chu toàn lời Kinh Thánh đã được ghi lại như các bản nhất lãm đã làm, khi người ta cởi áo Ngài (19, 24): đó là Thánh Vịnh 22. Sau đó là : "**Ta khát**", vì Thánh Vịnh 69, 22 đã nói: "*Trong cơn ta khát, họ đã cho ta uống dấm*". Người ta không đánh đập ống chân Ngài, nhưng đã đâm xuyên qua ngực Ngài. Ta thấy câu này ở sách Xuất Hành 12, 46: "*Các người sẽ không đánh đập các xương ta*", đây là nghi lễ của con chiên vượt qua thực sự, là hy lễ cứu độ chân thật, và là sự giải thoát cho dân Ngài. Hoặc ở 19, 37: "*Họ sẽ thấy kẻ họ sẽ đâm xuyên qua*". Nội dung này ở Zacharia 12,10. Trong tử nạn, Gioan cho chúng ta thấy Chúa làm chủ biến cố và hoàn thành Cựu Ước: biến cố tàn khốc không chịu nổi đó là mẫu nhiệm của cứu độ như Thiên Chúa đã loan báo, và vinh quang của Chúa Giêsu là hoàn thành thánh ý Thiên Chúa.

Đồng thời ta cũng thấy với những chữ của câu 28 "*Chúa Giêsu biết rằng mọi sự nay đã hoàn thành, Ngài nói: Ta khát*", Gioan cho thấy rằng đoạn Ngài nói với Maria là đỉnh cao của sự hoàn thành: mọi sự đã xong vào lúc Chúa Giêsu nói với Maria: "*Này là con bà*", và nói với môn đệ: "*Này là mẹ người*". Hãy

lưu ý câu nói ngắn gọn này có một tầm vóc quan trọng lạ lùng: nhiều nhà minh giải Thánh Kinh gần đây đã lưu ý nội dung đó.

Như thế, đoạn văn Chúa nói với Maria và người môn đệ được đặt trong toàn bộ, ở đó sự tử nạn của Chúa là mặc khải về vinh quang con Thiên Chúa, sự tôn vinh Đức Kitô, sự hoàn tất các lời Thánh Kinh, là đỉnh cao của lịch sử cứu độ.

Chúng ta hãy đưa ra những nét đặc trưng chi tiết của đoạn văn:

"Gần bên thánh giá Chúa Giêsu, có Mẹ Ngài, chị Mẹ Ngài, Maria, vợ của Clopas, và Maria thành Magdala đứng kề".

Người ta tranh luận nhiều về "**chị của Mẹ Ngài**". Có ba hay bốn bà? Đó là một vấn đề rất ư là phụ thuộc. Tuy thế, có lẽ có bốn bà, vì như một nhà minh giải Thánh Kinh đã nhận xét, thường trong một gia đình, không có việc hai chị em mang cùng một tên. Chị của Maria như thế không phải là Maria, vợ của Clopas. Đó là một luận cứ xem ra hữu lý. Mấy bà này là ai? Không có vấn đề đối với Maria thành Magdala, vì bà là kẻ duy nhất đã được cả bốn Tin Mừng nói đến tên rồi. "*Chị của Mẹ Ngài*", theo nhiều tác giả, là mẹ của Giacôbê và Josê (Mc 15, 40), là những người anh em họ của Chúa Giêsu. Salomé có thể là mẹ của các con của Zébédée. Lối giải thích khá cổ điển này xem ra gần sự thật hơn cả.

Nhưng vấn đề quan hệ hơn được đặt ra trong mấy câu này là không một tác giả nào của các bản Tin Mừng nhất lãm nhắc đến mẹ Chúa Giêsu ở chân Thánh Giá. Chỉ có Gioan ghi lại. Và một vài tác giả nói: Gioan muốn cho Maria một ý nghĩa và vì thế ông thêm vào đây, nhưng hẳn chỉ là một lối văn biểu tượng. Tôi trả lời ngay và một cách có nền tảng: Gioan thường chỉ dùng lối văn biểu tượng từ các sự kiện có thực. Chúa Giêsu bảo người mù tắm rửa ở suối Silôê. Silôê, nghĩa là được sai đi, nhưng người bệnh đã có thật ở Silôê. Gioan chỉ nhấn mạnh đến tương quan giữa địa danh và kẻ được sai đi. Ở Bethesda "**nhà của lòng thương xót**", Chúa Giêsu thực sự đã chữa lành người bất toại; Gioan nhấn mạnh có sự biểu tượng, và không bày đặt ra sự kiện. Thử hỏi Gioan đã cố tình thêm thắt Maria ở chân Thánh Giá chỉ vì muốn tạo ra một ý nghĩa biểu tượng hay không? Đúng ra là tác giả đã nhận chân một sự kiện và đã rút trả một ý nghĩa biểu tượng. Vì có ý nghĩa biểu tượng trong đó như thế không có nghĩa là có thể chứng minh rằng Maria không thực sự có mặt ở chân Thánh Giá.

Lý do thứ hai giải thích tại sao các tác giả Tin Mừng nhất lãm đã không ghi lại việc Maria ở đồi Calvariô. Đây là giả thuyết của riêng tôi. Do đâu có việc nêu tên các bà ở chân Thánh Giá? Nếu đọc giả nhìn lại các bản nhất lãm, thì sẽ thấy rằng cũng những bà đó có mặt lúc tắm liệm và khi thấy mồ trống. Các tác giả Tin Mừng nhắc đến họ vì họ là những kẻ đầu tiên làm chứng sự sống lại: vì đặt nơi việc sống lại,

nên các bà đã được liệt kê là những nhân chứng của việc Chúa chết và được tẩm liệm. Do đó tôi nghĩ người ta nhắc đến các bà lúc Chúa chịu đóng đinh vì người ta sẽ nêu tên các bà vào buổi sáng Phục Sinh. Đó là đợt đầu của lối luận chứng của tôi. Đây là đợt thứ hai: để chứng thực sự sống lại của Chúa Giêsu, trong xã hội Palestine, việc làm chứng của Maria không có giá trị gì cả. Mẹ không thể làm chứng cho con. Nếu Maria quả quyết con mình sống lại, mọi người sẽ nói: "Mẹ Ngài nói..". Như vậy, Maria có thể ở chân Thánh Giá, như Gioan kể lại, nhưng tác giả Tin Mừng nhất lãm không tưởng thuật vì nhân chứng của Mẹ về sự sống lại không đáng kể trong xã hội Israel. Ngày nay cũng thế, trước pháp đình, người ta không thể đưa người thân làm nhân chứng. Tôi nghĩ rằng sự thinh lặng của các bản Tin Mừng nhất lãm về sự hiện diện của Maria gần Thánh Giá phát xuất từ đó.

Chúng ta tiếp tục đọc đoạn văn:

"Khi thấy Mẹ Ngài, và cạnh Mẹ Ngài có môn đệ Ngài yêu thương, Chúa Giêsu nói với Mẹ mình: Hỡi bà, này là con bà".

Điều đáng lưu ý đầu tiên là lời nói này có một cấu trúc thường thấy trong các đoạn văn mặc khải. Đó là một sơ đồ rất cổ điển trong Tin Mừng Gioan. Chẳng hạn 1, 29: "*Gioan Tẩy Giả thấy Chúa Giêsu đến thì nói với Ngài: Này đây là Con Chiên Thiên Chúa đáng cất khỏi tội trần gian*". "**Thấy..., Ngài nói:**

Đây là..." chính là phương cách Gioan Tẩy Giả tuyên bố về mầu nhiệm của Chúa Giêsu. Cũng thế, ở các câu 35-36: "*Gioan còn đứng đó với hai trong các môn đệ của ông: Đưa mắt nhìn thấy Chúa Giêsu đang đi qua, ông nói: Đây là Chiên Thiên Chúa*". Và cũng là một lối nói để định nghĩa sứ mạng Thiên Chúa trao cho Đức Giêsu. Ở câu 47: "*Chúa Giêsu thấy Nathanael đến và nói về người này rằng: Đây là một người dân Israel chân thật, một kẻ không giả dối*". Khi Gioan Tẩy Giả định nghĩa Chúa Giêsu, cũng như khi Chúa Giêsu định nghĩa Nathanael, thì đó là nói đến vị trí của họ trong việc làm của Thiên Chúa. Ở đồi Calvariô, cũng gặp lại một sơ đồ hành văn như thế, sơ đồ mà Gioan thường dùng để định nghĩa sứ mạng, ơn gọi của một nhân vật. Như thế chính lối hành văn này sẽ giúp ta giải thích đoạn văn.

Nhận xét thứ hai: Điều mà Chúa Giêsu nói lên trước, là định nghĩa của người môn đệ: "*Này là con bà*". Chúa Giêsu khởi đầu định nghĩa vị trí của người môn đệ trong tương quan với Maria, và chỉ trong câu thứ hai Ngài mới nói với người môn đệ: "*Đây là Mẹ con*". Đây là ưu lo của người làm con nơi Chúa Giêsu khi biết mình sắp ra đi và phó thác Mẹ mình cho một người để lo lắng; hẳn đó là một yếu tố hết sức nhân loại. Nhưng điều đáng lưu ý là việc đó đi sau câu: "*Hỡi bà, đây là con bà*". Như chúng ta đã nhận xét sự việc tương tự ở Cana, chữ "**Bà**" muốn nói rằng Chúa Giêsu không nêu lên đây với tư cách làm con, nhưng trước hết là Chúa của Nước Trời đang định nghĩa một sứ mạng. Lệnh này rất quan trọng để hiểu ý của đoạn

văn: "Và từ giờ đó, người môn đệ đem người về ở nhà mình". Chúng ta lưu ý lại lối nói "giờ", bây giờ lại lặp lại... Gioan nhấn mạnh rằng Lời Chúa đã được tuân theo; Maria đã được đón nhận.

Tôi nhắc lại dữ kiện cuối cùng: "*Và bây giờ biết rằng mọi sự hoàn tất...*". Từ giây phút đó Chúa Giêsu có thể chết. Nếu tôi phải sắp đặt lại cơ cấu đoạn văn, tôi có thể nhận xét rằng đoạn văn chịu nạn trên Thánh Giá gồm bảy màn tiếp diễn nhau:

1. Đóng đinh vào Thập Giá,
2. bảng hiệu do Philatô đặt,
3. chia áo,
- 4. Chúa Giêsu và Mẹ Ngài,**
5. Chúa chết,
6. lưỡi đồng đâm qua sườn,
7. an táng.

Chúa Giêsu và Mẹ Ngài là màn giữa và Gioan nhấn mạnh điều đó qua câu nói: "*Bây giờ mọi sự đã hoàn tất*". Thứ tự đó cho thấy Gioan đưa ra một ý nghĩa rất sâu xa trong màn này.

Bây giờ tôi xin trình bày việc giải thích bản văn: Gioan trước hết kể lại cho chúng ta một giai đoạn lịch sử, một kỷ niệm, và chắc chắn có một ý nghĩa tượng trưng phải truy tìm. Tự bốn gốc nền tảng phải có một sự việc đã xảy ra và có những bảo đảm lịch sử có giá trị. Sự hiện diện của các bà cạnh Chúa Giêsu trên Thánh Giá không phải là khó giải thích: đó là chuyện thường xảy ra lúc bấy giờ. Tôi đã nói tại sao người ta có thể nghĩ là các tác giả bản Tin Mừng nhất lãm đã không nói đến Maria trên đồi Calvariô.

Chúng ta cũng nhớ là Luca có nói đến việc Đức Trinh Nữ có mặt ở Giêrusalem với các Tông Đồ trong thời gian giữa lúc Chúa lên trời và lúc Thánh Thần hiện xuống. Nên Mẹ hẳn có mặt ở Giêrusalem lúc Chúa chịu nạn: là người ngoan đạo Do Thái, thường là mẹ phải lên đền thánh vào dịp lễ Vượt Qua. Ngoài ra, việc Chúa hấp hối giao phó Mẹ mình cho môn đệ, là việc thường tình. Và người ta đã thấy đây là một trong những chỉ dấu của sự trinh khiết vĩnh viễn của Maria. Theo các chi tiết này, đoạn văn không tạo khó khăn cho sử gia.

Có phải Gioan muốn nói những việc đó mà thôi không? Theo tất cả những gì chúng ta đã biết về sự long trọng trong những màn Thương Khó Chúa, về lối nói mặc khải Chúa dùng, về chú thích cuối cùng của câu 28, thì đến mức đó là hoàn tất đầy đủ mẫu nhiệm: và cũng lúc đó vị thế, sứ mạng của người môn đệ được mặc khải. Chúng ta cũng nói thêm đến sự đối chiếu song song với tiệc cưới Cana. Maria xuất hiện hai lần mà thôi trong Tin Mừng của Gioan, hai lần đối diện với Chúa Giêsu, và Chúa nói với Ngài một cách long trọng khi dùng chữ "**Bà**". Trong hai trường hợp luôn có chữ "**giờ**", và đề tài về giờ đó làm phần đề giữa hai màn. Khi thấy được toàn bộ các sự kiện, ta nghĩ rằng Gioan không chỉ muốn thuật lại một cảnh cảm động đã qua và chỉ nêu lên lòng trung hiếu của Chúa Giêsu đối với mẹ mình. Chắc chắn tác giả còn muốn đưa ra ý nghĩa sâu xa hơn nữa.

Ở đây phải để ý hai lối giải thích: những kẻ khước từ quan điểm tượng trưng và những kẻ chủ

trường lối đó. Trong quan điểm đầu, đó là lối giải thích trước đây của trường phái Tin Lành, nhưng ngày nay sự thế cũng đã khác, vì có những người như Max Thurian nhìn nhận quan điểm tượng trưng một cách thâm tín. Trái lại, một số tác giả công giáo sợ phải đi quá xa, nhất là các tác giả công giáo Đức như R. Schnackenburg. Cũng như H. van den Busche, một người từng viết một bài bình giải rất hay về Gioan, nhưng rất dè dặt về tất cả những gì có tính cách tượng trưng trong tiệc cưới Cana hoặc ở đồi Calvariô: đối với các tác giả này, hẳn đây chỉ là những lời từ biệt của Chúa Giêsu, là sự hiểu thảo đối với Maria. Đường lối giải thích này xem ra không chấp nhận những gì chúng ta vừa trình bày.

Vì thế tôi xin đề nghị nên đi theo lối giải thích tượng trưng của A. Feuillet, de R. E. Brown. Ông Feuillet dựa vào một số tác giả liên kết màn ở Calvariô với đoạn 16, 21: "*Người phụ nữ lúc sắp sinh con lo buồn vì giờ mình đã đến; nhưng khi bà đã sinh hạ, bà quên các cơn đau, bà ở trong nỗi vui vì một người được sinh ra đời*". Ngụ ngôn về sự sinh hạ, về sự đau khổ cần thiết cho cuộc sống xuất hiện là một đề tài cổ điển của khái huyền mà người ta đã thấy nơi Isaia (66, 7-14; 26, 16-19). Những nỗi đau đó, là việc sinh ra một dân mới. Ý tưởng đó đã được khai thác trong các bài ca tụng của cuốn Qumran; người ta đã đọc được nơi đó một bức tranh khái huyền về người phụ nữ sinh con trong đau đớn, và khai sinh ra dân Chúa. Như thế, chúng ta có một hậu cảnh khái huyền Do Thái rất quan trọng. Ngoài ra, đây là một trong

những "Logia" (= cách nói) riêng của Gioan; mà hình thức, lối văn, tư tưởng của nó cho ta thấy cũng là lối nói của chính Chúa Giêsu. Do đó, đây là một lời nói mạnh mẽ của Chúa Giêsu diễn tả sự nảy sinh hoa trái của khổ đau Thánh Giá: người ta tìm thấy lại nơi đó những đề tài về người đàn bà, về giờ, về sự tái sinh và niềm vui Phục Sinh.

Khi Gioan trình bày Chúa Giêsu và Mẹ Ngài và giờ khổ nạn Thánh Giá: "*Hỡi bà, này là con bà*", đây phải được hiểu là một sự tái sinh: chính do đó mà các môn đệ trở nên những người em của Chúa Giêsu - và thực như thế, sau đó Tân Ước sẽ gọi họ là những người em Chúa Giêsu (*Mt 28, 10; Gioan 20, 17*). Maria nhận một chức phận Giáo Hội: mẹ đại diện dân mới, vào giờ Chúa Giêsu đón nhận tất cả những người em của Chúa Giêsu sinh ra từ nỗi đau khổ của Thánh Giá. Trong giai đoạn lịch sử đó, Gioan thấy Maria đại diện cho Giáo Hội, và trước khi nói rằng Maria được phó thác cho Gioan, thì tác giả cho thấy Gioan được phó thác cho Maria, vì Maria là kẻ có thể giúp các môn đệ đi vào sự sống của Chúa Giêsu, biết Ngài, và hiến trọn cho Ngài¹¹. Cần phải đào sâu hơn nữa để

¹¹ Trong bản văn, không nêu lên tên Gioan, nhưng là "*người môn đệ Ngài yêu mến*". Đã có nhiều tranh luận xem người đó là ai. Cha Boismard nghĩ người đó là Philipphê. Nhưng thường người ta vẫn nghĩ là Gioan kín đáo nói đến mình. Bên trên cuộc tranh luận đó, "*người môn đệ Chúa yêu*", theo tác giả Tin Mừng, chỉ kẻ Chúa Giêsu tin tưởng vì người đó trung tín, là kẻ Ngài có thể mặc khải mầu nhiệm. Và không phải ngẫu nhiên người đó được phó thác cho Maria: người đó đại diện cho tất cả những ai phải thực sự trở thành em của Chúa Giêsu qua Maria. Và người môn

thấy được tại sao người ta khám phá ra Maria là hình ảnh Giáo Hội, nơi Tin Mừng thời thơ ấu của Luca cũng như ở đây: hẳn nhiên vì người ta thấy nơi Mẹ sự **trung tín tuyệt vời**, là người đã làm nên Đức Giêsu thì cũng là kẻ có đủ tư cách hơn cả để giúp cho môn đệ thật sự trở thành em của Ngài.

Cuối cùng, câu truyện này mang trọn tất cả ý nghĩa của nó, đã được tiên đoán trong sự khác biệt với Cana. Maria đã làm nên Chúa Giêsu cho đến Cana. Chúa Giêsu khởi đầu sứ mạng mình và nói với Mẹ: "*Nay hãy để con làm*". Nhưng trên Thánh Giá, Chúa Giêsu sắp ra đi và công việc của Ngài phải được tồn tại: sự tái sinh phải được thực hiện nơi mỗi môn đệ và Maria là hình ảnh tuyệt vời cho dân mới đang sinh ra trong khổ đau của sự sinh đẻ nơi Thánh Giá. Ở đây Gioan thấy một nội dung sâu xa vì tác giả hiểu biết thấu đáo Maria: đối với tác giả Mẹ là một kẻ tin hoàn hảo; đức tin của Mẹ phong phú đến nỗi đã làm nên Con Thiên Chúa và có thể làm nên những người em của Chúa Giêsu.

IV. SÁCH KHẢI HUYỀN 12

Có một đoạn văn cuối cùng mà vấn đề về Maria nơi Gioan được đặt ra: thị kiến về người phụ nữ và con rồng trong *Khải Huyền 12*. Đoạn văn phải được đọc trong toàn bộ cuốn Khải Huyền, đồng thời phải lưu ý đến lối văn rất đặc biệt này. Chúng ta đã

đệ trung tín đón nhận Maria cũng là Giáo Hội, có trọng trách thực thi luôn mãi việc của Chúa Giêsu.

biết đến lối văn đó từ đề tài đến các kỹ thuật hành văn qua các bản văn Khải Huyền của văn chương Do Thái: Daniel, Hénoch, Baruch, Esdras. Theo truyền thống và ngay từ đầu, cuốn sách này được nhìn nhận là do Gioan viết. Thực vậy, ngay từ đầu sách, tác giả nói: "*Tôi là Gioan, anh em của quý vị...*". Khi người ta so sánh cuốn Khải Huyền với cuốn Tin Mừng thứ tư, người ta thấy giữa hai cuốn sách có những sự khác biệt lớn lao, do từ cách hành văn của hai cuốn. Nhưng người ta cũng thấy có những điểm gặp gỡ quan trọng giữa chúng, như việc Chúa Giêsu được gọi là Ngôi Lời Thiên Chúa, là lối nói chỉ có trong hai cuốn này. Có phải cùng một tác giả đã viết không? Hoặc một môn đệ nào đó của vị Tông Đồ này đã chép lại ý nghĩ của thầy mình? Nhiều nhà phê bình ngày nay nghĩ rằng thánh Tông Đồ đã viết Khải Huyền, và các đề đề của ngài đã viết cuốn Tin Mừng. Không có gì rõ rệt cho lắm trong giả thuyết này. Nhưng điều chắc chắn là cuốn Khải Huyền phát xuất từ môi trường nơi Tin Mừng của Gioan đã được viết ra.

Câu truyện của chúng ta nằm trong một chuỗi các thị kiến: nó đi trước thị kiến về con quái vật dưới biển và con quái vật trên đất, sau đó là các thị kiến của những người được cứu thoát, các thiên thần loan báo ơn cứu độ, mùa gặt và cảnh hái nho. Ở đây chúng ta gặp lại một lối cấu trúc văn chương thông dụng trong bản văn Khải Huyền: từng đợt số 7. Chẳng hạn bảy chén, bảy kèn, bảy vết thương trên nhân thế. Những dấu hiệu đi tiếp thị kiến của người đàn bà tượng trưng cho hoàn cảnh Giáo Hội bị bách hại: con

quái vật đi ra khỏi biển là uy quyền đế quốc sắp sát hại những Kitô hữu vì họ từ chối lối phụng thờ của đế quốc; quái vật trên đất, có lẽ là một giới giáo sĩ "Asiate" chỉ huy cơn bách hại này. Ngay ở đây toàn bộ bản văn giúp ta khám phá được hình ảnh muốn nói gì: thị kiến về người phụ nữ mô tả hoàn cảnh của Giáo Hội sơ khai đang chiến đấu với Satan trong cuộc bách hại và việc làm chứng Chúa Giêsu.

Một nội dung khác nữa: ở đây người đàn bà đang sinh hạ và sinh ra Đấng Thiên Sai. Cần nhìn hậu cảnh của bản văn này qua *Isaia 22, 66*: người phụ nữ là toàn dân, đang sinh ra một thế giới mới, một tạo vật mới, một nhân loại mới.

Điều tôi nói trước tiên để giải thích chương 12 là ở đây chúng ta theo một hành trình ngược lại với hành trình của Tin Mừng. Trong Tin Mừng của Gioan, tác giả thuật lại những màn cảnh liên quan đến Maria và từ đó đi đến một biểu tượng về Giáo Hội; trong sách Khải Huyền người ta khởi từ một hình ảnh của dân Chúa và tìm thấy lại nơi đó Maria. Hai phương cách này bổ túc cho nhau.

Đây là đoạn văn:

*"Một dấu hiệu uy nghi đã xuất hiện trên trời: đó là một **Người Đàn Bà**! Mặt trời phủ bà, mặt trăng dưới chân bà, và mười hai ngôi sao quăn trên đầu bà; bà đang mang thai và la lên vì cơn đau sinh nở" (câu 1).*

Như vậy, đây là một bà đang sinh con và được đội triều thiên 12 ngôi sao: đó là một biểu tượng truyền thống của dân Chúa và mười hai thị tộc của nó.

"Sau đó một dấu hiệu thứ hai xuất hiện trên trời: một con Rồng khổng lồ màu lửa đỏ có bảy đầu và bảy sừng, mỗi đầu có đội thêm một vương niệm. Đuôi nó quét một phần ba các ngôi sao trên trời và quăng các sao đó xuống đất" (các câu 3- 4).

Đoạn này nhắc ta nội dung của *Daniel 8, 10*. Bản văn áp dụng về việc các thiên thần sa đọa (đọc phần sau đó sẽ thấy).

"Dừng lại trước người Đàn Bà đang sinh con, con Rồng chực vỗ lấy đứa con mới sinh của bà. Vì Người Đàn Bà đã sinh ra đời một đứa con trai, là người sẽ dẫn dắt toàn thể các nước với một gậy sắt" (xem câu 4-5).

Ở đây chúng ta có một câu trích của Thánh Vịnh 2, Thánh Vịnh nói đến Đấng Thiên Sai. Vì theo truyền thống của văn chương Khải Huyền, dân cũ để ra dân mới vào thời Đấng Thiên Sai, nên hình ảnh này thường phải được áp dụng cho sự sinh ra của Đấng Thiên Sai và dân Ngài. Nhưng một Kitô hữu không thể đọc điều đó mà không nghĩ đến chính mẹ của Đấng Thiên Sai, và người mẹ này có một tên là: Maria.

"Và đứa trẻ được đưa lên cạnh Thiên Chúa và ngay Ngài, trong khi đó người Đàn Bà chạy

lánh ra sa mạc, nơi mà Thiên Chúa đã xếp đặt cho Bà một nơi trú ẩn để bà được dưỡng nuôi ở đó trong 1260 ngày" (các câu 5-6).

1260 ngày nghĩa là gần ba năm rưỡi; từ Daniel, ta được biết thời gian này theo văn chương Khải Huyền là thời gian thử thách của giai đoạn cuối của lịch sử. Daniel trước đây đã đưa ra thời gian đó vì một lý do lịch sử, đó là thời gian bách hại của *Antioches Epiphane*.

Nhưng câu 7 đến 12 tiếp theo liên quan đến sự sa đọa của các Thiên Thần. Câu 9: "*Con Rồng khổng lồ, con Rắn từ ngàn xưa, Quỷ sứ hoặc Satan như ta gọi nó, kẻ quyến rũ dụ dỗ toàn thế giới*" hẳn nhiên có liên quan đến câu truyện trong Sáng Thế, đến con rắn đã cám dỗ người nữ. Và việc đó nhắc đến Người Đản Bà vào thửa ban đầu, hình ảnh của Eva, mẹ nhân loại, hình ảnh rõ rệt hơn cả về dân. Một số tác giả đã thử tìm lại Eva trong Gioan 19 và nhất là ở Cana, vì người ta tìm thấy có chữ "**Người Đản Bà**". Các nhà minh giải Thánh Kinh ngày nay đã bác khước chuyện đó vì không phải chỉ cần có chữ "**Đản Bà**" là phải nghĩ đến Eva. Ngược lại, việc nêu lên con rắn từ xưa nơi sách Khải Huyền lại thực sự nhắc đến một vài nét đặc trưng của Eva nơi người Đản Bà ở đây: sự tranh chấp thửa trước khi Satan đã cám dỗ Eva, cuộc tranh chấp lịch sử khi Satan đã muốn chế ngự Chúa Giêsu, thì nay sự thể vẫn tiếp tục trong cuộc bách hại.

Như thế, sự việc xảy ra nổi bật là Người Đản Bà ở chương 12 là mẹ của dân Chúa trong cơn thử

thách: bà đã biết cơn thử thách nơi Eva, bà đã biết cơn thử thách nơi Maria, và cơn thử thách tiếp tục trong lịch sử Giáo Hội. Cơn thử thách đó được diễn tả trong các câu 13 và tiếp theo:

"Khi thấy mình bị ném xuống đất, con Rồng lao mình đuổi bắt người Đàn Bà, mẹ của Đứa Con Trai. Nhưng Bà nắm đôi cánh của con Đại Phượng Hoàng để bay đến sa mạc cho tới nơi trú ẩn, ở đó, xa khỏi con Rắn, Bà phải được nuôi dưỡng một thời và nhiều thời, và một nửa của một thời".

Đây cũng là ba năm rưỡi chịu khốn khổ trong buổi chung mạng để đi vào vương quốc mà Chúa sẽ đến một cách chung toàn. Trong lúc chờ đợi, cuộc chiến đấu tiếp diễn giữa Satan luôn dụ dỗ và Người Đàn Bà thiên quốc:

"Bấy giờ, con Rắn từ miệng mửa ra như một giòng sông chảy theo sau Người Đàn Bà để kéo Bà vào các lớp sóng của mình. Nhưng trái đất đến cứu Người Đàn Bà: Bà mở miệng ra, nuốt giòng sông do miệng con Rồng đã mửa ra. Lúc ấy, vì tức tối giận dữ chống lại Người Đàn Bà, nó ra đi gây chiến chống lại phần còn lại của các con bà, tức là những kẻ vâng phục các lệnh của Chúa và mang nhân chứng của Chúa Giêsu".

Cuộc chiến được chương 13 cuốn Khải Huyền diễn tả là sự bách hại tìm cách triệt hạ Kitô giáo tại Á châu.

Khung cảnh chung của đoạn văn muốn diễn tả cho chúng ta biết số phận của dân Chúa từ Eva cho đến thời bách hại Roma, và dân đó được trình bày qua hình ảnh **người đàn bà**: mẹ của dân, là Eva, và cũng là Maria. Những vị tử đạo ngày nay là con của **người đàn bà** ấy.

Diễn tả bà đó cách nào? Người ta mang cho bà ta một số nét của Eva vì bà bị con rắn thách thức; người ta cho bà đó một vài nét của Maria vì bà đó đã sinh hạ người con, đáng sẽ cai trị các nước với một cây gậy sắt; và người phụ nữ ở trong sa mạc này cũng là Giáo Hội bề ngoài như bị bỏ rơi, luôn phải chịu thử thách. Như thế chúng ta có ba hình ảnh chồng lên nhau: Eva, Maria và Giáo Hội. Chính Giáo Hội, dân Chúa được đặt nổi lên. Nhưng trên cái nhìn thần học về Maria, sự thể đó có nghĩa là người ta thấy nơi Maria là kẻ cứu mang và đại diện tuyệt vời dân Chúa, cuộc sống huynh đệ của tất cả môn đệ Chúa Giêsu. Bởi vì làm Mẹ Chúa Giêsu, Maria đã nhìn tất cả các môn đệ như con mình. Mẹ đã hiệp thông với Tin Mừng và sứ mạng của Chúa Giêsu một cách gắn bó đến độ cùng với Chúa, Mẹ đã cho cái chết và sự sống lại của Ngài một ý nghĩa Giáo Hội. Chúa Giêsu thấy tất cả những gì đến với Ngài đều có liên quan đến Nước Thiên Chúa. Maria đã có một đức tin vào con mình, một đức tin thâm sâu đến nỗi Mẹ đã có thể nhìn số phận của Chúa Giêsu và số phận của Mẹ chính là

để phục vụ Nước Trời. Đối với những Kitô hữu đầu tiên từng biết Maria, không có gì lạ khi họ có được hình ảnh này: Mẹ là người trung tín, là người kết hợp với công việc Chúa Giêsu một cách gắn bó đến nỗi người ta có thể thấy nơi Mẹ hình ảnh tuyệt vời của Giáo Hội.

Đến cuối phần nghiên cứu này, chúng ta nhận thấy rằng Giáo Hội thời sơ khai đã cần một thời gian nào đó để nhận ra vai trò của Maria trong tất cả các chiều kích sâu rộng của nó. Người ta biết sự thể đó có hai lý do để giải thích: Một phần Thiên Chúa là nhà giáo dục và Ngài không cho cả một lần. Mặc khải về Chúa Giêsu là ưu tiên tuyệt đối. Phần khác, mặc khải không bao giờ đến với chúng ta qua lời nói; trong các bài giảng mà Chúa Giêsu có thể làm, nhưng đã không làm, vì mặc khải phải đến với ta qua chính biến cố của Giáo Hội. Vai trò của Maria xuất hiện ra như một sự kiện được Giáo Hội hiểu dần dần, thấm nhập sâu xa và diễn tả ra trong kinh nghiệm của mình. Chính khi sống Tin Mừng của Chúa Giêsu, khi phục vụ Nước Ngài, bấy giờ Giáo Hội mới dần dần biết được nữ tì của Chúa: trong sự trung tín cụ thể, trong đức tin sâu xa, trong vai trò làm nên Giáo Hội, cuối cùng trong ân sủng đặc biệt Chúa đổ đầy nơi Mẹ.

**MARIA LÀ NỮ TÌ TUYỆT VỜI,
MẸ CHỈ BIẾT: ĐÓN NHẬN CHÚA GIÊSU,
THỰC HIỆN CHÚA GIÊSU,
CHO CHÚNG TA CHÚA GIÊSU.
ĐÓ LÀ VAI TRÒ DUY NHẤT VÀ CAO CẢ CỦA MẸ.**

MỤC LỤC

1- Quyển 1

TIN MỪNG THỜI THƠ ẤU CHÚA THEO LUCA I-2

<i>Dẫn nhập</i>	9
Phần nhất	
<i>Những khó khăn nơi các bản Tin Mừng</i>	11
I. Niên kỷ của các bản văn	12
II. Những dị biệt của Luca và Mathêu	14
III. Văn thể	16
A) Luca muốn kể lại các sự kiện	19
B) Luca dùng các kỹ thuật viết văn riêng	30
C) Luca muốn trình bày một nền Kitô học	41
<i>Kết luận</i>	44
Phần hai	
<i>Truyền Tin</i>	47
I. Minh giải	49
II. Sứ điệp của bản văn	62
1. Trước hết là mẫu nhiệm về Chúa Giêsu	62
2. Chúng ta dừng lại lâu hơn về Maria	63
3. Tinh cách lịch sử của biến cố Truyền Tin	70
Phần ba	
<i>Thăm viếng và bài ca Magnificat</i>	77

2- Quyển 2 : ĐỨC MARIA TRONG TÂN ƯỚC	85
<i>Dẫn nhập</i>	
Phần nhất	
<i>Lời rao giảng của các Tông Đồ</i>	87
I. Những bài giảng đầu tiên của các Tông Đồ	87
II. Bản văn duy nhất của Thánh Phaolô được nêu lên	90
Phần hai	
<i>Đức Maria trong thời hình thành các bản Tin Mừng</i>	93
I. Sự can thiệp của người thân Chúa Giêsu trong	
Marcô, Mathêu và Luca	94
A) Câu chuyện do Marcô kể (3, 31-35)	95
B) Câu chuyện do Mathêu kể (12, 46- 50)	99
C) Câu chuyện do Luca kể (8, 19- 21)	101
II. Chúa Giêsu viếng thăm Nazareth	106
III. Bản văn của cuốn Tông Đồ Công Vụ , 14	111
Phần ba	
<i>Các bản Tin Mừng thời thơ ấu Chúa</i>	113
I. Những điểm chung giữa Mathêu và Luca	114
II. Những điểm đặc biệt trong Tin Mừng Mathêu	118
III. Maria theo Tin Mừng Luca	120
Phần bốn	
<i>Các bản Tin Mừng của Gioan</i>	
I. Những nét đặc biệt trong Tin Mừng Gioan	125
A) Đặc biệt về hành văn	125
B) Những nét đặc biệt có tính cách lịch sử	127
C) Những nét đặc biệt về tín lý	136
II. Maria ở Cana (Gioan 2, 1-12)	137
III. Maria trên đồi Calvariô (Gioan 19, 25-27)	142
IV. Sách Khải Huyền 12	154